

diễn đàn

Số 110/ 9.2001

ISSN 1164-2378

F O R U M



TRẦN (Bui), thư pháp của
cụ NGUYỄN VĂN BÁCH (bút danh Lô Công Tháo)
[Triển lãm Thư pháp Việt Nam từ 9 đến 15.09.2001 tại Tỉnh
đường Khuông Việt, 53 bis rue Ch. de Gaulle, 91400 ORSAY
điện thoại : 01 60 92 53 76]

Im lặng bao trùm giường bệnh của lão tướng TRẦN ĐỘ

Dư luận đang quan ngại về tình trạng của trung tướng Trần Độ, nhà cách mạng lão thành 77 tuổi, nguyên Phó tư lệnh Quân giải phóng, Trưởng ban Văn hoá Văn nghệ Trung ương, Phó Chủ tịch Quốc hội.

Lo ngại trước tiên vì tình hình sức khoẻ của ông : phải đưa cấp cứu vào bệnh viện ở Thành phố Hồ Chí Minh rồi đưa ra bệnh viện Hữu Nghị (Hà Nội), ông bị té gãy chân, tiểu ra máu và sức khoẻ suy yếu nghiêm trọng vì bệnh tiểu đường mãn tính (hư bàn chân) [theo tin của chúng tôi, ngày 24.8 ông được đưa về điều trị tại nhà, sau hơn hai tháng nằm bệnh viện].

Đặc biệt quan ngại là tình trạng tinh thần của ông : trước khi nhập viện, công an Quận Tân Bình (TP HCM) đã chặn xe và tước đoạt bản thảo những trang Nhật kí mà ông ghi chép trong suốt 6 tháng trước đó. Từ bệnh viện, Trần Độ đã gửi thư (hai lần) cho các ông Nông Đức Mạnh (Tổng bí thư), Nguyễn Văn An (Chủ tịch Quốc hội) và Phan Văn Khải (Thủ tướng), đồng thời gửi thư cho Ban chấp hành Hội nhà văn (mà ông là một thành viên lão thành).

Cả ba bức thư đều không được hồi âm và cho đến nay, tập bản thảo vẫn chưa được trả lại cho tác giả. Dư luận xôn xao, nhiều người (đầu tiên phải kể ông Nguyễn Thanh Giang, nhà địa vật lí đã từng bị ông Lê Đức Anh vô cớ ra lệnh bắt giam) đã gửi và công bố thư phản đối. Một vài quan chức (đại tướng về hưu Võ Nguyên Giáp, ông Nguyễn Văn An) cuối cùng đã vào bệnh viện thăm tướng Trần Độ với... “ tư cách cá nhân ”, nhưng tuyệt nhiên chính quyền vẫn im lặng tránh né những câu hỏi cơ bản : hành động trắng trợn vi phạm quyền tự do tối thiểu đối với ông Trần Độ phải chăng là chủ trương của lãnh đạo ĐCS? nếu không, thì tổng bí thư mới có đủ uy quyền và bản lĩnh để trừng trị cấp dưới hay không ?

Tiếp theo các vụ đàn áp tôn giáo, sự im lặng bao trùm giường bệnh của tướng Trần Độ đặt ra nghi vấn về thực tâm và thực quyền của ông Nông đức Mạnh và ban lãnh đạo mới của ĐCSVN.

DIỄN ĐÀN

(xem tiếp trang 10)

mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

thời sự & những vấn đề

- | | |
|--------------------------------|----------|
| 1 Sự im lặng trùm quanh... | Diễn Đàn |
| 4 Tin / Thời sự | |
| 9 Tướng Dương Văn Minh từ trần | P.Q. |
| 10 Thư gửi ông Nông Đức Mạnh | Trần Độ |

văn hoá & khoa học & nghệ thuật

- | | |
|-----------------------------------|----------------|
| 12 Đọc Trần Dần | Văn Ngọc |
| 14 Ghi 1954-60 (trích) | Trần Dần |
| 16 Về tính hiệu học ngày nay | Cao Xuân Hạo |
| 21 Toán học, phát triển và... | Mohamed Jaoua |
| 22 Về hai chữ SINH THÌ | Nguyễn Tài Cần |
| 24 Xôi nóng | Lê Minh Hà |
| 26 Những khúc tình ca một thời | Văn Ngọc |
| 29 Nhạc phản chiến Trịnh Công Sơn | Bửu Chỉ |

Hanoi au miroir des métropoles asiatiques

thứ năm 13-09-2001 từ 9g đến 18g
tại **Palais du Luxembourg** (Salle Médicis)
15 rue de Vaugirard,
75006 Paris
Métro, Bus : Luxembourg, Odéon

Nhân cuộc triển lãm *Hanoi, le cycle des métamorphoses* (Hà Nội, những chu kỳ hoá thân) tổ chức tại Institut Français d'Architecture, 6 bis rue de Tournon, Paris 6e, từ 13-6 đến 16-6-01 (xem ĐĐ số 109), một cuộc hội thảo trên một đề tài rộng hơn, nhằm nêu lên những vấn đề lịch sử, văn hoá, nghệ thuật, cảnh quan, đặt ra cho sự phát triển của những đô thị Á châu như : Hà Nội, Bangkok, Hồng-Kông, Thượng Hải, Seoul, Singapour, Đài Bắc, v.v. đã được IFA và IPRAUS đứng ra tổ chức. Cuộc hội thảo được đặt dưới quyền bảo trợ của Chủ tịch Thượng nghị viện Pháp, với sự tham gia của Région Ile-de-France, sự giúp đỡ của bộ Ngoại giao và bộ Văn hoá Pháp.

Ban phối hợp và điều hành gồm có : Nathalie Lancret, Pierre Clément, Charles Goldblum, Nguyễn Quốc Thông, Christian Pédelahore de Loddis.

Ai muốn tham gia hội thảo đều phải ghi tên trước :

www.archi.fr/IFA-CHAILLOT

điện thoại : 01 46 33 90 36

Tin buồn

Chúng tôi được tin

Ông Đào Trọng Nguyên

đã từ trần ngày 17.8.2001, thọ 76 tuổi. Lễ an táng đã cử hành ngày 23.8.2001 tại nghĩa trang Orme à moineaux, Les Ulis, ngoại ô nam Paris.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng chị Nhựt, Mỹ Anh, Trọng Đức và toàn thể và tang quyến.

Chúng tôi được tin

Ông Bùi Quang Tung

đã từ trần ngày 11.8.2001, thọ 91 tuổi. Tang lễ đã cử hành ngày 10.8.2001 tại nghĩa trang Thiais, ngoại ô nam Paris.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng Bà Bùi Quang Tung và tang quyến.

[Sinh năm 1911 tại Bến Tre, tốt nghiệp luật học ở Hà Nội, ông Bùi Quang Tung làm luật sư ở Sài Gòn từ năm 1940. Thập niên 50, ông sang Pháp học văn khoa, quan hệ quốc tế, rồi được cử làm đại diện Trường Viễn Đông Bác Cổ (EFEO) tại Sài Gòn. Từ 1963, ông làm việc ở châu Phi. Trở lại Pháp từ năm 1980, ông tiếp tục cộng tác với EFEO. Nhiều bài nghiên cứu của ông đã được đăng trên các tạp chí B.F.E.O., B.F.E.I., France-Asie, B.S.E.I., B.E. F.E.O. Ông đã cộng tác với *Diễn Đàn* qua bài *Dòng họ Lý từ Đại Việt đến Đại Hàn* (số 41, tháng 5.95)].

Bạn đọc & Diễn đàn

Hãy để Hồ Nai chúng tôi yên !

Tôi là một độc giả của *Diễn Đàn* ngay từ số đầu. Viết như vậy để nói rằng mặc dầu tôi không hoàn toàn đồng ý với lập trường của quý báo, song tôi vẫn coi ĐĐ là một tờ báo đáng hoàng, tin tức chính xác, lập luận nghiêm túc. Chính vì vậy mà tôi thành thực yêu cầu ĐĐ nên tránh dùng những từ ngữ gây xúc phạm đến độc giả. Thí dụ : *nào trạng* “ Công giáo Hồ Nai ” (trong bài *Những tiếng thở dài*, trang 1, số 108, tháng 6.2001). Hình như không phải lần đầu mà người dân Công giáo Hồ Nai bị chỉ trích là *cực đoan*, là *intégriste* trên báo *Diễn Đàn*.

Là người gốc Công giáo Hồ Nai, có gia đình sống ở Hồ Nai, tôi cam đoan với quý vị rằng Công giáo Hồ Nai không phải như vậy.

Viết thư này, tôi chỉ mong quý vị hãy để cho Hồ Nai chúng tôi yên. Thư này không có mục đích gì khác, không nằm trong một “ *campagne de presse* ” nhằm vào ĐĐ đâu.

N. D. C. (Massy, Pháp)

☞ Chúng tôi rất cảm kích khi được đọc thư ông và xin ông vui lòng lượng thứ nếu mấy chữ nào trạng “ Công giáo Hồ Nai ” đã khiến ông (và một số bạn đọc) cảm thấy bị xúc phạm.

Cố nhiên, chúng tôi không hề có ý đó, càng không hề muốn chỉ trích đồng bào Công giáo (hay không Công giáo) đang sống ở Hồ Nai, hay là người gốc Hồ Nai. Bản thân người viết mấy dòng này không bao giờ quên ngày Giáng sinh 1975 được sống ở Hồ Nai, dự lễ với đồng bào Công giáo. Cuốn Kinh Thánh trọn bộ Cựu ước và Tân ước mà chúng tôi giữ làm sách gối đầu giường và đã giới thiệu trên báo, là do một bà con Công giáo Hồ Nai trao tặng.

Song, trong ngôn ngữ Việt Nam, cụm từ “ Công giáo Hồ Nai ” (để trong ngoặc kép) từ gần nửa thế kỷ nay đã trở thành thông dụng, và gần nghĩa với *intégriste* (toàn thủ). Nó hoàn toàn không còn dính gì tới địa danh Hồ Nai để thương nữa, cũng như thành ngữ “ Sư tử Hà Đông ” không mấy liên quan tới phụ nữ Hà Đông (ở ta hay ở bên tàu). Nếu ông có dịp đọc lại hơn 100 số báo ĐĐ, ông sẽ thấy chúng tôi đã nhiều lần nói tới “ Phật tử Hồ Nai ” để chỉ xu hướng cực đoan, bài Kitô giáo trong Phật giáo.

Là một tờ báo, không phải là tiếng nói của một tổ chức chính trị, ĐĐ không chủ trương cạnh tranh, gây hấn với ai. Nhưng chúng tôi xin tiếp tục không khoan nhượng với mọi xu hướng “ Hồ Nai ”, trong Đảng Cộng sản Việt Nam, cũng như trong các Giáo hội Phật giáo, Công giáo...

Kiến Văn

Đính chính

Trong bài *Tản mạn về Thăng Long-Hà Nội...* của Văn Ngọc (Diễn Đàn số 109, 7-01), tr.31, cột bên trái, dòng thứ 6 từ dưới lên, “ phố hàng Trống”, xin đọc là “phố hàng Buồm”. Đền Bạch Mã ở số nhà 76 phố hàng Buồm. Đây nguyên là đất phường Giang Khẩu, sau đổi là Hà Khẩu, nằm bên cửa sông Tô Lịch thông ra sông Hồng. Chợ Bạch Mã của Thăng Long xưa ở ngay gần đó. Sau này khi Pháp chiếm được Hà Nội, chợ Bạch Mã đã nhập với chợ Cầu Đông bên hàng Đường để lập thành chợ mới là chợ Đồng Xuân (theo Nguyễn Loạn-Nguyễn Hoài, *Từ điển Đường Phố Hà Nội*, NXB Thế Giới, 1994).

3 tuần lễ Việt Nam tại Bỉ

Trong tháng 9-2001, ba tuần lễ Việt Nam sẽ được tổ chức tại Bỉ :

- từ ngày 7 đến ngày 12.9 tại thành phố **Gand**
- từ ngày 14 đến ngày 23.9 tại **Liège**
- từ ngày 24.9 đến ngày 2.10 tại thủ đô **Bruxelles**.

Đây là dịp hiếm có để công chúng Bỉ (và các nước lân cận) tiếp xúc với Việt Nam dưới nhiều giác độ : nghệ thuật ăn uống, văn hoá nghệ thuật (múa rối nước, triển lãm hội hoạ, sơn mài, điêu khắc, gốm, thư pháp, nhạc cung đình, điện ảnh, võ thuật...), thảo luận trên những đề tài đa dạng (vai trò của phụ nữ, âm nhạc, hợp tác liên đại học, văn hoá Việt Nam...).

Đặc biệt, khán giả sẽ có dịp xem hoặc xem lại vở múa **Thế đầy, thế đầy / Voilà, voilà** của đoàn Ea Sola (Palais des Beaux-Arts, Bruxelles, tối 29.9).

Một chương trình điện ảnh khá phong phú, với các phim tài liệu **Trở lại Ngụ Thuỷ** (Lê Mạnh Thích), **Một cõi tâm linh** và **Tiếng vĩ cầm ở Mỹ Lai** (Trần Văn Thủy) và các phim truyện : **Đời cát** (Nguyễn Thanh Vân), **Giải hạn** (Vũ Xuân Hưng), **Chung cư** (Việt Linh), **Thương nhớ đồng quê** và **Mùa ổi** (Đặng Nhật Minh), **Mùa hè chiều thẳng đứng** (Trần Anh Hùng).

Chương trình chi tiết, ngày giờ và địa điểm, xin xem trang nhà internet <http://www.vietnamfestival.com/>

Vì lí do kĩ thuật, **Diễn Đàn số 111** (tháng 10) sẽ ra muộn vài ngày so với thường lệ và sẽ tới tay bạn đọc châu Âu trong tuần lễ 8-13 tháng 10. Đánh dấu 10 năm tròn, số này dày 48 trang, bìa màu.
Mong bạn đọc lượng thứ cho sự chậm trễ này.

Tin buồn

Chúng tôi được tin

Bà **Phạm Thị Tê** (quả phụ **Vũ Đình Huỳnh**) đã từ trần ngày 28.8.2001 tại Hà Nội, hưởng dương 90 tuổi. Lễ an táng đã được cử hành tại nghĩa trang Văn Điển.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng nhà văn Vũ Thư Hiên và toàn thể và tang quyến.

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đỗ
Tổng biên tập : Hà Dương Tường
Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc
Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý :
Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lệ, Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thủy, Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn, Hải Văn, Hoà Văn

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 10 E, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 2 E (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo : 1/8 trang : 35 E, 1/4 trang : 60 E, 1/2 trang : 100 E trang, 1 trang : 200 E (giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %).

Đăng liên tiếp nhiều số báo : lần thứ hai : bớt 10 %, từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %.

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 5 E (tiền số báo + cước phí bưu điện).

Phiếu mua báo **Diễn Đàn**

Họ và tên.....
.....
.....

mua một năm báo **Diễn Đàn** kể từ tháng..... (số.....).

Kèm theo đây là ngân phiếu FF

Giá mua 1 năm báo (11 số) :

Pháp (kể cả các tỉnh & lãnh thổ DOM TOM) : 40 Euro ;
Châu Âu ngoài Pháp : 45 Euro ; Các nước ngoài châu Âu : 60 USD).

Ngân phiếu xin đề tên DIENDAN FORUM và gửi về : DIEN-DAN FORUM, B.P.50, 92340 BOURG-LA-REINE (France).

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào CCP 4.416.14 W Paris

Bạn đọc ở **Châu Âu** thuộc khối Liên hiệp kinh tế UE có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền tương đương với 45 Eu vào trương mục CCP số 30041 00001 0441614 W 020 76 của **Diễn Đàn**. Như vậy tránh được cho chúng tôi hơn 80 FF lệ phí các loại mỗi lần nhận được Eurocheque hoặc Money Order.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 60 USD đề tên ông HOANG NGUYỄN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Canada** và **Úc** xin gửi money order 60 USD đề tên ông HOANG NGUYỄN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt : 15 USD/năm, thư từ liên lạc, gia hạn cũng như chuyển ngân xin liên lạc thẳng với toà soạn ở Pháp, trong khi chờ đợi thông báo về đại diện mới.

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal Diendan, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 45 Eu cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) DIENDAN-FORUM (Bank : SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto : N° 380 48 94 76 : blz 752 500 00).

CHÚ Ý : Bạn đọc gia hạn báo trước tháng 12.2001 có thể thanh toán bằng đồng FF với giá cũ (250 FF). Sang năm 2002, nhất thiết phải thanh toán bằng Euro với giá mới.

TIN TỨC

Lũ lụt nặng ở các tỉnh phía nam, hạn hán ở miền trung

Theo tổng hợp chưa đầy đủ của Phân Ban chỉ đạo phòng chống bão lụt miền Nam, từ đầu năm tới nay, thiên tai ở các tỉnh phía Nam đã làm chết 47 người thiệt hại trên 14 tỷ đồng.

Cụ thể, có 1 908 căn nhà bị sập và tốc mái ; 5 778 căn nhà bị ngập nước ; 2 033 hộ phải di dời ; 853 ha lúa bị mất trắng ; gần 42 000 ha lúa bị đổ, ngập, giảm năng suất ; 3 700 ha hoa màu, cây ăn trái, cây công nghiệp bị hư hại, giảm năng suất và 52 chiếc cầu, cống bán kiên cố bị hư hỏng hoặc bị cuốn trôi. Riêng 2 trận lốc lớn xảy ra tại tỉnh Cà Mau trong 2 tuần đầu tháng 8 vừa qua đã làm chết 7 ngư dân, chìm 129 tàu thuyền, phương tiện đánh cá và tàn phá nhiều tài sản khác.

Mưa lớn trên diện rộng trong tháng 6, đầu tháng 7 và lũ lụt vào trung tuần tháng 8 làm nhiều nhà cửa, hoa màu ở Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Đồng, Bình Phước và Đồng Nai bị thiệt hại nặng.

Ngày 28.8, một thông báo lũ khẩn cấp trên sông Cửu Long và sông Đồng Nai đã được phát đi, do mực nước thượng và trung lưu sông Mê Công đang biến đổi ở mức cao, song ở hạ lưu thuộc Campuchia đang lên đến mức đỉnh, nhưng còn thấp hơn đỉnh lũ cao nhất năm 2000 khoảng 0,5 mét. Mực nước lúc 7 giờ ngày 28 tháng 8 tại Phnom Pênh (trên sông Bát Xắc) là 10,63 mét, tại Cảng Phnom Pênh là 9,44 mét.

Theo dự báo của Tổng cục khí tượng trong những ngày số báo này lên khuôn, cuối tháng 8, mực nước tại các trạm đầu nguồn sông Tiền, sông Hậu tiếp tục lên chậm, sau đó biến đổi ở mức cao. Đến ngày 1 tháng 9, mực nước tại Tân Châu ở mức 4,7 mét, tại Châu Đốc ở mức 4,25 mét...

Tháng 7, những trận lụt lớn ở các tỉnh phía bắc (Hà Giang, Bắc Cạn, Thái Nguyên) đã làm 42 người thiệt mạng.

Trong khi đó, suốt mùa hè, miền trung bị khô cằn vì hạn, các thành phố Huế, Đà Nẵng thiếu nước ngọt trầm trọng... Ở Huế ngày 29.7 nước mặn đã xâm nhập lên thượng nguồn sông Hương với tốc độ 900m/ngày, đe dọa nhà máy nước Vạn Niên. Cty cấp thoát nước Thừa Thiên-Huế đã phải khuyến cáo người dân dự trữ nước ngọt cho sinh hoạt. Ở Đà Nẵng, theo một bài phóng sự trên báo *Lao Động* ngày 14.7, “ do thượng nguồn sông Yên, nơi cung cấp nước ngọt cho thành phố từ hơn hai tháng qua không còn nhận được nước của dòng Vu Gia dồi dào như trước. Vì vậy nước biển theo cửa Hàn có cơ hội xâm nhập sâu hàng chục cây số, nhấn chìm mọi sinh hoạt của gần nửa số dân thành phố trong bể nước mặn. ” Tuy nhiên, theo bài báo, công ty cấp nước thành phố không phải không biết và không liệu được trước tình hình này, nhưng họ đã không lo

giải quyết vấn đề ngay từ đầu bằng những biện pháp thủy lợi trong tầm tay, khiến cho, lúc khẩn cấp, đã phải đưa ra những biện pháp “ từ ngọn ” như xây thêm ống dẫn nước...

Nạn đói ở cao nguyên Trung Bộ

Năm nay số người bị thiếu ăn ở Cao Nguyên Trung Bộ có thể lên đến 120 000 người. Chính phủ đã phải cấp tốc chi số tiền 100 000 USD để cứu đói.

Báo *Nông Thôn Ngày Nay* cho biết ở 18 huyện thuộc tỉnh Dak Lak, đã có 24 089 hộ gặp khó khăn, con số này tăng gấp 2,5 lần con số cùng thời kỳ năm ngoái. Theo tờ báo thì nguyên nhân tình trạng này do năm nay bị hạn hán kéo dài, mặt khác vùng này là vùng trồng cà phê, giá cà phê trên thế giới hạ làm nhiều gia đình gặp khó khăn. Tờ báo không nhắc tới những cuộc biểu tình của đồng bào thiếu số trong tình hình đói tham nhũng và chính sách đất đai ở đây. Nhưng tình hình vẫn còn căng thẳng và các quan chức trong tỉnh không ai nhận bình luận với phóng viên AFP về bài báo của *Nông Thôn Ngày Nay*.

Tình hình giá cả cà phê chắc chắn có ảnh hưởng đến đời sống của dân vùng này. Giá đất ở đây đã xuống 40 % và chính phủ đang phải suy nghĩ lại chính sách phát triển tỉnh dựa trên cà phê và một số cây công nghiệp (theo AFP, 8.08.2001)

Hoạt động ngoại giao tại Hà Nội

Từ ngày 23 đến 27.7.2001, liên tiếp ba hội nghị cấp bộ trưởng ngoại giao đã diễn ra tại Hà Nội. Mở đầu là hội nghị ASEAN lần thứ 34 (viết tắt : AMM-34), diễn ra trong hai ngày 23, 24.7, và kết thúc là hội nghị giữa các nước ASEAN và “ các bên đối thoại ” (Post-Ministerial Conference with dialogue partners, viết tắt PMC), gồm Nhật Bản, Hàn Quốc, Liên minh châu Âu (EU, do ông Louis Michel, phó thủ tướng kiêm bộ trưởng ngoại giao Vương quốc Bỉ, trên cương vị Chủ tịch đương nhiệm EU, đại diện), Australia, Canada, New Zealand, Ấn Độ, Trung Quốc, Hoa Kỳ và Nga, cũng trong hai ngày 26 và 27.7. Chuyển tiếp, trong ngày 25.7, là Diễn đàn khu vực ASEAN lần thứ 8 (ARF-8), gồm 10 nước ASEAN và các nước thành viên ARF (10 nước tham gia PMC đã kể, thêm Triều Tiên, Mông Cổ, và Papua New Guinea).

Việt Nam là chủ tịch đương nhiệm của ASEAN và ARF cho tới cuối tháng 7 - trước khi chuyển giao nhiệm vụ này cho Brunei.

Tình hình diễn biến phức tạp ở Indonesia trong tháng 7, với những ảnh hưởng tâm lý chính trị có thể tác động tới nhiều nước trong vùng, đã là một chủ đề ‘ nóng ’ tại hội nghị AMM-34. Do đó, người ta không ngạc nhiên đọc thấy *Thông cáo chung* của hội nghị hoan nghênh việc chuyển giao chính quyền ở Indonesia “ trong trật tự và hòa bình ” và việc bà Megawati Sukarno Putri được bầu làm Tổng thống Indonesia. Cảm nhận rõ ràng mối lo ngại của các nước bạn, không đây một tháng sau, bà Megawati Sukarno Putri đã, trong 8 ngày, bay một vòng đủ 9 nước ASEAN ngoài Indonesia, để bảo đảm với những nguyên thủ các nước này là tình hình Indonesia đang đi vào ổn định...

Một *Tuyên bố Hà Nội* về thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các nước trong ASEAN và giữa ASEAN với các nước và

khu vực khác cũng đã được thông qua tại AMM-34, nhấn mạnh lại cam kết chung trong ASEAN nhằm thúc đẩy quá trình hội nhập khu vực của các nước thành viên ASEAN mới (Cam-pu-chia, Lào, Myanmar và Việt Nam) và đưa ra các biện pháp cụ thể, tập trung vào ba lĩnh vực ưu tiên : kết cấu hạ tầng, phát triển nguồn nhân lực, công nghệ thông tin - viễn thông và hội nhập kinh tế khu vực. Hội nghị cũng nhắc lại đề nghị Tổ chức thương mại thế giới (WTO) thúc đẩy nhanh quá trình gia nhập WTO của Cam-pu-chia, Lào và Việt Nam

Tại ARF-8, các bộ trưởng đã tỏ ý “ hoan nghênh tiến bộ đạt được ” trong các cuộc tham khảo giữa ASEAN và Trung Quốc nhằm xây dựng *Bộ quy tắc ứng xử ở Biển Đông*, một sáng kiến của Philippin đưa ra từ hai năm nay.

Như thường lệ, nhiều buổi họp hoặc gặp gỡ song phương đã diễn ra bên lề những buổi hội nghị.

Ngoại trưởng Canada John Manley đã tranh thủ ký với VN một bản ghi nhớ về dự án hỗ trợ cải cách pháp luật giữa hai nước, chủ yếu nhằm bảo đảm cho công dân Canada, dù là gốc Việt, khi có vấn đề với nhà cầm quyền thì lãnh sự quán Canada được thông báo kịp thời để có thể hỗ trợ pháp luật. Người ta còn nhớ, năm ngoái, một Việt kiều mang quốc tịch Canada, đã bị xử bắn vì tội buôn ma tuý (xem *Diễn Đàn* số 97), và Canada đã đông lạnh trong một thời gian quan hệ giữa hai nước.

Bộ trưởng ngoại giao Australia A. Downer đã tham dự lễ khai trương Viện ngôn ngữ Australia tại Hà Nội, một viện trợ của Australia nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo tiếng Anh chất lượng cao về giao tiếp quốc tế của Việt Nam. Hàng năm, chương trình học bổng AUSAID của Chính phủ Australia thu hút 500 học sinh, sinh viên của Việt Nam theo học các lĩnh vực quản lý kinh tế, môi trường và nhiều ngành khoa học khác. Ngoài ra, mỗi năm có khoảng bốn nghìn học sinh, sinh viên Việt Nam đăng ký du học tự túc tại nhiều trường ở Australia... (tổng hợp tin báo chí Việt Nam và quốc tế).

Việt - Mỹ : thương mại và nhân quyền

Như được dự tính từ khi chính phủ ông Bush mới nhậm chức đầu năm nay, ngoại trưởng Mỹ Colin Powell đã đến thăm Hà Nội và tham dự các hội nghị ARF-8 và PMC (*xem tin trên*) từ ngày 24 đến 27.7. Đối với ông Powell, đây là chuyến thăm Việt Nam đầu tiên từ sau 1975. Trước đó, ông đã hai lần sang tham gia chiến trận ở Việt Nam, một lần vào năm 1962 với tư cách một sĩ quan ‘cố vấn’ của quân đội Sài Gòn, và lần sau vào năm 1968, khi quân đội Mỹ đã trực tiếp tham chiến ở quy mô lớn. Năm 1995, trong một cuốn hồi ký, ông cho biết từ lần trở lại trực tiếp tham chiến đó, ông đã bắt đầu đặt câu hỏi về sự can thiệp của Mỹ vào Việt Nam.

Trong các buổi hội đàm với các nhà lãnh đạo Việt Nam (tổng bí thư Nông Đức Mạnh, thủ tướng Phan Văn Khải, ngoại trưởng Nguyễn Dy Niên), ông Powell đã khẳng định chính quyền của tổng thống Bush tiếp tục thúc đẩy quan hệ với Việt Nam trên nhiều lĩnh vực và ủng hộ việc quốc hội Mỹ phê chuẩn Hiệp định thương mại (BTA) Mỹ-Việt Nam. Theo các báo VN, ông Powell cũng đã ghi nhận mối quan tâm của phía Việt Nam mong muốn Mỹ tiếp tục hợp tác với Việt Nam để

giải quyết các vấn đề nhân đạo do chiến tranh để lại, trong đó, như ông Nguyễn Dy Niên đã nhấn mạnh, có việc khắc phục hậu quả của chất độc da cam.

Nhà cầm quyền VN, như để đáp lại thiện chí của ngoại trưởng Mỹ (ông Powell không tuyên bố với báo chí một câu nào về vấn đề “ nhân quyền ” ở VN), đã hứa trả lại tự do cho một công dân Mỹ gốc Việt, bà Oanh Ress, bị bắt từ mấy tháng trước khi nhập cảnh VN với những tài liệu bị công an coi là “ phản động ”. Lời hứa đã được thực hiện một ngày sau khi ông Powell rời VN.

Trong lúc ông Powell còn ở VN, ngày 26.7 hạ viện Mỹ đã bỏ phiếu với đa số áp đảo (324 trên 91) bác bỏ một nghị quyết chống lại việc ông Bush gia hạn cho các công ty Mỹ làm ăn với VN quyền hưởng những khoản tín dụng của chính phủ, và những bảo hiểm đầu tư do các cơ quan bảo hiểm ngoại thương cung cấp. Tác giả của nghị quyết này là bà hạ nghị sĩ cộng hoà Dana Rohrabacher, bang California, một người bảo vệ tích cực cho những tiếng nói chống cộng nhất trong giới cựu binh Mỹ và Việt ở Cali.

Mặc dầu vậy, nhà cầm quyền VN vẫn tỏ vẻ chưa được an tâm lắm về việc phê chuẩn BTA mà rút cục quốc hội Mỹ đã để lại cho sau hè (đầu tháng 9 này), không tuân thủ thời hạn hai tháng sau khi bản hiệp định đã được bên hành pháp đưa ra (xem *Diễn Đàn* số 109). Báo *Nhân Dân điện tử* ngày 31.8 đã đưa tin và bình luận về việc, song song với thảo luận để phê chuẩn BTA, hạ viện Mỹ cũng sẽ thảo luận về một dự luật mang tên “ Luật về nhân quyền đối với Việt Nam ”. Cũng như nghị quyết của bà Dana Rohrabacher, dự luật này do lớp-bi của một số tổ chức chống cộng cực đoan soạn thảo nhằm dùng nhân quyền làm chiêu bài để giới hạn các mối quan hệ Mỹ-Việt và hỗ trợ cho các tổ chức đó phương tiện hoạt động.

Việt Nam bất bình về việc Nhật phủ nhận quá khứ chiến tranh

Việt Nam đã tỏ bất bình về việc thủ tướng Nhật Junichiro Koizumi viếng thăm đài Yasukuni kỷ niệm những hành vi chiến tranh của Nhật trong thế chiến thứ hai. Cuộc viếng thăm này đã gây công phẫn trong dư luận và chính quyền các nước châu Á, đặc biệt là chính phủ Trung Quốc và hai nước Triều Tiên đã chính thức phản đối. Ở Seoul dân chúng đã xuống đường biểu tình. Bà Phan Thuý Thanh, người phát ngôn bộ ngoại giao VN tuyên bố “ *Nhiều nước đã bày tỏ mối quan tâm của họ về chuyện này, và VN cũng chia sẻ quan tâm đó* ”. Theo bà, lợi ích của Nhật Bản là thừa nhận sự thực về những hành động tàn ác của mình trong thời chiến.

Phải nói là trong thời gian gần đây, chính quyền Nhật đã cho in sách giáo khoa phủ nhận những tội ác của quân viễn chinh Nhật trên chiến trường Đông Á. Trong thời gian Nhật chiếm đóng Việt Nam, có trên 2 triệu người ở miền bắc đã chết đói vì Nhật bắt nông dân trồng đay thay lúa để phục vụ chiến tranh. (AFP 14.8.2001)

Việt Nam và bán đảo Triều Tiên

Đáp lời mời của tổng thống Đại Hàn Dân Quốc Kim Tế Chung (Kim Dae-jung), chủ tịch Trần Đức Lương đã thăm chính thức Hàn Quốc trong hơn ba ngày, từ 22 đến 25-8. Đây

là lần đầu tiên một chủ tịch nhà nước VN sang thăm Hàn quốc từ khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao năm 1992. Về phần mình, tổng thống Kim Tê Chung đã sang thăm VN tháng 12 năm 1998, và đã tỏ lời hối tiếc về vai trò của nước ông trong cuộc chiến tranh Mỹ-Việt (xem *Diễn Đàn* số 81).

Ngoài các cuộc hội đàm chính thức, ông Trần Đức Lương đã đi tham quan và tìm hiểu hoạt động của các công ty, tập đoàn lớn đang đầu tư, làm ăn ở Việt Nam. Đến nay Hàn Quốc đứng thứ tư trong các nước và lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam với tổng vốn tính đến tháng 5 vừa qua là 3,2 tỷ USD với 297 dự án đang hoạt động. Về thương mại, Hàn Quốc là một trong những bạn hàng lớn của Việt Nam với kim ngạch hai chiều năm 2000 là hơn 2 tỷ USD và bốn tháng đầu năm 2001 là 670 triệu USD, tăng 4,2 % so với cùng kỳ năm ngoái.

Trước chuyến đi của ông Lương, bộ trưởng quốc phòng Phạm Văn Trà cũng đã sang thăm Hàn Quốc vào đầu tháng 8, và ký kết với bộ trưởng quốc phòng Kim Dong-shin hai thỏa thuận hợp tác, một trong công nghiệp quốc phòng và một về đào tạo nhân sự trong lĩnh vực quốc phòng.

Trong tháng 7, Hà Nội cũng đã nối lại ở cấp cao quan hệ với Bắc Triều Tiên bằng cách mời ông Kim Yong Nam, Chủ tịch nước CHDCND Triều Tiên đến thăm hữu nghị chính thức Việt Nam từ ngày 11.7. Đây là chuyến thăm cấp cao đầu tiên của nhà nước Bắc Triều Tiên tới Việt Nam kể từ chuyến thăm của cố Chủ tịch Kim Nhật Thành năm 1964.

Việt Nam sẽ giảm 180 000 ha trồng cà phê

Theo báo *Thanh Niên*, dẫn lời tuyên bố của ông Đoàn Triệu Nhân, chủ tịch của Hiệp hội Cà phê và Cocoa Việt Nam (VICOFA), Việt Nam có kế hoạch giảm diện tích trồng cà phê khoảng từ 150 đến 180 ngàn hecta vào mùa 2001/2002, nhằm giảm cung ứng để giữ giá. Tờ báo không đăng chi tiết của kế hoạch, song cho biết diện tích trồng cà phê của Việt Nam sẽ xuống còn khoảng 420 000 - 460 000 hecta cho mùa cà phê tới từ tháng 10 năm nay đến tháng 9 năm tới, dự đoán sẽ sản xuất khoảng 660 000 - 720 000 tấn. Mùa 2000/2001 Việt Nam đã sản xuất 840 000 tấn cà phê.

Giá cà phê tại thị trường Luân Đôn đã xuống mức thấp nhất từ 30 năm nay. Các nước sản xuất cà phê đã chỉ trích Việt Nam sản xuất quá mức, làm mất thăng bằng cán cân cung cầu trên thị trường thế giới.

Ngày 22-8, Việt Nam đã trở thành nước thứ 10 trong tổng số hơn 60 nước trồng và xuất khẩu cà-phê trên thế giới ký vào “Hiệp định cà phê quốc tế 2001”. Chín nước khác đã ký hiệp định này là Colombia, Costa Rica, CH Dominica, Ecuador, Ethiopia, Ấn Độ, Nhật Bản, Uganda, Tanzania, tuy nhiên, mới chỉ có Colombia và Nhật Bản phê chuẩn Hiệp định này.

Theo số liệu thống kê của Tổ chức cà-phê quốc tế, Việt Nam là nước đứng thứ ba thế giới về lượng cà-phê xuất khẩu với mức 11 350 bao/năm (mỗi bao nặng 60 kg), sau Brazil và Colombia. (Reuters 11.08 và *Nhân Dân điện tử* 25.8.2001)

Xuất bản cơ sở dữ liệu về pháp luật thương mại Việt Nam và quốc tế

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI),

Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam và Bộ Thương mại vừa hoàn thành cơ sở dữ liệu và CD-ROM *Pháp luật thương mại Việt Nam và quốc tế*. Hệ thống cơ sở dữ liệu này giúp doanh nghiệp tiếp cận và cập nhật những thông tin cần thiết và mới nhất về các quy định của pháp luật thương mại Việt Nam và pháp luật, tập quán thương mại quốc tế, đặc biệt là các thị trường xuất nhập khẩu trọng điểm của Việt Nam như Indonesia, Malaysia, Singapore, Thái Lan, Anh, Pháp, Đức, Italia, Nhật Bản, Nga, Trung Quốc và Mỹ. Các văn bản được cung cấp bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh với các công cụ tra cứu tiện lợi, nhanh chóng và có thể sao lưu văn bản theo yêu cầu. Sản phẩm sẽ được chính thức phát hành rộng rãi vào tháng 10-2001. Đăng ký mua CD-ROM tại số điện thoại : 04.5742622, Email : VSDC@vietsoftonline.com.

Chính sách giá cả mới cho Việt kiều

Từ ngày 15.08.2001 tất cả những người Việt ở hải ngoại bất kể có quốc tịch hoặc mang thông hành của nước nào đều được hưởng quy chế giá cả về dịch vụ cũng như vận tải như những người trong nước. Trước đây quy chế này chỉ áp dụng cho những Việt kiều có quốc tịch Việt Nam hoặc có “công” đối với nhà nước.

Ông Nguyễn Đình Bin, thứ trưởng ngoại giao kiêm chủ nhiệm Ủy ban về người Việt ở nước ngoài, cho biết những thân nhân ngoại quốc của Việt kiều (vợ hoặc chồng, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng, con cái) cũng được hưởng qui chế trên.

Năm qua đã có 360 000 Việt kiều về thăm nhà và trong năm 2000 Việt kiều đã gửi khoảng 1,8 tỷ USD để giúp gia đình trong nước.

Hiện nay đầu tư trong nước của Việt kiều chỉ chiếm 0,1 % so với tổng số đầu tư trực tiếp của nước ngoài với 15 dự án tổng cộng 56,1 triệu USD. Những dự án này cỡ nhỏ, trị giá từ 117 000 đến 19,3 triệu USD. (theo VNA 8.08.2001)

Cấm hút thuốc trong các trường học

Bộ Giáo dục đã ra lệnh cấm hút thuốc trong các trường học ở Việt Nam. Lệnh này nằm trong khuôn khổ đợt vận động toàn quốc nhằm làm giảm số thanh niên mắc bệnh ghiền hút thuốc.

Một người trách nhiệm của bộ cho AFP biết là lệnh cấm bao gồm tất cả các địa điểm do bộ Giáo dục quản lý như những hội trường, phòng thể dục thể thao, tất cả các trường học cấp tiểu và trung học.

Bộ đặt chỉ tiêu hạ tỷ lệ người hút thuốc trong thành phần sinh viên xuống dưới 2 %, thành phần giáo sư nam xuống dưới 10 %, giáo sư nữ xuống dưới 1 %. Theo bộ Y tế, thì tỷ lệ người hút thuốc nam có hạ, từ 63 % năm 1993 xuống 50 %. Trong khi đó, số phụ nữ Việt Nam hút thuốc chỉ khoảng 3,4 % (AFP 14.08.2001).

Dịch sốt xuất huyết trở lại

Ông Trần Văn Tiến, Phó Viện trưởng Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương, cho biết số bệnh nhân sốt xuất huyết (SXH) đã lên tới 18 674 ca, tăng hơn cùng kỳ năm ngoái 51 %. Đến thời điểm này đã có 44 người bị tử vong. Riêng 19 tỉnh phía nam đã có 11 369 người mắc bệnh, 36 trường hợp tử vong, chiếm 81,8 % số ca tử vong của cả nước. Số người mắc bệnh SXH

chủ yếu tập trung ở các tỉnh An Giang : 2 337 người, Tiền Giang : 2 141 người, Kiên Giang : 1 409 người, Đồng Tháp : 1 454 người. Riêng tỉnh An Giang có số bệnh nhân tử vong do SXH cao nhất : 12 người. Khu vực phía bắc, dịch bệnh đang xuất hiện tại Nghệ An.

Theo ông Trần Văn Tiến, thực chất, SXH là bệnh khu trú ở các địa phương, thời điểm nào, địa phương nào của nước ta cũng có bệnh này. Bệnh do virus Dengue gây nên, lây truyền từ muỗi vằn. Thông thường cứ chu kỳ từ 3-5 năm bệnh sẽ phát thành dịch. Dịch bệnh bùng phát mạnh mẽ nhất là năm 1998 với 234 920 người mắc và 377 người bị tử vong và năm 1998 được coi là “đỉnh cao” của chu kỳ dịch (*Lao Động* trên mạng 14.08.2001)

Dân số VN (1999) : 76 323 173 người

Theo kết quả của cuộc tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999 vừa được Tổng cục Thống kê công bố ngày 20-7-01 : vào thời điểm 0 giờ 1-4-1999, dân số VN là 76 323 173 người, tăng 11,9 triệu người so với năm 1989, trong đó có 49 % là nam giới, số dân thành thị chiếm 23,7 % và nông thôn 76,3 %. Dân tộc Kinh chiếm 86 %, 53 dân tộc còn lại chỉ chiếm 14 %. Tỷ lệ tăng dân số bình quân của cả nước là 1,7 %. Hầu hết các hộ dân trong cả nước đều có nhà ở, số hộ không có hoặc có nhưng không đủ tiêu chuẩn nhà ở quy định chỉ chiếm 0,1%. 78 % tổng số hộ đang sử dụng điện (thành thị 96 %, nông thôn 72 %), 78 % số hộ có nguồn nước ăn hợp vệ sinh (thành thị 92 %, nông thôn 74 %), chỉ hơn 17 % số hộ có hố xí hợp vệ sinh (thành thị hơn 56 %, nông thôn 5 %), số hộ có máy thu hình chiếm 54 % và có máy thu thanh là 45 %...

Đây là cuộc điều tra dân số theo chu kỳ 10 năm một lần. Theo bộ trưởng Trần Thị Trung Chiến, chủ nhiệm Ủy ban Dân số-kế hoạch hoá gia đình, trong 10 năm qua, VN đã liên tục giảm tỷ lệ sinh, song tổng tỉ suất sinh toàn quốc vẫn ở mức gần 2,3 %. Dự báo trong 10 năm tới, mỗi năm dân số VN sẽ tăng thêm trên 1 triệu người. VN cũng đang đứng trước nhiều khó khăn trong vấn đề dân số : chất lượng dân số thấp, thể lực hạn chế, chưa được đào tạo nghề, tỉ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng đang ở mức cao (trên 33 %). (*Tuổi Trẻ*, 12 & 24-7-01)

TP Hồ Chí Minh di dời hơn 13 000 hộ dân sống trên và ven kênh

Theo UBND TP Hồ Chí Minh, chương trình di dời và tái định cư các hộ dân sống trên và ven kênh rạch thành phố sẽ thực hiện tiếp giai đoạn 2 (2001 - 2005) với 13 136 hộ dân di dời ; tái định cư 11 271 hộ. Số hộ này nằm trong phạm vi thực hiện các dự án : Đại lộ Đông - Tây ; Tân Hóa - Lò Gốm - Ông Buồng ; dự án cải thiện môi trường nước thành phố (bờ Nam kênh Tàu Hủ - Bến Nghé), cải tạo các rạch thuộc các chi lưu kênh Nhiều Lọc - Thị Nghè ; cải tạo hệ thống thoát nước các lưu vực : Hàng Bàng, Cầu Mé, kênh Nước Đen. Trong giai đoạn 2006-2010, thành phố sẽ di dời và tái định cư tất cả các hộ sống trên và ven kênh rạch còn lại (khoảng 10 000 hộ) trên tuyến kênh Đồi - kênh Tẻ, Tham Lương - Bến Cát - Vàm Thuật.

Tình hình chống tham nhũng

Báo *Hà Nội Mới* đưa tin trong 18 tháng qua đã có 46 cán

bộ cao cấp bị án vì tội tham nhũng, trong đó hai người bị án chung thân, những người còn lại bị án trên 20 năm tù. Tờ báo cho biết số người này nằm trong số 284 cán bộ bị truy tố trong đó có 46 giám đốc công ty quốc doanh, 22 chủ tịch uỷ ban nhân dân, có liên quan đến 178 vụ tham nhũng bị phát hiện trong 18 tháng qua.

Trong 178 vụ trên, 89 được chuyển qua cho công an điều tra, tờ báo cho biết 38 vụ được thừa nhận là phạm pháp, nhưng không cho biết số phạm những vụ còn lại ra sao.

Những cán bộ tham nhũng này đã làm cho chính phủ mất 147 tỷ đồng (khoảng 9,8 triệu USD) và 323 000 mét vuông đất, trên con số đó chính phủ chỉ thu lại được 37 tỷ đồng và 251 000 mét vuông đất.

Những con số này nằm trong bản báo cáo của Ủy Ban Nhân Dân Hà Nội về việc xem xét những đơn khiếu nại của công dân và về đợt đấu tranh chống nạn tham nhũng từ 18 tháng qua. Báo cáo cũng cho biết trong thời gian đó chính quyền đã xem xét 1 600 đơn khiếu nại của công dân trong số 2 200 đơn đã nhận được (AP 15.08.2001).

Việt Nam và SEA Games

Trong buổi họp báo sáng ngày 28.8 tại Hà Nội trước khi lên đường tham dự vận động hội Đông Nam Á (SEA Games) lần thứ 21 tại Malaysia, ông Hoàng Vĩnh Giang, Trưởng đoàn thể thao VN, đưa ra chỉ tiêu toàn đoàn phải phấn đấu đạt được từ 36 huy chương vàng trở lên. Theo báo *Thanh Niên*, ngoài những bộ môn được coi là mạnh của Việt Nam như bắn súng, các loại võ thuật pencak silat, wushu, karatedo, taekwondo, các vận động viên điền kinh nữ có thể đoạt từ 2 tới 3 HCV, thể dục 1-2 HCV ; đua thuyền 1-2 HCV. Ông Giang cũng dự báo, bóng đá nữ VN sẽ tranh chức vô địch với Myanmar. Bóng đá nam cố gắng nằm trong 3 hạng đầu. Ủy ban TDTT đã dự trù kinh phí 6 tỉ đồng tiền thưởng cho đoàn.

Phó Chủ tịch UBND TP Hà Nội Nguyễn Quốc Triệu sẽ là trưởng đoàn đại biểu đại diện cho thủ đô Hà Nội trong lễ nhận cờ đăng cai SEA Games 22 từ nước chủ nhà Malaysia tại buổi bế mạc SEA Games 21. Ngay sau khi SEA Games 21 kết thúc, từ 20g ngày 19-9 sẽ có một cuộc mít-tinh lớn tại sân vận động Hà Nội để chính thức làm lễ nhận cờ, kéo cờ SEA Games 22. Đây là hoạt động mở màn chuẩn bị cho SEA Games 22 (năm 2003) tại Việt Nam (*Nhân Dân*, *Lao Động* điện tử 28.8).

Ngày 14.8, Việt Nam đã ký với một tổ hợp các công ty xây dựng của Trung Quốc (HISG) hợp đồng xây cất sân vận động 40 000 chỗ cho SEA Games 22. Báo chí trong nước phản ánh nhiều lời đồn đại về những tham nhũng đã xảy ra chung quanh cuộc đấu thầu giành quyền xây cất này. HISG đã thắng thầu với 52,9 triệu đôla, chỉ thấp hơn thầu của mấy công ty Pháp (Bouygues) hoặc Đức (Philipp Holzmann) hay Mỹ (Keystone Corp.) khoảng 3 triệu đô la, trong khi, theo nhiều nguồn tin, thiết kế của các công ty này vượt xa thiết kế của HISG cả về thẩm mỹ kiến trúc và về kỹ thuật. Một tháng trước khi hợp đồng được ký kết, một uỷ ban giám định của nhà nước đã bác bỏ bản thiết kế ban đầu của HISG, nhưng chỉ hai tuần sau, công ty này đã đề nghị 12 điểm sửa đổi quan trọng mà không lên giá... và được thông qua. HISG chưa từng có kinh nghiệm

xây sân vận động ! (AFP 25.6 và AP 14.8)

Ba hãng hàng không Mỹ được phép cung cấp dịch vụ bay đến Việt Nam

(TTXVN) - Ngày 23/8, Chính phủ Mỹ chính thức cho phép ba hãng hàng không Mỹ gồm hãng Delta Airlines, Northwest Airlines và United Airlines cung cấp dịch vụ bay đến Việt Nam theo các thỏa thuận chung mã hiệu. Đây là lần đầu tiên Mỹ có dịch vụ bay đến Việt Nam từ năm 1975.

Theo thỏa thuận chung mã hiệu, một hãng hàng không bán vé máy bay theo tên của hãng trong khi một hãng khác cung cấp một phần hoặc toàn bộ dịch vụ bay. Hãng Delta sẽ chung mã hiệu với hãng Hàng không Pháp cung cấp dịch vụ bay đến Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh ; Northwest sẽ chung với Hãng không Malaysia và Hãng không Hà Lan KLM ; và United sẽ chung với All Nippon Airways của Nhật Bản, Hãng không quốc tế Thái Lan và hãng Lufthansa của Đức.

Tháng 7 vừa qua, hãng hàng không AMR của Mỹ đã ký thỏa thuận chung mã hiệu với hãng Hàng không Việt Nam bắt đầu thực hiện vào năm 2002. Hiện tại tuyến đường bay trực tiếp duy nhất giữa Mỹ và Việt Nam được thực hiện theo thỏa thuận chung mã hiệu giữa hãng Hàng không Việt Nam và hãng Hàng không của Đài Loan, theo đó hãng Hàng không của Đài Loan cung cấp dịch vụ bay trực tiếp từ Việt Nam sang Mỹ.

TIN NGẮN

* Sáng 31-8, tỉnh Thừa Thiên - Huế đã tổ chức lễ khánh thành cầu Gia Hội nằm trên đường Trần Hưng Đạo nối với khu phố cổ của thành Huế. Cầu dài 63 m, rộng 20,4 m được xây dựng bằng bê-tông cốt thép hình vòm. Đây là cây cầu có cấu trúc đẹp, phù hợp với cảnh quan khu phố cổ. Cầu có tổng kinh phí gần 10 tỷ đồng đầu tư bằng nguồn vốn địa phương.

* Từ điển Nho - Phật - Đạo được phát hành vào trung tuần tháng 7.2001, NXB Văn học ấn hành, do Trương Đình Nguyên, Mai Xuân Hải, Trần Quyền, Nguyễn Đức Sâm, Phan Văn Các biên dịch (Lao Tử - Thịnh Lệ chủ biên với sự cố vấn của hai học giả danh tiếng Triệu Phác Sơ và Nhiệm Kế Dũ NXB Li Giang, Trung Quốc) với khuôn khổ 19x27cm, 1 883 trang với số in lần đầu 700 cuốn.

* Tổng cục Địa chính vừa đề nghị Chính phủ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài khi mua nhà tại các đô thị Việt Nam kể từ 1-10-2001. Đối với các khu vực khác, người Việt Nam định cư ở nước ngoài chỉ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn đối với nhà sẽ áp dụng theo hướng dẫn riêng của Tổng cục Địa chính.

* Thủ tướng Phan Văn Khải đã chuẩn y kế hoạch xây một nhà máy thủy điện trị giá khoảng 266 triệu đô la ở Tây Nguyên với vốn trong nước. Nhà máy sẽ được xây dựng trên sông Sê San giáp giới hai tỉnh Gia Lai và Kon Tum. Chương trình sẽ khởi công năm tới và sẽ kéo dài 4 năm.

* Đến ngày 28-7, dự án nâng cấp quốc lộ 1 đoạn Hà Nội - Lạng Sơn (đài 160 km) đã kết thúc giai đoạn 1 (đường hai làn xe), thời gian chạy xe trên tuyến này còn hơn hai giờ, rút ngắn một nửa so với trước. Đây là dự án vay vốn của Ngân hàng

phát triển châu Á (ADB) tổng giá trị 120 triệu USD, vốn đối ứng của Việt Nam gần 42,5 triệu USD, khởi công xây lắp từ 15-1-1998, thông xe bước một cuối tháng 1-2001.

* Hồi 10 giờ ngày 25-7, ở vị trí 732+063 quốc lộ 1A phía nam cầu Trì của địa phận huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị đã xảy ra sự cố nghiêm trọng. Trên chiều dài gần 100 m, đoạn đường vào cầu đã thi công hoàn chỉnh, đưa vào sử dụng bỗng nhiên bị lún, sạt với chiều rộng gần hết phần nền, gây ách tắc giao thông trong nhiều giờ. Đây là đoạn đường vào cầu do Công ty 484 Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 4 thi công thuộc dự án cải tạo nâng cấp quốc lộ 1A.

Độc báo trong nước

Giao và Giáo

Quan sát tâm “ quốc gia lãnh thổ ” Sáu tôi vừa rút ra rút vào một kết luận : Hiện có 2 ngành hăng say không ngừng cải cách cải tiến hay liên tục làm đi làm lại một việc, làm không được lại làm lại, làm lại nữa... là : Giao thông và Giáo dục - xin gọi tắt Giao và Giáo.

Là con người hễ có đôi bàn chân tất phải đụng Giao ở mọi nơi mọi lúc, đã thấy tận mắt các anh đố không biết bao nhiêu tiền xuống đường. Vậy mà vẫn ai đó xì xào đào gì đào lắm thế, năm kia xới, năm ngoái đào, năm nay lại cuộc lên ? Có người giàu trí tưởng bở còn nghi hay dưới ấy có... mỏ vàng. Thật quá lắm, tất nhiên đào lên phải có tiền, lấp xuống cũng tiền (trị giá như vàng) nhưng dưới ấy chỉ có đá thôi. Có lúc có nơi đá lại kém chất lượng (dân gian gọi đá “ đều ”) thì phải đào lên tìm đá “ đều ” v.v và v.v... Tóm lại mọi con đường đều có lý do làm đi làm lại, kết quả nói như ngài Phó GD Tổng xã lữ hành quốc tế Trung Quốc : “ Tôi đã đến các điểm du lịch của các bạn bằng con đường... *mát-xa* ” (Báo TN ngày 19.7). Ý bảo nó gồ ghề, xóc quá, ngồi xe mà như có người đấm... dưới lưng mình.

Bên Giáo cũng thế, có năm nào Giáo không chỉnh lý bổ sung sửa sách giáo khoa như bên Giao sửa đường ? Mà làm vậy là đúng, không nên bắt thàng em dùng sách cũ của anh nó. Mỗi năm Giáo ra chừng 1,3 triệu cuốn, sơ sơ dân ta bỏ ra hơn nghìn tỉ mua sách chứ mấy ? Nuôi con phải tốn kém mới nên người. Tin mới đây : Niên học 2002 - 2003 nhiều bộ sách giáo khoa sẽ thay mới hoàn toàn. Nhà nào nghèo nên làm đơn vay tiền ngân hàng đi. Tất nhiên sách mới viết tốt hơn sách cũ (người ta bảo thế) còn lỗ chưa tốt hơn thì, lại... thay.

Hắn vẫn có người còn khó chịu trước tính kiên trì làm đi làm lại của Giao và Giáo mặc dù Sáu tôi đã ra sức giải thích. Vậy đành phải dùng đến khoa học. Một thành tựu mới nhất của khoa học Mỹ Quốc đã khẳng định mọi tính tốt xấu của con người là do gien di truyền, kể cả tính thích ly dị (vợ hoặc chồng). Ai có gien này dù chẳng có cơ quái gì vẫn cứ ly dị như thường. Liệu Giao và Giáo có gien “ thích ” đào đường, sửa sách giáo khoa ? ấy là tôi chỉ xới lên thế, với liên tưởng từ chữ G : Giao - Giáo - Gien.

Hai Văn Sáu (Lao Động 21.7.2001)

Dương Văn Minh

(1916-2001)

Tướng Dương Văn Minh đã từ trần ngày 6.8.2001 tại Pasadena (bang California, Hoa Kỳ), thọ 86 tuổi. Lễ tang của ông được cử hành theo nghi thức Phật giáo ngày 18.8 tại Rose Hills Memorial Park (ngoại ô Los Angeles) [AP 7.8, Nando-times 18.8].

Bà Phan Thuý Thanh, người phát ngôn của Bộ ngoại giao Việt Nam, “*gửi lời chia buồn tới gia đình*” và cho biết “*gần đây ông tỏ ý muốn trở về Việt Nam sống những ngày cuối đời và chính phủ đã chấp thuận. Tiếc rằng vì sức khoẻ suy yếu, ý nguyện của ông đã không được thực hiện*” [AFP, 8.8].

Tướng Minh sang Mỹ cùng với gia đình con gái cách đây vài năm. Trước đó, ông định cư ở Pháp sau khi rời Việt Nam đầu năm 1982 [các hãng thông tấn quốc tế đưa nhầm là 1983]. Theo nguồn tin của chúng tôi, khi ông ra đi, chính quyền Việt Nam ngó ý sẵn sàng cung cấp tài chính để ông sinh sống ở hải ngoại, song ông từ chối và nói các con ông (một gái hai trai) sẽ chăm lo đầy đủ, ông sẽ không nhận sự trợ giúp của nước ngoài nào. Tướng Minh cũng nói ông sẽ không làm gì, nói gì phương hại đến đất nước. Ông đã giữ đúng lời nói đó và trong suốt hai thập niên sống ở nước ngoài, ông không nhận trả lời phỏng vấn của bất luận cơ quan báo chí nào. Ngoại lệ duy nhất là cuộc phỏng vấn dành cho báo *Nhân Bản* (của Tổng hội sinh viên Việt Nam tại Paris), trong đó, tướng Minh nói rõ ý định ông muốn trở về sống ở Việt Nam.

Sinh trưởng ở đồng bằng Nam Bộ, Dương Văn Minh là một trong khoảng 50 người Việt Nam làm sĩ quan cho quân đội thực dân Pháp trước Cách mạng Tháng Tám 1945 (ông có người em trai, Dương Văn Nhật, tham gia kháng chiến và sau này trở thành thiếu tướng Quân đội Nhân dân). Sau khi đánh thắng quân đội Bảy Viễn (Bình Xuyên) và quân đội Ba Cụt (Hoà Hảo), ông được chính quyền Ngô Đình Diệm trọng dụng và phong quân hàm trung tướng (1956). Ít lâu sau, gia đình họ Ngô tin dùng những sĩ quan khác, tướng Minh “*được*” cử làm tổng thanh tra quân đội, “*ngồi chơi*” (hay đúng hơn, đánh tennis) *xơi nước*” (theo một số nguồn tin, chính quyền Diệm Nhu nghi ông vẫn giữ liên lạc với em trai).

Đầu năm 1963, “*quốc sách*” áp chiến lược và chiến thuật trực thăng vận (với sự có mặt của hơn 15 000 cố vấn quân sự Mỹ) thất bại nặng nề (điển hình là trận Ấp Bắc, tháng 1). Mùa xuân và mùa hè, Diệm Nhu đàn áp phong trào Phật giáo, đồng thời tung hoả mù “*nói chuyện với miền Bắc*” (thông qua phái đoàn Ba Lan trong Ủy hội quốc tế), cưỡng lại sức ép của chính quyền Kennedy muốn tăng quân số Mỹ trước nguy cơ đại bại về quân sự. Cuối tháng 8, Nhà Trắng quyết định “*thay ngựa giữa dòng*” và bật đèn xanh cho một cuộc đảo chính (1.11) mà “*Big*” Minh (phân biệt với tướng Trần Văn Minh “*nhỏ*”) là người cầm đầu về danh nghĩa. “*Cách mạng*” thành công, ông được gán lon đại tướng, trước Nguyễn Khánh ba ngày. Tháng giêng 1964, Nguyễn Khánh lật “*Big*” Minh, cho ông đi làm “*đại sứ lưu động*”, thực chất là đi đày ở Bangkok. Tiếp đó là một loạt đảo chính, chỉnh lí... đèn cù mà báo chí gọi là “*trò*

nhảy valse của các tướng”. Quân đội Mỹ tăng vọt lên gần nửa triệu, đèn cù ngừng quay, nhường chỗ cho chính quyền Thiệu-Kỳ (1967). 1968, Tết Mậu Thân, đàm phán bắt đầu ở Paris (tháng 5), Mĩ ngừng ném bom miền Bắc (11.68), Nixon thắng cử. Hội nghị bốn bên bắt đầu (tháng 1.1969). Tháng 6.69, cùng ngày, Chính phủ Cách mạng Lâm thời ra đời, Nixon tuyên bố đợt rút quân đầu tiên (hội đàm Guam), mở đầu chiến lược “*Việt nam hoá chiến tranh*” (Mĩ từng bước rút quân, đồng thời tăng cường vũ khí cho quân đội Sài Gòn và mở rộng chiến tranh sang Campuchia và Lào). Tại Mĩ, phong trào phản chiến lan rộng trong khi ở miền Nam, phong trào đô thị diễn ra dưới nhiều hình thái, mạnh nha “*thành phần thứ ba*”.

Sau khi về Sài Gòn (năm 1970), tướng Minh tuyên bố ra tranh cử tổng thống năm 1971 rồi rút ra khỏi cuộc tranh cử và tố cáo “*trò hề độc diễn*”. Từ đó, ít nhất đối với dư luận báo chí Mĩ, ông được coi như là nhân vật trung tâm của “*thành phần thứ ba*” mà Mĩ, và nhất là chính quyền Nguyễn Văn Thiệu cương quyết phủ nhận và trấn áp, đặc biệt sau Hiệp định Paris (tháng 1.73). Việc phải đến đã đến. Sau vụ Watergate, Nixon phải từ nhiệm để được ân xá, rồi Quốc hội Mĩ cắt viện trợ. Trên chiến trường, Phước Long mở màn cho cuộc tổng tấn công : Buôn Mê Thuột, Plây Cu, Huế, Đà Nẵng... Nguyễn Văn Thiệu bám ghế đến cùng, Trần Văn Hương cù của bài ca “*hợp hiến*”. Chiến dịch Hồ Chí Minh mở đầu ngày 26.4.75, chiều 28.4 “*lưỡng viện*” mới trao chức vị “*tổng thống tạm quyền*” cho tướng Minh. Lúc đó, “*toàn quyền*” Bunker đã chuẩn bị cuốn cờ, chỉ còn đại sứ Pháp Mérillon bắt đầu tin ở một “*giải pháp thương lượng*”. “*Sáng suốt*” hơn Mérillon một tí, tướng Vanuxem (cục hữu) nhảy tới Sài Gòn, đi thẳng vào dinh “*Độc Lập*” khuyên tướng Minh “*rút về Cần Thơ, cố thủ vùng 4 chiến thuật, chỉ vài ngày nữa Trung Quốc sẽ áp đặt giải pháp trung lập hoá miền Nam*”. Sau khi “*cố vấn*” Vanuxem đi rồi, theo một người trong nhóm có mặt ở đó, tướng Dương Văn Minh đã tâm sự : “*Hết Tây đến Mĩ, chẳng lẽ bây giờ còn đi làm tay sai cho Tàu nữa sao*”. 10 giờ sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975, ông ra lệnh cho binh sĩ quân đội Sài Gòn hạ vũ khí, chấm dứt chưa đầy hai ngày làm “*tổng thống*” và kết thúc một chuỗi chế độ do Hoa Kỳ xây dựng và nuôi dưỡng trong suốt 21 năm trên nửa nước Việt Nam. Mấy ngày sau đó, ông tuyên bố với báo chí quốc tế có mặt tại thành phố vừa tìm lại tên gọi của mùa thu 1945 : “*Tôi vinh dự làm công dân một nước Việt Nam độc lập và thống nhất*”.

Câu nói ấy, chắc chắn không phải do ai viết hộ như ông Phạm Khắc Hoè đã phải mớm cho Bảo Đại 30 năm về trước, vì xét cho cùng, nó cũng là một cách biểu hiện lời tâm sự mà ông đã thành thực thốt ra mấy ngày trước đó. Và bất luận thế nào, nó thố lộ tinh thần dân tộc và tư cách của một con người mà con lốc lịch sử đã đưa đẩy vào vòng xoáy ốc li tâm oan nghiệt tưởng như bất tận. Kết thúc chế độ Việt Nam cộng hoà, hành động của ông Dương Văn Minh, mặc dù còn để lại oán hận trong lòng những người “*bể đồng hồ tâm lí*”, mặc dù chưa được những người kiêu căng chiến thắng nhìn nhận (ít nhất trong những tuyên bố công khai), đáng được ghi nhớ như một đóng góp vào sự nghiệp hoà bình của dân tộc quá đau khổ này.

Phong Quang

Thư của ông Trần Độ

(tiếp theo trang 1)

Dưới đây chúng tôi công bố toàn văn lá thư ông Trần Độ gửi cho các ông Nông Đức Mạnh, Nguyễn Văn An và Phan Văn Khải ngày 10.7.2001 :

Tôi viết thư này gửi đến các anh để trình bày một vấn đề hết sức nghiêm trọng và rất mong được các anh quan tâm.

Trong khoảng thời gian 6 tháng, từ tháng 11 năm 2000 đến tháng 5 năm 2001, nghĩa là thời gian trước, trong và sau Đại hội 9, tôi có viết một tập Nhật ký, ghi lại những cảm xúc và suy tư của tôi đối với một đại hội có tầm quan trọng đặc biệt của Đảng ta, một Đảng mà gần suốt cả cuộc đời tôi gắn bó với nó như máu thịt.

Có thể nói đây là những suy tư cuối cùng của cuộc đời gần 80 năm của tôi, đối với đất nước, đối với nhân dân, đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

Tôi ghi lại là để cho tôi, cho gia đình tôi, chứ tôi không có ý định gửi cho ai cả, đúng nghĩa là nhật ký của một con người. Trong suốt 6 tháng trời đó, dõi theo từng bước tiến triển của Đại hội, lắng nghe dư luận của mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là của các nhà tri thức yêu nước, các lão thành cách mạng kiên trung, tôi đã ghi được gần 100 trang viết tay và để lưu giữ được lâu dài và thuận tiện cho gia đình sử dụng, trong thời gian vào thăm con ở Thành phố Hồ Chí Minh, tôi đã nhờ người đánh máy, tất cả chỉ còn 83 trang và photo thành 15 bản.

Và một điều không thể tưởng tượng nổi đã xảy ra đối với tôi. Phôtô xong, trên đường trở về ngày 12-6-01, tôi bị xe công an bám theo, ép xe tôi vào lề đường, hai người lạ mặt từ hai phía mở cửa bước lên, ép tôi vào giữa, tự xưng là nhân viên an ninh, rồi giống như một vụ bắt cóc, buộc lái xe đưa tôi về trụ sở công an phường 12, Quận Tân Bình.

Tại đây họ đã lập biên bản tịch thu toàn bộ tài liệu của tôi, mặc dù tôi đã nói với họ là các anh không có quyền làm như vậy, vì đây là tài liệu riêng của tôi. Họ bảo đây là tang vật cần giữ lại để xử lý.

Mấy hôm sau, ngày 18-6, Công an Quận Tân Bình gửi giấy mời hẹn ngày 20-6 lên làm việc với nội dung tôi bị bắt quả tang phạm tội viết và lưu hành tài liệu có nội dung xấu. Hôm ấy tôi bị mệt nên không lên được, nhưng tôi đã viết thư trả lời cực lực phản đối ba nội dung hoàn toàn sai trái trong giấy mời.

1. Thứ nhất : Viết không phải là một tội, tôi là một con người có ý thức, có tư duy, tôi có quyền viết tất cả những điều gì tôi suy nghĩ.

2. Hai là tập Nhật ký tôi vừa viết xong, các anh đã tịch thu toàn bộ một cách trái phép từ bản nháp viết tay đến bản đánh máy vi tính thì tôi lấy đâu ra để mà lưu hành.

3. Ba là tài liệu có nội dung xấu : Đây thực sự là một sự quy kết hồ đồ, cũng có thể gọi là một sự vu khống bỉ ổi, theo một tư duy cũ rích. Tôi không hiểu tại sao Công an Quận Tân Bình lại có thể đưa ra những lời quy kết sai trái đến mức như thế đối với tập Nhật ký của tôi. Bởi nếu đọc một cách nghiêm

túc với tình cảm chân thành của những người thực sự vì nước, vì dân thì ai cũng có thể thấy rõ đây là nỗi ưu tư khôn nguôi của một lão thành cách mạng mong muốn đóng góp sức mình vào quá trình phát triển sắp tới của đất nước. Tuyệt nhiên không thể xem đây là một tài liệu xấu.

Các anh thân mến,

Sự việc nghiêm trọng bất chấp pháp luật, bất chấp đạo lý xảy ra ở Thành phố Hồ Chí Minh đối với tôi như thế, tôi chưa kịp báo cáo với các anh thì ngày 22-6, đột nhiên tôi bị cấp cứu vì bệnh đái ra máu, ngày 27-6 phải chở bằng máy bay ra Hà Nội, và hôm nay, từ giường bệnh của bệnh viện Hữu nghị, tôi viết thư này gửi các anh.

Vấn đề lớn mà tôi muốn trình bày với các anh trong lá thư này không phải chỉ là nội dung của tập Nhật ký mà quan trọng hơn là muốn các anh được biết rõ việc một số người trong bộ máy an ninh của Nhà nước ta, Nhà nước mà tôi đã góp phần xây dựng nên và đã từng đem xương máu ra bảo vệ nó, lại có thể bấp chấp hiến pháp, pháp luật đối xử với tôi một cách tàn tệ như thế...

Những năm vừa qua, mặc dầu bệnh tật ồm ồm, suốt ngày chỉ quanh quẩn bên giường bệnh, tôi vẫn cố gắng đóng góp ý kiến với Đảng, với Nhà nước, chỉ với một mong muốn duy nhất là Đảng ta ngày càng trong sạch vững mạnh hơn, đất nước ta ngày càng phát triển tốt hơn.

Tất nhiên đây là những vấn đề thuộc về quan điểm, nó phải là một quá trình mới có thể sáng tỏ chân lý thuộc về ai. Còn việc dùng cả một bộ máy an ninh đối xử với tôi như trong thời gian vừa qua là không thể chấp nhận. Các anh thử tưởng tượng xem, một người như tôi mà suốt mấy năm qua, cả bộ máy an ninh từ Bắc đến Nam theo dõi tôi chặt chẽ như theo dõi một tên tội phạm nguy hiểm. Công an thường xuyên tổ chức nghe trộm điện thoại của tôi, cắt điện thoại, phá rối các cuộc nói chuyện. Em gái tôi từ Thái Bình gọi lên trao đổi việc Tỉnh uỷ Thái Bình tổ chức làm lễ truy điệu cho chị gái tôi là liệt sĩ cách mạng hy sinh trong Hoả Lò Hà Nội từ những năm 40 cũng bị phá. Thật là bất nhân, vô đạo.

Trước cửa nhà tôi ở Hà Nội, thường xuyên có công an túc trực. Ai đến thăm tôi, tôi đi đâu, làm gì đều bị họ giám sát chặt chẽ. Trung tướng Hồng Sơn đến thăm tôi họ cũng trắng trợn chặn lại để xét hỏi. Quả thực bộ máy an ninh của nhà nước ta “ đầu tư ” vào Trần Độ nhiều quá và chắc là rất tốn kém cả về người và của, một sự tốn kém không đáng có.

Gần đây, tôi vừa từ Hà Nội vào đến nhà con trai tôi ở quận Tân Bình thì ba hôm trước đó đã xuất hiện một “ ông thợ cắt tóc ” ngay phía bên kia đường, đối diện với nhà con trai tôi. Thực chất đây là “ vọng gác ” để tiếp tục theo dõi mọi hoạt động của tôi. Thì ra việc tôi vào thành phố Hồ Chí Minh công an đã biết trước hàng tuần và họ đã chuẩn bị “ đón tiếp tôi rất chu đáo ”. Xế cửa nhà con tôi là một tiệm café thường xuyên có bóng dáng các chiến sĩ an ninh túc trực gần 24/24. Tôi biết rõ những trò đó nhưng tôi không mấy quan tâm, vì tôi vững tin là những việc làm của tôi không có gì vi phạm pháp luật. Tôi không hoạt động lật đổ, và tuyệt nhiên không bao giờ có ý định hoạt động như thế. Tôi chỉ suy nghĩ, viết và nói công khai những suy nghĩ của mình. Trước tình hình đất nước có rất

nhiều vấn đề nổi cộm hiện nay, chỉ có những người vô cảm, không còn chút lương tri nào mới không suy nghĩ mà thôi.

Ấy thế mà lại xảy ra vụ việc thô bạo đối với tôi như vừa qua. Công an đón “ bắt ” tôi dọc đường, ép tôi phải về trụ sở, truy hỏi quy kết một cách xác xược, sai trái, đối với những việc làm của tôi, những việc làm mà tôi xin được nhắc lại là chỉ vì sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc. Điều đó làm cho tôi cảm thấy hết sức bức bối, vừa đau đớn, vừa phẫn nộ.

Trong tâm trạng như thế, mặc dầu đang hết sức mệt vì bệnh tật hành hạ, tôi vẫn cố gắng viết thư này gửi đến các anh. Tôi muốn biết rõ một điều là có phải chính các anh đã chủ trương cho bộ máy an ninh theo dõi tôi như thời gian vừa qua không. Hay chính các anh cũng không biết việc này mà chỉ là do cấp dưới vì muốn lập công mà lạm dụng bộ máy đàn áp lẽ ra chỉ dùng để đối phó với kẻ thù, đối xử với tôi một cách thô bạo như thế.

Nếu các anh chủ trương như thế thì tôi mong các anh nên nghĩ lại. Đối với một người như tôi có nên dùng những biện pháp thô bạo như thế không khi mà những việc làm của tôi, những ý kiến của tôi chỉ nhằm mục đích xây dựng, giúp cho đất nước ngày càng phát triển. Thực ra thì cho đến lúc này ý kiến của chúng tôi và ý kiến của các anh không còn khác nhau bao nhiêu nữa đâu, kể cả việc đánh giá tình hình. Tuy vô cùng đau xót nhưng đó là sự thật. Phải đứng cảm nhìn thẳng vào sự thật, không né tránh mới có thể tiến lên được.

Vấn đề bây giờ là cùng nhau chung sức tìm đường, một con đường ngắn nhất, thuận lợi nhất để sự nghiệp cách mạng thoát khỏi sự bế tắc kéo dài hiện nay. Trong tập Nhật ký của tôi, các anh đọc, các anh sẽ thấy những suy tư trăn trở của tôi về con đường phát triển sắp tới của đất nước, đơn giản, dễ chịu nhưng sẽ nhanh chóng mà không xáo trộn, bảo đảm ổn định tình hình để cho “ trong ấm ngoài êm ”... Tôi tin chắc rằng đọc Nhật ký của tôi, các anh sẽ tìm thấy những điểm chung giữa chúng tôi và các anh, cả những vấn đề nổi cộm đang tồn tại trong xã hội trong Đảng, cũng như phương hướng phát triển sắp tới của đất nước. Đó là con đường duy nhất đúng để đi lên trong thế ổn định, vững chắc, chứ không phải lấy đàn áp, bóp nghẹt dân chủ mà hy vọng ổn định được tình hình ! Kinh nghiệm Thái Bình, Tây Nguyên... đã minh chứng rõ điều đó. Tôi không hiểu tại sao ta lại không từ thực tiễn cuộc sống mà rút ra những bài học. Nhân loại đã bước sang thiên niên kỷ mới rồi mà cơ quan an ninh của ta vẫn xơ cứng, nhắm mắt hành động theo những biện pháp cũ rích. Rình rập, theo dõi từng bài viết, rồi bắt bớ, tra hỏi tại sao lại viết như thế ? Bài “ Chất vấn bộ trưởng Lê Minh Hương ” có gì là sai trái mà đang đem cho công an dùng vào khám xét nhà ông Lê Hồng Hà một cách trái phép. Bản góp ý của ông Hoàng Minh Chính là thể theo đề nghị của Đảng, tại sao công an lại triệu tập lên, trong giấy ghi rõ lý do : về bản góp ý của ông. Đặc biệt đối với trường hợp nhà trí thức yêu nước Thanh Giang, chỉ vì nghi ông là người viết tài liệu : “ Góp ý xây dựng Đảng ” mà cố vấn Lê Đức Anh hạ lệnh cho cơ quan an ninh bỏ tù hơn hai tháng trời, không hề xét xử, chà đạp lên cả hiến pháp và pháp luật, coi thường cả kỷ cương phép nước.

Rõ ràng bộ máy an ninh của ta đang có những việc làm hết sức vô văn khiến cho thiên hạ cười chê.

Các anh biết nay tôi đã là một cụ già gần tuổi 80, tôi còn có tham vọng gì nữa đâu. Còn chút hơi tàn nào tôi chỉ mong muốn đóng góp cho Đảng, cho đất nước. Lẽ ra các anh cần trân trọng lắng nghe, còn tiếp thu hay không là tùy ở các anh. Thế mà các anh lại lệnh cho cả bộ máy đàn áp thô bạo tôi như vậy, thử hỏi còn đạo lý gì nữa không ? Kể cả đạo lý của Tư tưởng Hồ Chí Minh lẫn đạo lý truyền thống nhân nghĩa nghìn xưa của dân tộc Việt nam ta.

Tôi hy vọng rằng việc làm vừa qua của bộ máy an ninh đối với tôi không phải là chủ trương của các anh. Và nếu đúng như vậy thì thật là một niềm an ủi lớn đối với tôi, giải toả cho tôi nỗi bức bối suốt gần một tháng nay. Tôi đề nghị các anh có văn thư chỉ thị ngay cho công an Quận Tân Bình hoàn trả lại ngay cho tôi những tập Nhật ký mà họ đã tịch thu của tôi một cách sai trái. Chắc là giờ này họ đang tổ chức “ mừng công ” vì vừa lập được một “ thành tích ” bất hảo đối với một lão thành cách mạng. Tôi nghĩ giá như họ mang tài năng nghề nghiệp của mình, kể cả kỹ thuật theo dõi tôi như thời gian vừa qua, để phát hiện sớm âm mưu của Lý Tống, cuộc nổi loạn ở Tây nguyên thì có ích cho dân, cho nước biết bao nhiêu !

Các anh thân mến !

Tôi dựa vào tình quen biết giữa tôi và các anh hàng chục năm nay mà viết lá thư này, giống như là những lời tâm sự từ đáy lòng, chứ không mang tính chất kiện cáo gì cả. Tôi cũng mong rằng các anh hiểu đúng con người tôi như tôi đã trình bày ở trên, mà đối xử với tôi cho phải đạo. Hãy để cho tôi và những người như tôi được sống thanh thản tự do như những người già nghỉ việc được thanh thản và tự do. Tôi tuyệt nhiên không phải là kẻ chống phá đất nước. Chỉ có những kẻ tâm thần hoảng loạn mới quy kết cho Trần Độ là phân tử chống đối. Tôi chỉ chống cái thể chế mất dân chủ đã đi ngược lại tư tưởng Hồ Chí Minh, tôi chỉ chống bọn độc tài, độc đoán, bọn quan liêu tham nhũng như lời dạy của Bác Hồ, như nghị quyết Trung ương 6 lần 2 về xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Vì thế không cần dùng cả bộ máy an ninh đồ sộ để theo dõi tôi và các bạn tôi như thời gian qua.

Tốn kém lắm ! Vô ích lắm ! Vô đạo và kịch cỡm lắm. Suốt đời tôi chỉ một lòng một dạ xây dựng và bảo vệ đất nước thôi. Ngày xưa là bằng súng đạn ở chiến trường, còn bây giờ là bằng ngòi bút. Tôi trước sau vẫn là Trần Độ, một Trần Độ đã từng là đồng chí của các anh, và mãi mãi là “ đồng chí ” của các anh trong mục tiêu cao cả : Xây dựng một nước Việt nam “ hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh ” như Di chúc thiêng liêng của Bác Hồ.

Xin gửi đến các anh lời chào quý trọng và thân ái.

Bệnh viện Hữu nghị ngày 10-7-2001

Trần Độ

[CHÚ THÍCH : trả lời phỏng vấn ngày 25.8 của đài RFI, ông Trần Độ cho biết vẫn chưa nhận được trả lời của lãnh đạo ĐCS].

Văn Ngọc

Độc

Trần Dần, *Ghi 1954-1960*

nxb td memoire - Paris, 2001 (467 tr.)



Những người ngưỡng mộ nhà thơ chờ đón cuốn nhật ký, do Phạm Thị Hoài biên tập, như một sự kiện văn học hiếm hoi, một tài liệu quý báu về thời kỳ Cải Cách Ruộng Đất (1955-56), và vụ Nhân Văn Giai Phẩm (1956-58). Và họ đã không bị thất vọng, mặc dầu những năm tháng quan trọng nhất : 1956 và 1957, đã thiếu vắng gần như hoàn toàn (năm 1956, chỉ vồn vẹn có 7 trang ; năm 1957, không có một dòng nào, chỉ có bài thơ *Hãy Đi Mãi* (1957), đã được đăng trên báo Văn, số 28, ngày 15-11-1957. Các năm 1959 và 1960 cũng không có mấy ghi chép (năm 1959, có 8 trang ; năm 1960, 13 trang).

Không lẽ Trần Dần đã không ghi chép gì vào những năm tháng này ? Hoặc giả những ghi chép của nhà thơ đã bị mất mát ? Hoặc vì một lý do nào khác ? Điều này có lẽ chỉ có người trách nhiệm biên tập, hoặc gia đình nhà thơ mới có thể trả lời được. Trong lời tựa của cuốn sách, không thấy Phạm Thị Hoài nói đến vấn đề này.

Với tất cả sự dè dặt và thận trọng cần thiết, tôi muốn tin rằng cái “ nửa sự thật ” được đưa ra ánh sáng, tức là tác phẩm *Ghi 1954-1960*, ngoài giá trị văn học không thể nào nghi ngờ được của nó ra, vẫn có một giá trị lịch sử nhất định, do lượng thông tin phong phú mà nó chứa đựng trên nhiều vấn đề, chủ yếu là về :

- Tình hình Đảng lãnh đạo văn nghệ sĩ những năm 50-60.
- Cuộc Cải Cách Ruộng Đất (1955-56).
- Vụ Nhân Văn Giai Phẩm (1956-58).
- Con người, và quan niệm về văn chương của Trần Dần.

Những “ ghi chép ” của Trần Dần được viết bằng một thứ văn sắc, gọn, chữ dùng táo bạo, đôi khi tàn nhẫn, không khác

gì như thơ của ông. Có một cái gì bộc trực, chân chất, độc đáo. Tuy nhiên, do nội dung quá súc tích của cuốn sách, tôi đành chỉ tập trung vào ba vấn đề đầu đã nêu ở trên, và không đề cập đến khía cạnh văn chương của tác phẩm, cũng như khía cạnh con người. Với một lý do khác, tôi muốn tránh không đề cập đến một mục tế nhị hơn, là mục Trần Dần đánh giá những người bạn “ cùng hội cùng thuyền ” (NVGP), và những đồng nghiệp văn nghệ sĩ trong vòng giao thiệp của ông, vì tôi cho rằng đó là những nhận định về *con người*, về phẩm chất *đạo đức*, phẩm chất *chính trị*, của từng con người. Nó có tính chất quá riêng tư và nằm ngoài phạm vi nghệ thuật. Không ai có thể nghi ngờ được sự chân thực của những dòng nhật ký ấy, được ghi trước hết là chỉ để cho bản thân nhà thơ thôi, song, cái nguy hiểm là : “ bút sa, gà chết ”, đâu là phần khách quan, đâu là phần chủ quan, đâu là đúng, đâu là sai, thật khó mà biết được, vì không có tài liệu nào khác để đối chiếu, và những người “ bị ” đánh giá, phần đông đều đã qua đời (Phan Khôi, Thụy An, Trương Tửu, Trần Đức Thảo, Văn Cao, Đặng Đình Hưng, Tử Phác, Quang Dũng, Phùng Quán, v.v.) ; những người còn sống : Nguyễn Hữu Đang, Hoàng Cầm, Lê Đạt, Nguyễn Đình Thi, Tô Hoài, v.v. một ngày nào đó có thể sẽ lên tiếng phản bác. Nhưng mà như vậy rồi cũng sẽ không đi đến đâu, và rồi cũng sẽ thành một cái vòng lẩn quẩn, bởi vì cuối cùng rồi cũng chẳng biết được sự thật ở đâu cả ! Thật tình mà nói, tôi thích nghe những đánh giá của Trần Dần về *tác phẩm*, hơn là về *nhân cách* của những văn nghệ sĩ đã từng là bạn bè của ông ! Chẳng hạn như vụ phê bình tập thơ Việt Bắc của Tố Hữu (5-1955), dù sao cũng là công khai, ai cũng có quyền tham gia bàn cãi, những đương sự đều có mặt cả, và đều có thể tự bào chữa được. (Chính vụ đánh giá tập thơ Việt Bắc này đã làm cho Trần Dần bị khốn đốn với phe bảo thủ và với đương sự là Tố Hữu ! Chúng ta nên nhớ rằng, vào thời kỳ đó, Tố Hữu là tiếng nói của văn thơ chính thống của Đảng, và là người phụ trách Tiểu Ban Văn Nghệ Trung Ương, sau trở thành Ban Văn Hoá Văn Nghệ Trung Ương (sdd, tr. 141-148 ; tr. 204 ; tr. 418-432).

Mặt khác, cũng chính do những ghi chép, những nhận định của Trần Dần về người này người khác trong “ nhóm ” NVGP, mà người ta không thể nào xác định được vị trí của ông trong “ nhóm ” này, cũng như người ta không hiểu được thái độ và lập trường đích thực của ông đối với Đảng CSDD (sau đổi thành đảng LĐVN) là ra sao ? (sdd, tr. 188-189 ; tr. 191 ; tr. 196-199 ; tr. 226 ; tr. 239-240 ; tr. 245 ; tr. 264-268 ; tr. 270 ; tr. 283-285 ; tr. 301 ; tr. 374 ; tr. 376, v.v.)

Người ta không thể biết được trong điều kiện nào Trần Dần đã thực sự tham gia “ nhóm ” NVGP, ngoại trừ sự kiện bài thơ *Nhất Định Thắng* (1955) đã được Hoàng Cầm đưa lên đăng trong tập Giai Phẩm Mùa Xuân (1-1956) trong khi tác giả đi vắng (ông đi tham quan CCRĐ đợt 5 ở Bắc Ninh, từ 2-11-55 đến giữa tháng 2-1956 mới về), sau đó bài thơ bị phê phán và Trần Dần bị giam 3 tháng ở Hoà Lò. Hoàng Cầm có hội ý với Trần Dần trước khi làm việc này không ? Cho đến nay, người ta vẫn không biết được.

Về vấn đề Đảng, và chính sách của Đảng đối với văn nghệ sĩ, sau ngày hoà bình lập lại ở miền Bắc (1955), mặc dầu Trần Dần lúc đó có một cái nhìn rất lý tưởng, và phần nào rất mơ hồ, về Đảng, nhưng ông đã bắt đầu có những nhận xét về những biểu hiện tiêu cực đang đe dọa giới văn nghệ sĩ :

“ (...) Đáng trách là cả một cái Hệ Thống ! Nó nặng

như núi. Nó ở trên có. Ở ngang có. Đằng trước, đằng sau đều có nó. Hệ thống gì? Đó là hỗn lộn: sợ hãi cúi đầu, làm thân con sên, con tằm gửi, - hò hét mệnh lệnh, làm ông sấm ông sét. Đứng ở đâu? Thương ơi! Đứng chưa ở chúng mình, ở từng người một. Ở những người nào có lao động. Có đấu tranh thực. Có rỏ máu trên một vần thơ, một nét bút. Đứng chưa ở đó bốc ra. Vì vậy bóng tối phản động vây hãm tất cả. Đặc xít. Đen ngòm. Chỉ khi nào Đứng ở từng người, từng cánh tay mình, thì mới tan được Hệ Thống (...)"

(Sdd, 1955, tr. 73-74)

Ngay cả sau này, khi cả "nhóm" NVGP đã bị "đánh" toi bời (1958), Trần Dân trên thực tế là nạn nhân rõ ràng, nhưng vẫn tự coi như mình đứng về phía Đảng, về phía chân lý. Sau lớp học "đấu tranh tư tưởng" đợt 2, tháng 3-4, 1958, ông ghi:

"(...) Nhân Văn Giai Phẩm thế là đứng về phe tư bản chủ nghĩa, phản đối xã hội chủ nghĩa; hơn thế, lớp học trình bày sự thực, làm cho tất cả thấy rõ chân tướng bọn cầm đầu NVGP, đó là một công ty phá hoại bao gồm những kẻ phản cách mạng, đưa là phần tử Quốc Dân Đảng cũ (Phan Khôi), đưa là mật thám trước (Trần Duy), đưa là tên bất mãn chống Đảng có lịch sử, đi đến chủ nghĩa Troskisme (Nguyễn Hữu Đang)... chúng ngoặc với bọn troskistes Trương Tiểu, Trần Đức Thảo, và với bọn gián điệp vẫn liên lạc với Sainteny, là Thụy An. (sdd, tr. 239-240)

Tháng 5-1958, ông lại ghi:

"(...) Tôi vừa là một tội nhân. Vừa phải cố tách mình ra, làm một đao phủ thủ, hành hạ cái chủ nghĩa xét lại có thực trong tôi và đám Nhân Văn." (sdd, tr. 260)

Rồi ông đi vào phân tích bản thân mình:

"(...) Tôi đã tự lừa dối là tôi tử vì đạo vì mục đích đi tìm cái mới cho xã hội, cho văn học, cho con người. Song sự thực chứng tỏ tôi đã là đứa tay sai muốn chết cho bọn tư sản phản động, cho chủ nghĩa xét lại, cho tư tưởng troskiste, và cho bọn đế quốc chúng đứng trên cao hết, chẳng ra một bức mạng nhện những tư tưởng hiểm nghèo và độc địa." (sdd, tr. 241)

Trần Dân tin tưởng một cách chân thành và ngây thơ vào cái lý thuyết cải tạo lao động của Đảng:

"(...) Mà vấn đề cải tạo lao động là một vấn đề khẩn thiết bức bách lắm rồi. Không thể dừng được. Tôi có cảm giác phải vượt qua một ngọn Hy Mã Lạp Sơn! Cuộc sống có những lúc thử thách con người ta một cách hết sức nghiêm nghị (...) Tôi không muốn làm một kẻ hèn nhát. Cái sàng lớn của xã hội chủ nghĩa sàng không thương sót, tôi không muốn làm một kẻ bị sàng đi. Ôi chao, phải nhận chân một sự thật: lòng quyết tâm cải tạo xã hội chủ nghĩa của tôi nó còn ít tự giác quá. Nó còn như bị bó buộc. Cái mới chưa tin hoàn toàn, cái cũ chưa gột cho hết. Một con người thảm hại tội độ." (sdd, tr. 243)

Tháng 11-1955, Trần Dân tham quan Cải Cách Ruộng Đất đợt 5 tại Bắc Ninh. Dưới cái tựa: Đợt 4 - 76 xã Bái Bắc (sdd, tr. 125-127), ông ghi:

"- Con giết bố mẹ 26 vụ; - Vợ giết chồng 7 vụ; - Anh em giết nhau 14 vụ; - Chú giết cháu 4 vụ; - Bố giết con 1

vụ; - Đốt nhà 86 vụ. (...) Bà cụ chết (...); Nguyễn t Tiến bị giết (...); Chị Tĩnh bị chết (...); Tên Nhất chết (...); Phú nông Mầu treo cổ không chết (...). Tôi giết mình sợ quá, chết mãi thế này, không thiết cơm nước gì nữa. Lại một vụ đốt nhà (...) Giết trung nông Trạch (...)"

Bên cạnh những con số thống kê, là những mẩu chuyện, mẩu đối thoại, với những cái tựa như: **Tư tưởng thành tích** (sdd, tr. 128), **Bần cố nông** (sdd tr. 123), **Văn nghệ di tham quan** (sdd, tr. 127), v.v.

Tư tưởng thành tích:

"Đem một bản nông, thổi phồng khuyết điểm, quy thành cường hào gian ác, xử tử hình. Anh nào cũng muốn xóm mình có bá. Lại muốn bá xóm mình thật ác, lắm tội, thành bá xã, bá vùng. Lại muốn bá xóm mình càng bị xử nặng càng thành tích. Cán bộ tranh nhau cho bá mình nặng tội. Anh nào cũng muốn cho rể xóm mình trở nên những bí thư, chủ tịch (rể = quân chúng đáng tin cậy, thuộc thành phần cơ bản, làm chỗ dựa cho cán bộ trong CCRĐ). Cán bộ tranh nhau cho rể được kết nạp, được đề bạt." (sdd, tr. 128)

Về cuộc CCRĐ, Trần Dân còn nhiều trang ghi chép khác, vừa sinh động, sắc bén, lại vừa "hiện thực" một cách khủng khiếp, liên quan đến các cuộc đấu tố (sdd, tr. 135-139).

Nói chung, những cuộc đi "tham quan CCRĐ" mà giới văn nghệ sĩ được hay phải tham gia vào năm 1955 đã có một tác động nhất định lên những suy nghĩ của họ về chế độ. Những sai lầm trong cuộc CCRĐ, cộng với những sai lầm khác về chính sách lãnh đạo văn hoá, văn nghệ, của Đảng, chính là những nguyên nhân của cuộc nổi dậy của một số văn nghệ sĩ được Đảng ban cho cái tên chung là "bọn NVGP", mặc dầu họ không phải là một tổ chức chính trị.

Hơn 40 năm đã trôi qua, vụ NVGP vẫn còn nhiều điều bí ẩn mà người ta sẽ khó mà biết hết được. Chỉ có những tác phẩm văn học còn để lại của thời kỳ ấy của nhóm NVGP, là những chứng từ đáng tin cậy nhất, mặc dầu có những tác phẩm đã bị "vô hiệu hoá" một cách cưỡng ép, như bài thơ **Nhất Định Thắng** (1955), đã bị thêm vào đoạn cuối (bắt đầu từ *Hôm nay / Trời đã thôi mưa thôi gió / Nâng lên đồ phở đồ nhà...*) (sdd, tr. 161), trước khi Hoàng Cầm đưa lên đăng trong tập **Giai Phẩm Mùa Xuân** (1956)!

Đọc cuốn **Ghi 1954-1960** của Trần Dân, người ta bắt gặp một nhà văn, một nhà thơ tài năng, một tâm hồn nghệ sĩ đích thực. Tiếc thay, con người Trần Dân, mặc dầu rất chính trị trong thơ, song lại thiếu chính cái chất ấy để đối mặt với thực tế. Tuy nhiên, tôi vẫn tin tưởng rằng, Trần Dân đã thực hiện được phần nào cái hoài bão thời tuổi trẻ của ông, là làm một cuộc "cách mạng" về thơ, "một cuộc thí nghiệm thơ", "chôn" mọi thứ thơ hình thức, giáo điều, phi hiện thực, kể từ cuộc phê bình tập thơ **Việt Bắc** của Tố Hữu, kể từ bài thơ **Nhất Định Thắng** (1955), cho đến dạ khúc trường thiên **Cổng Tĩnh** (1960), cho đến **Thơ mini**, 30 năm sau.

Văn Ngọc

22-9-1955



Nguyễn Sáng, Chân dung Trần Dân, Nhân Văn, số 1,

Trần Dân GHI 1954-1960

K. em,

Bỏ lỗi cho anh. Em khổ cũng nhiều rồi. Người ta có thể quen với mọi thứ, cả sự khổ não, – nhưng anh sẽ cố làm cho em đỡ khổ, người ta không nên quen với khổ đau.

Phải có một cái không thay đổi mới có thể làm cái trực thay đổi mọi cái khác. Tình yêu chúng ta càng vững, xung quanh chúng ta sẽ biến đổi hết.

Khi người ta khổ mọi vẻ, phải còn một cái gì sung sướng, dù là hy vọng, mới sống được. Đêm bão biển ít nhất phải còn một vì sao trên trời, hay trong lòng thủy thủ. Bây giờ anh khổ lắm, anh phải có em giữa biển khổ, anh phải có một vì sao trong tâm hồn. Em cũng mất nhiều lắm, mất cả tiếng cười, cuộc sống hồn nhiên. Anh cố lắm... Nhưng em có thể thấy ở anh như một tia nắng giữa trời mây đen không ? Nếu mà có thể, anh muốn khổ thay em tất cả, cho em sung sướng phần nào.

23-9-1955

[...]

Đời một người con gái, một đứa bé ⁽¹⁾ và đời tôi người ta quyết định tùy tiện như vậy sao ? Vậy có nhân đạo gì nữa không ? Tư tưởng lập trường gì mà đàn áp tâm hồn người ta như vậy ?

Kính gửi những người phụ trách cuộc sống ở Việt Nam, tôi buồn như thế, khổ như thế. Người ta hà khắc vô lối với đời tôi, đời người con gái tôi yêu, đời đứa con tôi sắp đẻ như thế.

Hỡi những người phụ trách cuộc sống ở Việt Nam, các người có đồng ý vậy không?

13-1-1958

Phố Lý Thường Kiệt

Mùa đông, đường đại lộ như rộng thêm. Hàng cây từa lên đám cành cụt màu nâu xẫm, màu vàng ; một nhúm lá lọt lưới đốm xanh trên tất cả một gia đình các màu han rỉ. Trông cái phố xác ra, như một tâm tư bị giày vò, mọi tình ý đều đã mướt xơ ra cả. Các bức tường dài tun hút, trông càng thêm lì lợm. Dây điện, mâu với các căn nhà loang lổ, cho đến mây trời, tất cả đều lờm nhưom. Cái lạnh gặm nhấm tất cả xác khô ra hết, mà cảnh vật vẫn nên thơ, trông hết một bức tranh đã dùng dao, cạo bớt các mâu sơn đi, một cách thật có nghệ thuật.

1-7

Ba giờ rưỡi chiều ngày 30/6, mẹ Cún đẻ đứa con thứ hai. Là một thằng Cu. Chưa có tên. Nặng 2,5 cân. [...]

Tối chủ nhật 29/6, bố đi nghe ông Trường Chinh nói về *Cách mạng văn hoá tư tưởng*, lúc về đã muộn, thấy nhà còn ánh đèn,

(1) Thời gian này vợ Trần Dân đã mang thai đứa con đầu lòng. Bà sinh con khi Trần Dân bị đi tù năm 1956.

tường mẹ nó thức. Đến gần, thấy cửa khoá khoá chữ, bố đã sinh nghi : từ hôm qua, mẹ Cún đã kêu đau ; trước lúc bố đi nghe nói chuyện, mẹ nó cũng lại kêu đau, bảo đi thăm thai. Bụng sút hẳn xuống. Thế này, chắc mẹ nó đi đẻ đây [...]

Bố về còn kịp. Lớp học lại đã xong. Thật là đẻ đúng thời cơ vô cùng. [...]

Đêm nhà họ sinh tĩnh mịch, ánh sáng ngọn đèn đầu hành lang, nằm chìm lịm trong bóng tối. Trời có ánh trăng thanh thanh. Cái sân mát quá, gió thừa thãi. Bóng lá um tùm, một sự tĩnh mịch có trọng lượng của đợi chờ, của hồi hộp... Đêm nay, ở địa điểm này, một sự tinh anh xuất hiện, với danh từ : người.

Suốt đêm, bố trần trọc : sự hồi hộp đánh nhau với cái đức ngủ của bố. Nó sẽ thua, nếu không có khách quan, nghĩa là muối, kèm đó là nhiệm vụ xua muối cho con Kha. Mẹ nó thì không chịu ngủ, cứ ngồi trong nhà để nhãn nhó. [...]

Đến khoảng một giờ chiều, bố ngồi trong buồng đẻ, cố viết cho xong bản thu hoạch lớp học. Xong, bố sách cặp lồng, định về nhà thổi cơm đem đến, mẹ nó nhăn, ôm bụng, gằn : bố đừng về nữa. Em đẻ đến nơi mất rồi ! [...]

Bà Chính ghi giấy nhận thực. Mục tên đứa bé còn để trống : bố mẹ nó còn chưa bàn được ngã ngũ về tên đứa con này !... Trông nó quắt queo quá. Sự sống cựa quậy trong tả lót, thật cảm động, nhưng đây là một sự sống rúm rỏ, đồ hồn. Có lẽ đứa trẻ nào mới ra đời cũng vậy chăng ? Đa số đều giống na ná, như những ông lão, những bà già kẻ miệng lỗ. Khởi điểm và kết cục cuộc sống có những chỗ giống nhau.

Thế là gia đình tôi, miền Bắc, và nước ta thêm một nhân số. Nói rộng ra là loài người, nhưng e rằng rộng quá.

6-7

Hôm nay cho con về nhà. [...]

Cuộc từ biệt nhà họ sinh tiến hành lộn xộn. Ai cũng bận cả, gặp ai thì chào nấy. Đàng về thì cũng vui vì được về, người ở nhà họ sinh thì cũng vui vì đỡ được một bà đẻ là đỡ việc. Tuy vậy, đàng sau cái tình cảm ích kỷ đó, vẫn có sự cảm động của sự chia tay giữa những người đã sống cạnh nhau ít bữa. Không thể thì đời sống xã hội không thể có được.

Me sừ xe tay bóp chẹt nhau quá ! Thường thường quăng xe Nguyễn Thái Học - Vũ Lợi này là 150, 200đ. Bây giờ, me sừ ấy bảo : 1200 đ ! Và hấn ta nói : “ Bà đẻ mà lại ! Đến Ngõ Trạm người ta cũng vừa đi 7, 8 trăm đây nè ! ” Tôi không mặc cả nữa, nói thế thì không còn nói chuyện mặc cả được. Lão xe tay người cao, vạm vỡ, chạc 45 tuổi, da mặt hồng hào, môi dày và nhòn, mắt cặp quặm. Quân lão xấn cao. Ăn nói tron tru, có vẻ anh chị. Một anh xích lô khác định đi cho tôi với giá 400, bị lão đến chèn. Lão gọi anh kia ra. Anh chàng trẻ tuổi, còm, bé ; sau khi nghe lão kia nói gì một hồi, anh đành bỏ đi, đáng điệu miễn cưỡng, lầu bầu : “ Bà đẻ thì bà đẻ chứ !...” Mẹ Cún cứ sồn sồn lên : “ Thôi đi bộ ! Ra kia đi xe điện ! Vợ con các ông không đẻ hay sao ! Bây giờ lại còn mê tín nữa à ? ”

Một xích lô khác đạp qua. Tôi làm hiệu gọi. Có lẽ gang quá không tiện, lão xe đầu tiên kia đến bảo tôi : “ Thôi, tôi đi 500 vậy. Ông khỏi phải mặc cả xe khác nữa ! ”. Tôi gật đầu, cho xong chuyện. Lão xe này chịu chở bà đẻ tức là lão không mê tín. Lão chỉ đòi trả bằng giá cắt cổ, tức là lão buồn trên sự mê tín ấy.

Tức 1/7 Mậu Tuất. Thế là vào thu. Thời tiết có một sự thay đổi. Nhưng có phải vì cơn bão tạt, nó là tác giả chính của thay đổi đó không? Dù sao, đầu đó trong bầu không, có những frissons mới.

Buổi chiều rõ hơn hết. Nắng nhạt đầu phố. Mưa rơi lác rác, có pha lẫn một chút màu vàng. Ánh hoàng hôn không đỏ chói như những ngày hạ, bị cắt cổ! Buổi chiều xuống bây giờ, hơi vàng, hơi xanh, với một chút khí mát, đôi khi hơi lạnh. Nhìn ra ngoài đường, ánh sáng đều hui, hà hơi sương trên các mái nhà nâu xỉn, các thân tường vôi loang, cả các lùm cây, tuy vẫn xanh đậm. Máy ngọan đèn sớm chảy mù vàng trong lòng phố. Các gian nhà co ro trong những sợi miền mưa lay nhay. Có nhà ăn cơm dưới đèn, ánh lửa không gắt như những ngày nực cũ. Buổi chiều tắt như một tiếng thở dài, man mác.

Ban tối lại có vẻ vào thu hơn cả ban chiều.

Nhạc nổi góc phố, ở loa phóng thanh, những âm thanh lơ lửng trong những sợi tơ mưa chen với ánh đèn vàng.

Mùa thu, âm nhạc nhiều khả năng buồn bã hoá người ta... Tôi bị bắt cóc đến những xứ nhiều tuyết, đen nhẻm... Đến quá đêm khuya, anh lục tào xá ế đã qua phố, anh lộ mái phàn bán đất, cũng ế đã qua phố,... thì, trong mưa có tiếng rao ướt át bác tắm quất, cũng ế, trời mưa, không ai muốn tắm!

5-9

[...]

Ban tối, tôi giảng phân số cho lớp 4 lớp 5 hợp nhất. Bụng nó chuyển. Ngoài kia, trời đổi gió. Heo may trèo qua những dãy núi trước mặt, kéo nhau về hàng đàn, lỏng trên đồng cỏ. Trời đầy mây, đen, xám nhờ nhờ, đó đây chỉ hờ vài ngôi sao mờ côi... Gian buồng chật chội mọi đêm oi bức, hôm nay bỗng trở nên ẩm cúng! Gió vào đây nhà, thổi tốc các màn, ùa cái lạnh khắp mọi xó xỉnh. [...]

8-9

Chăn bò.

Trời rõ là thu. Mây xám, gió về từ phía bắc, bên kia rặng núi cao. Mưa lác rác suốt. Không có nắng nữa. Mặt trời hiền lành, lọc qua mây, tuôn những ánh trắng nhờ nhờ. Non một tuần nay, tôi được hưởng thụ cảnh sơ thu ấy.

13-6-1959

[...]

Lại đi.

Bến ô tô đêm. Bến ô tô có cái gì bệu rệu, ngơ ngác, – bến ô tô như con bò xù có thể rống lên, khổ đau mà khôi hài, lem luốc! Bến ô tô: áo nâu, bó chiếu, tay nải vá, trẻ khóc, ỉa, đá. Bến ô tô: thân áo đồng lấm, bó cửa người thợ xẻ, va li, áo trắng, bụi... Bến ô tô bao giờ vẫn bệu rệu. Hát xẩm, bán thuốc rong, phong bán bánh khảo giấy xanh đỏ.

Đi thôi.

N.L. tuyển chọn

TIN TỨC - TIN TỨC (tiếp theo trang 8)

Hai di tích kiến trúc lịch sử ở Đà Lạt bị phá dỡ

Năm 1893, bác sĩ Yersin tìm ra địa điểm cao nguyên Lang Bian, Đà Lạt, và đề nghị với toàn quyền Paul Doumer lập trung tâm an dưỡng ở đây (1897). Hai biệt thự vừa bị phá đi, là những công trình đầu tiên được xây lên ở đây bằng gỗ, theo kiểu nhà sàn, vào năm 1897, được gọi là *Villa Savoisiennne*, và được dùng làm trạm nghỉ cho các phái đoàn đi khảo sát, nghiên cứu. Hai công trình này có chất lượng về mặt kiến trúc, và cho đến những năm gần đây vẫn được bảo quản tốt. Đó là những di tích lịch sử gắn liền với quá trình hình thành của thành phố cao nguyên Đà Lạt. Trả lời câu hỏi của nhà báo: vì sao lại phá dỡ hai ngôi biệt thự này, ông Phan Thiên, chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng cho biết: “*Vì trong qui hoạch khu truyền hình mới, và nói rộng hơn, trong qui hoạch tổng thể khu phía đông thành phố không thấy có nó*”! (Tuổi Trẻ, 19-7-01)

Văn Hùng Cường đoạt giải nhất cuộc thi piano

Tại cuộc thi piano quốc tế lần thứ 45 tại Cincinnati (bang Ohio, Mỹ), tổ chức từ ngày 4 đến 10-7-01, Văn Hùng Cường đã đoạt giải nhất. Tác phẩm anh trình diễn ở vòng chung kết là bản *Concerto số 5 cung mi trưởng* của L.V. Beethoven. Giải nhì, Joannis Potamousic, 28 tuổi, người Hi Lạp (*Concerto số 1 cung mi trưởng* của Liszt). Giải ba, Sergei Morozov, 27 tuổi, người Ucraina (cùng tác phẩm với giải nhì).

Cường sinh năm 1972 tại Qui Nhơn, là con trai giáo sư bác sĩ Văn Tân, một nhà phẫu thuật nổi tiếng. Học piano từ 6 tuổi, năm 1983 Cường vào học tại Nhạc viện TP. HCM. Từ 1992-1998, Cường được học bậc đại học tại Nhạc viện Tchaikovsky Matxcova (Nga) với giáo sư V.K. Merzbanov, và tốt nghiệp hạng ưu năm 1998. Ngay năm 1997, Cường đã nhận giải Quarter Finalist tại cuộc thi piano quốc tế ở Cleveland (Mỹ), sau đó được học bổng theo học chương trình đào tạo nghệ sĩ biểu diễn tại Cleveland. Trong thời gian du học ở Mỹ, Văn Hùng Cường tham gia nhiều cuộc biểu diễn và các cuộc thi quốc tế. Năm 2000, anh nhận giải Frina Auebuch tại New York và được biểu diễn ở Carnegie Recital Hall, tháng 11-2000. Năm 2001, anh sẽ đơn diễn tại New York, Washington D.C., Cleveland, Knoxville, và Tennessee. (Tuổi Trẻ, 14-7-01)

Kim Dung trở lại Việt Nam

Ngày 25-8-01, hai tác phẩm của Kim Dung: *Tiểu Ngạo Giang Hồ* và *Anh Hùng Xạ Điêu* chính thức ra mắt bạn đọc VN sau hơn 1/4 thế kỷ, với những bản dịch mới, theo đúng nguyên tác đã được Kim Dung chỉnh lý, nâng cao. Sự tái xuất giang hồ này có được nhờ công trình liên kết xuất bản giữa NXB Văn Học và Công ty Văn hoá Phương Nam - đơn vị được Kim Dung ký hợp đồng chuyển nhượng bản quyền đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam. Bộ *Tiểu Ngạo Giang Hồ* trước đây do Hàn Giang Nhạn dịch, lần này bản dịch là của nhà văn Vũ Đức Sao Biển. Còn bộ *Anh Hùng Xạ Điêu* lần này do Cao Tự Thanh dịch.

Cao Xuân Hạo

VỀ TÍNH HIẾU HỌC CỦA NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY

Người Việt Nam ta thường rất tự hào về tính hiếu học hình như đã thành một truyền thống lâu đời của dân tộc. Người nước ngoài, nhất là ở các nước không phải là Nga hay Đông Âu, cũng rất sẵn sàng thừa nhận đức tính này của dân ta. Những giải thưởng quốc tế mà học sinh ta giành được có thể làm cơ sở cho điều này. Riêng ở Nga và Đông Âu thì có khác một chút. Nhưng điều này ta sẽ tìm hiểu sau. Vậy cái đức tính hiếu học ấy vì đâu mà có? Và nếu có, cái truyền thống lâu đời ấy nảy sinh như thế nào, và ngày nay có còn được bảo tồn và tiếp nối không?

Đó là vấn đề mà bài này muốn đặt ra để các vị dự hội thảo cùng xem xét và bàn bạc.

“Hiếu học” là một khái niệm có thể coi như làm thành một bộ phận, một chi tiết, một biểu hiện của sự khát khao tri thức rất tự nhiên của con người. Các động vật khác không có sự khát khao ấy. Việc vươn tới sự tự cải thiện của chúng nhằm thích nghi tốt hơn với hoàn cảnh sống là một bản năng, không phải một ý chí. Con người có ý thức về sự tự cải thiện cũng như sự cải thiện những điều kiện sống của nó. Muốn thế nó phải không ngừng tìm biết, học hỏi để hiểu rõ thêm cái thế giới xung quanh nó, rồi tới cả bản thân nó nữa. Và sau mấy triệu năm tiến hoá, khi loài người đã bắt đầu tạo ra những thiết chế, những tổ chức để truyền đạt và phát triển những tri thức đã tích lũy được, thì cái khái niệm “học” mới ra đời, cùng với chữ viết (văn tự) và những ông đồ dạy chữ. Thoạt tiên, học chính là học văn tự. Tôi không biết xưa kia tiếng Việt cổ đại (hay tiếng Việt-Mường) có từ nào để biểu thị khái niệm “học” không. Chứ ngày nay ta chỉ biết dùng từ học vốn là từ của người Trung quốc. Tuy ta theo sách thánh hiền (của Trung quốc) mà nói *Tiên học lễ nhi hậu học văn*, nhưng sự “học” trước tiên chính là học văn tự. Có văn tự mới có sách. Có sách mới ghi lại được những lời dạy của các bậc thầy thành những tri thức được cố định hoá thành những văn bản mà người học phải thuộc lòng. Hình như mối lo sợ lớn nhất của người xưa là mất văn bản (thất bản). Vì nếu mất nó thì những tri thức cơ bản sẽ thất truyền, và sự nhất trí của tri thức cần thiết cho một xã hội có tổ chức sẽ không còn nữa.

Cho nên học trước hết là phải thuộc. Thuộc có nghĩa là “nấu chín”, tức là được tiêu hoá thành của mình (nhân thể cũng xin nhận xét là ngày nay nhiều thầy giáo rất coi nhẹ việc học thuộc lòng, lẫn lộn nó với lối “học vẹt”). Tôi còn nhớ hồi nhỏ học tiếng Anh với một ông thầy tu người Anh, suốt năm năm học ông bắt chúng tôi học thuộc hơn 100 bài dân ca Anh, Tô Cách Lan và Ái Nhĩ Lan (dĩ nhiên là phải thuộc lòng cả lời lẫn nhạc), và chính nhờ đó mà đến ngày nay chúng tôi còn nhớ được những gì chúng tôi học được về thứ tiếng không dễ học này. Có thuộc lòng mới nhớ “như in” được cách hành văn,

cách dùng từ của những bài mẫu mực, để khi nói, khi viết bật ngay ra được một cách hầu như bản năng, hồn nhiên, như của chính mình. Học thuộc lòng không phải không cần sáng dạ. Nó chính là cái thước đo chính xác nhất của sự sáng dạ. Người không sáng dạ phải bỏ ra một công sức gấp đôi, nhiều khi gấp mười, một người sáng dạ mới thuộc được. Và công sức bỏ ra trong nhiều năm để học thuộc lòng sẽ luyện cho người không sáng dạ trở thành người sáng dạ.

Tôi không lý tưởng hoá cách dạy của các ông đồ ngày xưa. Tôi cũng không ca ngợi chế độ thi cử của các triều đại trước. Đó là những sự kiện không lấy gì làm sáng sủa, sản phẩm của một nền giáo dục cổ hủ, lạc hậu. Nhưng chính nền giáo dục ấy đã tôi luyện nên cái đức tính hiếu học của ông cha ta.

Ngày xưa ông cha ta vốn không phải vì hiếu học mà học. Họ vì ý chí làm quan mà học. Họ không còn cách nào khác để thoát khỏi cái thân phận tủi cực của kẻ nghèo hèn. Những bà mẹ, những người vợ nhịn đói nhịn khát để nuôi chồng nuôi con ăn học thành tài, không đổ trượng nguyên thì cũng đổ ông nghề, ông cử, ông tú. Ông trượng, ông nghề mới được hưởng cái vinh dự vinh quy bái tổ, nhưng một ông tú ít ra cũng có thể vênh mặt nói với vợ “*Không hay sao lại đổ ngay tú tài?*” và được cả làng trọng vọng. Một ông đồ đi thi nhiều phen không đỗ, đành từ bỏ tham vọng khoa bảng ở nhà gõ đầu trẻ, cũng vẫn được dân làng trọng vọng với tư cách một người thầy của con cái họ, niềm hy vọng cho tương lai của gia đình họ. Và họ cũng biết phân biệt tài năng với vận may: Học tài thi phận. Nhưng tài năng và ý chí vẫn là những cơ sở vững chắc của một tương lai đáng cho người dân mơ ước, và vẫn đáng được trọng vọng vì đó là những giá trị đích thực của con người, vì con người, khác với con vật, vốn khát khao tri thức, mà tri thức thì lại đã từ lâu được loài người coi là giá trị cao nhất, vì đó là nhân tố quan trọng nhất có thể đưa họ đến những thành quả tốt đẹp trong cuộc đấu tranh gian khổ với thiên nhiên để xây dựng một cuộc sống hạnh phúc.

Như vậy, tính hiếu học không phải là một đức tính cố hữu của người Việt, nhưng kể từ một thời đại nào đó nó, do chính những yêu cầu có thể là rất ích kỷ của giai cấp thống trị, nó đã trở thành một truyền thống, vì nó được toàn xã hội đồng nhất với những niềm hy vọng tốt đẹp nhất của con người.

Ngay trong thời Pháp thuộc, cái truyền thống ấy vẫn được giữ vững, bất chấp những ý đồ nô dịch của chủ nghĩa thực dân. Các nhà giáo của ta đều biết lợi dụng những yêu cầu thiển cận của chế độ thuộc địa và, một mặt dựa trên truyền thống hiếu học của dân tộc, một mặt đề cao những yếu tố nhân đạo và dân chủ của nền văn hoá Pháp, ra sức mở mang dân trí đến mức tối đa theo hướng hiện đại hoá và dân chủ hoá.

Từ khi Cách mạng tháng Tám thành công, những triển vọng lớn lao đã mở ra trước mắt nền giáo dục của nhân dân ta, và truyền thống hiếu học có được những điều kiện thuận lợi chưa từng thấy để được phát huy lên đến những đỉnh cao mà trước kia không có ai dám hình dung. Cửa nhà trường được mở rộng cho tất cả, và dĩ nhiên các trường đều nhanh chóng chuyển hẳn sang một nền giáo dục mới – nền giáo dục của một dân tộc độc lập.

Với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp năm 1954, khi quân dân ta đã giải phóng thủ đô Hà Nội và những

trung tâm văn hoá khác của đất nước, các trường đại học khoa học bắt đầu hoạt động chính thức với một quy mô chưa từng có dưới thời Pháp thuộc.

Chính đây là lúc sự nghiệp giáo dục đặt ra những vấn đề rất cơ bản về đường lối cũng như về nội dung và chất lượng của chương trình giảng dạy. Một trong những vấn đề cơ bản được đặt ra là tính giai cấp trong nền giáo dục của chế độ mới. Dĩ nhiên, không thể có chủ nghĩa quân bình trong giáo dục. Đành rằng mọi công dân tương lai đều có quyền lợi và bổn phận ngang nhau trong giáo dục. Nhưng các tầng lớp lao động đã thiệt thòi quá nhiều trong dĩ vãng, (dĩ nhiên là do điều kiện kinh tế – quá nghèo để cho con đi học – chứ không phải do thành phần giai cấp) nên nhà nước không thể không có một chính sách ưu đãi để đền bù cho họ những nỗi thiệt thòi mà họ và con cái họ đã phải chịu trong quá khứ. Đó là một chủ trương hết sức công bằng mà chắc hẳn không có một ai phản đối. Nhưng ở đây ta thấy xuất hiện một sự ngộ nhận hết sức trầm trọng.

Đáng lẽ sự ưu tiên ưu đãi này phải nhằm dồn sức bồi dưỡng cho con em công nông học thật giỏi, giỏi hơn con em các tầng lớp “trên” hay ít nhất cũng giỏi bằng, thì có nhiều người lại quan niệm rằng phải tìm cách tạo ra một sự bất bình đẳng trong cách đánh giá kết quả học tập của học sinh và sinh viên (HS & SV), đặc biệt là qua các kỳ thi. HS & SV công nông và con em cán bộ trung cao cấp, có công với chế độ, hay có quan hệ thân thiết với các cán bộ trung cao cấp, thì được cộng thêm điểm trong học bạ và trong kết quả thi. Do đó có một số HS & SV thi đỗ mặc dầu không đạt yêu cầu tối thiểu và cũng do đó có một số HS & SV giỏi hơn bị loại.

Như vậy nội dung của sự ngộ nhận này là ở cách quan niệm mục đích của giáo dục: theo quan niệm này, được học không phải là được trang bị đủ hiểu biết để ra phục vụ đất nước, mà là để có một cái bằng – được quan niệm như một phẩm hàm đem lại một địa vị xã hội nhất định cho người học, một phần xoi thịt thưởng cho những kẻ may mắn được xếp vào một đẳng cấp nhất định, bất chấp năng lực ra sao. Năng lực phục vụ được gọi là “chuyên”, còn thành phần giai cấp được coi là một tiêu chuẩn của “đỗ”. Trên thực tế, “đỗ” là chính, “chuyên” là phụ, mặc dầu trên lý thuyết hai mặt được coi là cần thiết như nhau.

Với quan niệm đó, những HS & SV được “ưu tiên” chưa đủ tri thức nghề nghiệp được phát bằng tốt nghiệp và được đưa vào biên chế hay được chọn gửi đi học nước ngoài – hơn nữa, vì những ưu thế về lý lịch, họ rất chóng được vào biên chế, được đề bạt và chẳng bao lâu đã trở thành cán bộ lãnh đạo. Những HS & SV “ưu tiên” khi du học được gửi gắm rất cẩn thận và nhờ mối tình hữu nghị anh em giữa các nước xã hội chủ nghĩa, họ thừa sức đỗ bằng PTS hay TS, kể cả những người không hề viết một dòng nào trong bản luận văn mà họ đưa ra bảo vệ. Với những hoạt động thương nghiệp mà họ tiến hành xung quanh căn cứ địa “Đôm 5” ở phố Ulyanova (đó là nhà trọ tập thể của nghiên cứu sinh nước ngoài kiêm kho chứa hàng của họ)^(*) họ thừa sức bỏ ra mấy ngàn rúp để thuê những bạn khác viết luận văn thay họ. Và lại ở các nước Đông Âu không thiếu gì những người chuyên viết hộ luận văn phó tiến

sĩ. Tôi có quen hai vợ chồng tiến sĩ người Do thái Nga sống bằng nghề viết thuê luận văn, chủ yếu là cho các NCS châu Phi và Việt Nam.

Có một điều đáng chú ý là khi gửi các du học sinh này đi, các cán bộ hữu trách thừa biết là những người ấy chính nhờ ô dù của họ, chứ không phải nhờ học lực, mà thành nghiên cứu sinh, nhưng khi điểm lại các cán bộ của cơ quan mình, những người ấy lại thấy quanh mình toàn những nhà bác học tài năng và lấy làm tự hào về chiến lược trọng dụng nhân tài của mình. Tuy vậy cũng có nhiều người tinh táo hơn biết rõ chân giá trị của các tân tiến sĩ, nhưng lại sử dụng đội ngũ này làm một ê-kíp cung tận tụy với cá nhân mình vì lòng biết ơn đối với ô dù nhiều hơn là vì tinh thần kỷ luật đối với cấp lãnh đạo.

Đã có một thời nhiều giáo sư phản đối kiểu ưu đãi bất công này, vốn rất tai hại cho chính các sinh viên công nông. Họ đòi công bố điểm đích thực của các thí sinh và tình nguyện phụ đạo thêm một hai năm cho các sinh viên công nông chưa đạt trình độ cần thiết trước khi phát bằng tốt nghiệp cho họ. Các giáo sư này, trong đó có cả giáo sư Bộ trưởng Tạ Quang Bửu, không thể chấp nhận tính man trá của việc chính thức công nhận những sinh viên này đã đủ sức phục vụ khi họ chỉ có thể làm hỏng các công trình, làm chết các bệnh nhân, làm hại những học trò của họ. Nhưng mới thực hiện ý định được vài lần họ đã bị trấn áp ngay vì việc công bố điểm này và chủ trương đánh giá khách quan kết quả học tập của HS & SV được coi là một “*mũi dao găm đâm sau lưng giai cấp công nông*”.

Đó mới chỉ là một bước đầu của quá trình xuống cấp nhanh chóng của công tác giáo dục và đào tạo. Những bước tiếp theo không kém phần ngoạn mục, đặc biệt là trong các ngành khoa học xã hội, nhất là văn học và ngôn ngữ, được coi như những ngành hoàn toàn không cần đến “chuyên”, chỉ cần “đỗ”, cần lập trường “tư tưởng”, mà người đã có tư tưởng tốt thì dù không học giờ nào cũng có thể làm được.

Nhưng đề tài chính của bài này chỉ có liên quan gián tiếp đến công việc giáo dục ở nhà trường. Một nền giáo dục kém cỏi sẽ không tác hại bao nhiêu đến lòng hiếu học nếu người có học và học sinh giỏi được xã hội quý trọng hay ít nhất cũng có được một tương lai sáng sủa khi tốt nghiệp. Đành rằng cái tương lai chắc chắn nhất của người tốt nghiệp đại học là... thất nghiệp (trừ phi có những mối quan hệ xã hội đặc biệt). May ra chỉ có sinh viên khoa Anh là không phải lo đến cái triển vọng này, vì có thể xin việc khá dễ ở các hãng nước ngoài.

Ngay như so với cái thời mà chính sách ngu dân của thực dân Pháp còn ngự trị, tương lai của người đi học còn sáng sủa hơn nhiều: dù chỉ có mảnh bằng “đíp-lôm”, người tốt nghiệp trung học sơ cấp cũng đã có một địa vị vững vàng trong xã hội và một đồng lương đủ nuôi vợ con và báo hiếu cha mẹ. Trong khi đó, một “cử nhân” ngày nay chưa chắc đã kiếm nổi việc làm nếu không chuyển sang một nghề khác hẳn với cái nghề đã học, như nghề gia sư, nghề xích lô, nghề người mẫu hay nghề vũ nữ.

Trong một thiên truyện ngắn có tính chất hồi ký, một giáo viên cấp III thuật lại lời một học sinh cãi ông khi ông hơi nặng lời quở trách anh ta không nghiêm túc trong học tập:

– Thưa thầy, em có học thật nghiêm túc chẳng nữa cũng chỉ giỏi bằng thầy là cùng. Thế nhưng thầy cứ thử nhìn lại cái

(*) Xem một phóng sự về Đôm 5 trong Diễn Đàn số 5, tháng 1.1992

thần thầy mà xem : lương thầy có đủ sắm một chiếc xe đạp để thay cho chiếc xe tàng thầy vẫn đi không ?

Khi đã đủ khôn lớn để hiểu ít nhiều về cuộc đời, người học sinh nào cũng rút ra được một bài học quan trọng : nếu mình học giỏi, chỉ có thầy cô và bạn bè khen mà thôi, chứ bên ngoài cái thế giới hạn hẹp của nhà trường, không có một ai coi mình ra gì hết, và với đồng lương mỗi năm mà mình được lĩnh sau khi tốt nghiệp, còn khuya mới tự thết cho mình được một bữa nhậu hàng ngày của một ông giám đốc doanh nghiệp chỉ học đến hết cấp một. Không có nổi một chiếc Honda để đưa đón bạn gái, thì còn nói gì đến máy tính với sách vở chuyên môn ?

Có thể đó là cách suy nghĩ của những thanh niên tâm thường, không có mấy lý tưởng. Chỉ tiếc là cái loại người “ tâm thường ” ấy trong xã hội nào cũng chiếm đa số, và không ai thoát được ra ngoài sức tác động của các phương tiện truyền thông đại chúng đang lớn tiếng quảng cáo cho một lối sống “ sành điệu ”, tức cho thói đua đòi theo những người đã nhờ buôn bán hay tham ô mà có đủ tiền để gia nhập cái lớp người tiêu thụ “ sành điệu ” được gọi là “ thượng đế ” trong cơ chế kinh tế thị trường, mà dù có gia nhập được chẳng nữa, thì họ cũng không tài nào bì kịp các “ thượng đế ” cao cấp xài mỗi ngày vài triệu như họ vẫn chứng kiến trong đám bạn bè cũ đã thôi học để chuyển sang nghề kinh doanh.

Tuy thế, cái truyền thống hiếu học xưa kia ngày nay vẫn còn. Nó còn sống sót trong một số người thuộc những gia đình có nền nếp : đó là những gia đình đã có vài đời làm nhà giáo, làm thầy thuốc, làm kỹ sư hay là nghệ sĩ, nghĩa là làm nghề lao động trí óc, mà vẫn còn tin ở giá trị của học vấn mặc dầu những sự thật được chứng kiến hàng ngày hoàn toàn phủ định nó. Nó cũng được tiếp tục trong một số người không có truyền thống gia đình trí thức nhưng nhờ sự giáo dục của nhà trường, của sách vở và nhờ ảnh hưởng của những người thầy ưu tú đối với những người học trò ưu tú nhất của họ. Tuy nhiên, nó đang chịu đựng sức xói mòn rất mạnh của cuộc sống thực tế, khiến cho nó mai một đi một cách chắc chắn và nhanh chóng, đến mức nếu bây giờ ai còn nói đến tính hiếu học của người Việt đều không khỏi cảm thấy ngượng nghịu ít nhiều : không biết có thật là “ người Việt có truyền thống hiếu học ” không, và nếu có, thì bây giờ nó có còn tồn tại nữa hay không ?

Vốn là người đã làm việc hơn năm mươi năm trong đội ngũ giáo viên trung học và đại học, và hiện đang tiếp tục giảng dạy ở nhiều trường đại học mặc dầu đã về hưu, tôi xin trình bày một số nhỏ trong hàng ngàn biểu hiện không thể chối cãi của sự mai một này, đặc biệt là trong ngành Việt ngữ học mà tôi là một trong những người đã tham gia lâu năm nhất (từ năm 1956 là năm đầu tiên có giảng ngữ âm và ngữ pháp tiếng Việt trong trường đại học).

Trước hết, xin nói đến các giáo sư đại học, trong đó có nhiều người tham gia với tính cách người biên soạn, chủ biên hay cố vấn về cơ sở lý thuyết, vào việc soạn sách giáo khoa các cấp, nhất là sách giáo khoa tiếng Việt cấp trung học. Những người này chính là tấm gương cho các sinh viên khoa ngữ văn (về sau sẽ là tác giả sách giáo khoa trung học, giáo viên áp III hay giảng viên đại học). Những năm đầu, phần lớn các giáo sư này (vốn chưa qua một năm đại học ngôn ngữ học nào hết) còn chịu khó đọc vài chục trang sách dẫn luận ngôn

ngữ học bằng tiếng Pháp hay tiếng Anh, hoặc nhờ bạn bè dịch cho, rồi những năm sau, khi đã có giáo án hay đã soạn sách giáo khoa, thì tuyệt nhiên không đọc thêm gì nữa, và nhất là sau khi đã có học hàm học vị, lại càng không thấy cần đọc thêm gì nữa, trừ khi nghe đồn những lý thuyết mới, tưởng là có thể quên tất cả các tri thức cũ, chỉ lo nhờ hay thuê ai dịch cho vài chục câu “ tử ” trong những cuốn sách tình cờ kiếm được, và bắt đầu viết hàng pho sách dày pha loãng mấy chục câu ấy ra thành chương thành hồi, cố viết thật nhiều trang để tăng thêm nhuận bút.

Trong khi đó, hầu hết đều quên hoàn toàn những tri thức ABC mà sinh viên năm thứ nhất phải học từ những giờ đầu. Tôi có tham gia một nhóm chuyên đọc sách giáo khoa và sách nghiên cứu ngôn ngữ học với nhiệm vụ nhặt ra những lỗi của tác giả (hầu hết là giáo sư ngôn ngữ học) mà lẽ ra sinh viên năm thứ nhất đã học ngôn ngữ học dẫn luận trong ba tháng đầu năm không thể mắc phải (xem mục “ Viết nhịu ” trong *Ngôn ngữ và Đời sống*, tạp chí của Hội ngôn ngữ học Việt Nam, trong đó đã đăng 10 kỳ gồm khoảng vài trăm lỗi về tri thức cơ bản). Trong các sách giáo khoa đại học chúng tôi đã tìm thấy hơn 2 000 câu chứa đựng những lỗi như thế, và đối với khoảng 72 % sách đại học có thể kết luận một cách hoàn toàn có căn cứ rằng có những tác giả chưa bao giờ học ngôn ngữ học hết hoặc đã quên hoàn toàn những tri thức đã học từ năm thứ nhất. Đó là chưa kể những sách giáo khoa *Nhập môn ngôn ngữ học* ngang nhiên phủ nhận tất cả những thành tựu ngôn ngữ học của toàn nhân loại bằng những nhận định “ thiên tài ” kiểu như “ *Xita nay người ta cứ tưởng hai với hai là bốn, trong khi tôi đây đã phát hiện ra rằng hai với hai là 7* ” mà không thấy cần chứng minh lấy một câu nào, và lặp đi lặp lại hàng trăm lần trong một cuốn sách lẽ ra phải giới thiệu cho sinh viên những tri thức cơ bản được toàn thế giới và cả giới ngôn ngữ học Việt Nam công nhận.

Những lỗi khó tưởng tượng như thế, bất kỳ ai đọc qua cũng thấy ngay, nhưng chưa từng có ai nêu lên, vì hình như nhiều người quan niệm rằng nêu lên như thế thì sẽ gây tranh luận làm mất đoàn kết trong nội bộ ngành ngôn ngữ học.

Tôi đã có dịp nói điều này nhiều lần với các giáo sư dạy ngành khác. Phản ứng của họ làm tôi rất ngạc nhiên : té ra tất cả các ngành khoa học xã hội và nhân văn đều như vậy cả, và ai cũng tưởng chỉ riêng ngành mình biết mới tởm như thế mà thôi. Về cuốn sách dẫn luận nói trên tôi đã lấy tư cách Chủ tịch Hội đồng Khoa học Viện KHXH tại TP. Hồ Chí Minh gửi cho ông giám đốc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn (“ đồng kính gửi ” ông Bộ trưởng Bộ Giáo dục) một bức thư dài kèm theo hơn 200 trang tư liệu, yêu cầu hai cơ quan này cho thanh tra ngay để kết luận về tác hại khổng lồ của cuốn sách và có biện pháp thu hồi nó lại. Thư và tài liệu gửi bảo đảm cho hai vị hữu trách trên từ năm 1997 mà nay vẫn chưa có hồi âm, kể cả công văn báo đã nhận thư cũng không có. Vậy thử hỏi còn có ai quan tâm đến giáo dục và khoa học nữa không ? Và nói chung, những người được giao trách nhiệm và quyền lực để trông nom văn hoá và giáo dục công dân có làm việc ấy không, hay chỉ lo nghĩ đến cái ghế của mình ? ⁽¹⁾

Một trong những bạn đồng nghiệp của tôi là ông Nguyễn Đức Dương, một trong những cán bộ ưu tú của Viện ngôn ngữ



học Việt Nam, có viết bài phản đối việc cuốn sách này được xuất bản dưới danh nghĩa Bộ Giáo dục, và sau khi tác giả phản công bằng những luận cứ cho thấy mình còn tệ hơn nhiều về tri thức ngôn ngữ học so với những điều sai trái trong cuốn sách đây những chuyện bậy bạ của ông, tôi có viết một bài ngắn bênh vực ông Dương bằng những lý lẽ mà bất cứ ai đã từng đọc qua một cuốn sách nhập môn ngôn ngữ học cũng phải thấy rõ như ban ngày. Lập tức tôi nhận được một loạt thư tỏ ý “ không ngờ ” một người như tôi lại “ vô đạo đức ” đến thế. Trong mấy bức thư ấy không có một lời nào nói rõ tôi đúng hay sai, và tác giả cuốn sách đúng hay sai. Có người còn viết rõ : “ *Khoa học thì mỗi người một ý, đã chắc gì ai đúng ai sai ? Chỉ có chính trị mới có đúng có sai, mới phải thu hồi hay cấm phát hành. Trong khoa học mà phê phán nhau là “ sai ” hay “ phản khoa học ” là một hành động thất đức* ”. Hoá ra khoa học là như thế. Ai muốn nói gì cũng được : dù nói 2+2 là 5 000 hay 30 cũng đều được. Chỉ có trong chính trị mới có thể lên án người này là phản động hay hữu khuynh, người kia là tả khuynh (đây là cái tội nhẹ nhất mà người đi theo cách mạng có thể phạm) và dùng biện pháp chính quyền để trấn áp hay ban thưởng.

Đây là một quan niệm hiện nay khá phổ biến : trong khoa học không có đúng sai. Ai muốn dạy ra sao thì dạy, ai thích dạy môn gì thì dạy, bất luận đã từng học qua môn ấy hay chưa, miễn là có đủ bằng cấp. Ai đã có những điều kiện và chứng chỉ hợp thức thì thi tiến sĩ hay phó tiến sĩ môn gì cũng đỗ, miễn là làm đủ thủ tục và được các “ hội đồng ” của trường và của Bộ công nhận.

Có lần tôi, với tư cách người phản biện, cho một nghiên cứu sinh đi thi tiến sĩ 1 điểm trên 10 sau khi chứng minh một cách tỉ mỉ rằng anh ta hoàn toàn không hiểu tiếng Việt và thua xa một học sinh tiểu học. Chủ tịch hội đồng (là một trong ba vị giám khảo do Bộ cử vào để cứu anh nghiên cứu sinh nọ khi tôi phản đối việc cho anh ta chính thức bảo vệ luận văn ở cấp nhà nước) kết luận rằng tôi hoàn toàn đúng trong từng chi tiết một. Nhưng vì biết tôi cho điểm thấp và muốn cứu anh thí sinh “ dỏm ” đó bằng bất cứ giá nào, hội đồng liền cho anh ta toàn điểm 8 và 9 cho nên rốt cục anh ta cũng đủ điểm để đỗ tiến sĩ, để tiếp tục dạy cho những sinh viên giỏi hơn mình rất nhiều. Cho đến nay tôi vẫn không hiểu tại sao người ta lại phải cứu cho bằng được cái anh nghiên cứu sinh “ dỏm ” ấy mà không hề nghĩ đến việc cứu hàng chục thế hệ sinh viên vô tội sẽ phải nuốt những ý kiến sai lạc của anh ta.

Sau buổi “ bảo vệ luận văn ” kỳ quặc ấy, nhiều người chê cười tôi là bất công mà không biết là mình bất công, vì nếu làm như tôi thì phải sỏ toẹt hàng trăm bằng tiến sĩ, vì anh này còn viết được ba trăm trang chuyện tầm bậy, chứ hàng trăm anh khác không hề viết lấy một chữ, chỉ bỏ ra vài chục triệu thuê viết (do toàn thể hội đồng chấm thi bảo đảm), chỉ cần đọc bản tóm tắt, không cần xem lại toàn văn. Người ta còn nói thêm rằng ngay bằng tiến sĩ y khoa hay xây dựng mà cũng còn làm thế được, chứ ngôn ngữ học, văn học, sử học, hay ngay cả toán học nữa thì tiến sĩ có làm chết ai đâu mà sợ ! Cái đáng sợ hơn cả là ngày nay những chuyện quái gở như thế đã được mọi người coi là bình thường, còn những người chống lại những hiện tượng tiêu cực tương tự lại bị coi là “ hâm ”, là gàn dở.

Chẳng lẽ cơ sự bi đát đến thế ư ? tôi không tin rằng Bộ Giáo dục có thể chủ trương đào tạo ra những tiến sĩ “ dỏm ” để rồi các tiến sĩ này lại đào tạo ra hàng chục thế hệ “ cử nhân dỏm ”. Để làm gì mới được kia chứ ? Để có một con số tiến sĩ và cử nhân hơn hẳn các nước khác (nhất là các nước cùng khu vực) có thể chứng tỏ tính ưu việt của chế độ ta chăng ? Nhưng ngày nay ta đã mở cửa, giao lưu giữa các nước ngày càng rộng rãi. Uy tín của nước ta sẽ ra sao nếu những người có bằng tiến sĩ, cử nhân chỉ cần tiếp xúc với người nước ngoài trong năm phút đã lộ rõ ngay là không biết những điều sơ đẳng nhất trong nghề ? Ai thêm hợp tác với mình nữa ? Tiếc thay, hầu hết các giáo sư chân chính mà tôi hỏi đều mỉm một nụ cười rầu rĩ mà nói rằng tình hình còn bi đát hơn rất nhiều.

Có thể tôi chưa biết hết sự thật. Nhưng tôi thấy cái đáng sợ nhất không phải là có bao nhiêu trường hợp gian trá trong thi cử ở cấp đại học, những trường hợp ấy chiếm bao nhiêu phần trăm, mà là ở chỗ mọi người đều coi đó là chuyện bình thường, thậm chí dĩ nhiên, ai mà chẳng biết, chỉ có những người xa thực tế và gàn dở như tôi mới đi quan trọng hoá những chuyện ấy mà thôi. “ *Đời là thế cả mà !* ”. Thấy tôi gàn cổ lên cãi, mọi người nhìn tôi với một nụ cười thương hại (“ *chả nhẽ tay này ngu thật, hay hẳn giả vờ ngu ?* ”).

Nếu quả tôi không biết hết sự thật, thì giờ đây tôi có thể hiểu được những nguyên do khiến các sinh viên nghe tôi giảng đều ngạc nhiên và ngơ ngác. Mời một vài sinh viên học hành nghiêm túc về nhà hỏi chuyện, tôi được nghe hàng trăm chuyện khó tin, đại loại như :

– Chỉ có thầy và vài ba thầy nữa dạy đủ số giờ, còn thì đều bắt đầu muộn chừng hai mươi phút, giữa giờ gọi chúng em đi uống nước mất vài mươi phút và thường cho về sớm nửa giờ. Nhưng đáng buồn nhất là đa số sinh viên đều mong học với những thầy như thế.

– Phần lớn các thầy cô đều lấy sách ra đọc chính tả cho các em chép suốt cả buổi. Em không hiểu tại sao thầy cô không cho chúng em mượn sách về photocopy cho thầy cô đỡ tốn công đọc và chúng em đỡ tốn công chép.

– Vị giáo sư chuyên giảng môn “ phương pháp dạy đại học ” chỉ mới tốt nghiệp trung học bỏ tức, chưa bao giờ học đại học, cho nên nói toàn chuyện vớ vẩn (như “ *ở Mỹ giáo sư đại học chỉ bằng giáo viên cấp hai của ta* ” ; đến khi em đứng dạy hỏi tại sao nhiều giáo sư Mỹ được giải Nobel thế, thì thấy ấy máng em là “ mất lập trường ” vì tin một giải thưởng chống cộng, và dọa đưa em ra Hội đồng kỷ luật).

– Trong giờ học thầy X. toàn kể những mối tình thơ mộng của thầy hồi du học bên Nga, cho nên trong giờ của thầy chúng em học được rất nhiều kinh nghiệm về luyến ái quan, nhưng lại không học được bao lăm về khoa học.

Những chuyện tiểu lâm như thế không sao kể cho hết, và đều cho thấy một điều quan trọng : đại học là một nơi mà người ta tự cho phép muốn làm gì thì làm, cho nên càng làm cho sinh viên mất nốt lòng tin ở sự cần thiết của lao động học tập. Chút ít lòng hiếu học còn sót lại trong người đi học có nguy cơ bị diệt tận gốc.

Hình như ngày nay chế độ thi cử đã khác, không còn có sự phân biệt thành phần giai cấp như hồi trước (thời những năm

60 - 80 nữa). Đó là một dự tiến bộ rất đáng mừng. Nhưng hậu quả của thời ấy chưa hẳn đã mất, vì những sản phẩm của thời ấy – những người thầy, những nhà khoa học có học hàm học vị nhưng không có tri thức, những người lãnh đạo các cơ quan chuyên môn không biết chuyên môn – vẫn còn giữ những vị trí then chốt trong từng ngành.

Dù là ở các nhà trường hay ở các cơ quan, những hậu quả nói trên vẫn còn tác động đến xã hội ta. Để có một minh họa tiêu biểu, ta hãy lấy những điều mắt thấy tai nghe trên các phương tiện truyền thông đại chúng, vốn là những cơ quan có ảnh hưởng thường xuyên nhất đến và rộng rãi nhất đối với dân trí, và có thể cho thấy rõ cái truyền thống hiếu học trứ danh của dân ta ngày nay ra sao.

Đài vô tuyến truyền hình có thể coi là nơi tập trung nhiều nhân tài nhất, gồm có đủ các ngành văn hoá, khoa học và nghệ thuật, đủ các ngoại ngữ thông dụng trên thế giới. Thế nhưng hàng ngày ta được nghe những lỗi tày trời về đủ các ngành văn hoá, những lỗi về cách dịch và cách phát âm từ đủ các thứ ngoại ngữ, trong đó có những lỗi mà chỉ cần chút ý thức học hỏi là có thể tránh được một cách dễ dàng – chỉ cần hỏi người bên cạnh là biết ngay, chứ chẳng cần đến một trình độ văn hoá phổ thông nào hết. Nhưng người phát thanh viên (hay người biên tập) không thèm hỏi, chính vì tưởng mình cái gì cũng biết rồi, không cần học hỏi gì ai khác nữa, nếu không phải là hoàn toàn vô trách nhiệm đối với công việc chuyên môn của mình. Và lại những lỗi này không bao giờ làm cho người phát thanh viên hay biên tập viên bị quở trách hay chê bai, và càng không có ai bị đuổi việc hay cách chức.

Cứ lấy một vài trường hợp như cái tên Allah của đạo Hồi chẳng hạn, hay tên Jehovah (hay Javeh) của người Do Thái, vốn có nghĩa là “ Thượng đế ”, là “ Trời ”, nhưng từ bốn mươi năm nay đều dịch thành “ thánh A-La ” hay “ thánh Giê-hô-va ”. Ở nước ta có hàng trăm ngàn người theo Hồi giáo (nhất là ở dân tộc Chăm), sao không chịu hỏi ? Ở ta cũng có hàng chục triệu người công giáo, chỉ cần hỏi là biết ngay, nhưng từ mấy chục năm nay, trong tin tức cũng như trong phim ảnh, người ta đều nói “ *Nhân danh Cha và Con và Các thánh thần, A-men* ”, không thèm hỏi một người công giáo bất kỳ để biết rằng đó là ba ngôi, ba vị, trong đó vị thứ ba là Thánh Thần, hay chính xác hơn nữa là Thánh Linh (Sanctus Spiritus) cùng làm thành một tổng thể là Thượng đế.

Hay như tên gọi nước Mỹ (United States of America) cứ bị dịch thành “ Hợp chủng quốc ” mặc dầu đã có nhiều người lên tiếng mách bảo mấy lần.

Tên gọi các nhân vật (chính khách, vận động viên, tác giả) người Trung quốc, khi thì phát âm theo cách đọc Hán Việt, khi thì phát âm theo cách phiên âm La-tinh hoá, nhưng phát thanh viên lại không hề hỏi xem chữ phiên âm của Trung quốc phải đọc như thế nào, cứ đọc bừa theo tiếng Anh hay tiếng Pháp, nghe hết sức kỳ cục. Có lẽ buồn cười nhất là cách đọc tên nữ cầu thủ quần vợt Nhật Date, được phát thanh viên đọc là *day-tờ* theo tiếng Anh, trong khi lẽ ra phải đọc là *da-tê* theo cách đọc chữ Romaji của người Nhật.

Nhưng tiêu biểu nhất cho “ tinh thần hiếu học ” có lẽ là cách đọc chữ “ ã ” của tiếng Tây Ban Nha (như trong *el niño*, và *la niña*) mà người ta cương quyết đọc là [n] như thể không

hề trông thấy cái dấu “ ã ” viết trên chữ cái n. Tôi nói “ tiêu biểu ” là vì nếu cái tinh thần hiếu học của dân ta còn tồn tại, thì một khi đã biết rằng n đọc là ã, thì ã tất nhiên phải đọc cách khác, chứ người Tây Ban Nha chẳng phải là một thứ người ngu xuẩn đến nỗi phải thêm một cái dấu “ ã ” trên chữ n nếu ã cũng chỉ đọc là n mà thôi. Người trông thấy chữ ã ắt phải biết rằng đó là một chữ mà mình chưa học, và phải đi hỏi người khác mới biết được – nếu đương sự là một người còn có chút ít tính hiếu học. Đàng này tuyệt nhiên không có ai thèm hỏi : mọi người đều cứ thế mà đọc “ *en nino* ” và “ *la niña* ”. Dĩ nhiên, những lỗi như thế không có gì là quan trọng, nhưng nó rất tiêu biểu cho tinh thần hiếu học của người đương sự : những điều đơn giản như thế mà còn không buồn hỏi, huống hồ là những chuyện khó hơn ?

Chỉ riêng một hiện tượng ấy thôi, thiết tưởng cũng đủ cho thấy rằng cái “ tinh thần hiếu học ” cổ truyền đã hoàn toàn biến mất trong những con người được xã hội đã giao cho một nhiệm vụ quan trọng là truyền bá văn hoá trong đại chúng.

Đặc biệt là những lỗi về tiếng Việt, những cách dùng từ sai, những câu bất thành cú (thường là do cách dịch sát từng chữ do tính cầu thả của những người dịch tin nước ngoài truyền bá), đã được nêu lên không biết bao nhiêu lần từ hơn nửa thế kỷ nay mà các biên tập viên cũng cứ lặp lại hàng mấy chục lần trong một buổi truyền hình hay phát thanh, và cứ mỗi năm lại được bổ sung thêm hàng chục kiểu lỗi mới phát minh. Những người lớn có văn hoá chỉ khinh bỉ nhún vai, nhưng thế hệ trẻ, nhất là học sinh tiểu học hay trung học cơ sở, thì lại tưởng đâu đó là một kiểu nói “ hiện đại ” hơn, vội vàng bắt chước, hoặc tuy không cố bắt chước nhưng nghe nhiều lần đâm quen, không thấy chướng tai nữa, và cứ thế thói nói ẩu, viết ẩu dần dần phổ biến, và rốt cục tiếng Việt trở thành một thứ tiếng tạp nham không còn có quy tắc ngữ pháp gì nữa. Nhiều nhà ngữ học đã tiên đoán rằng chỉ mười năm nữa, nhờ ảnh hưởng của những câu văn dịch Tây đặc giống cách nói của những ông tây mới học tiếng Việt được ba tuần được nghe hàng ngày trên đài truyền hình, tiếng Việt sẽ chết hẳn như những thứ tiếng đang chết hàng mấy chục mỗi năm trên hành tinh chúng ta.

Để kết luận cho bài tham luận đã khá dài này, tôi chỉ xin bày tỏ một niềm tin rằng chừng nào tính hiếu học hãy còn thoi thóp trong một số người Việt bất chấp sự khinh miệt của xã hội, ta còn có thể hy vọng rằng sẽ có lúc nó được hồi sinh, vì đó là một trong những đức tính cao quý nhất của con người. Nhưng chỉ với điều kiện là chúng ta phải ra sức duy trì nó bằng tất cả tấm lòng, bất chấp xã hội, bất chấp thời cuộc, bất chấp cơ chế thị trường và những thói rởm đời đi đôi với nó, vì coi khinh học thức chính là dấu hiệu chắc chắn nhất của sự suy vong của dân tộc.

Cao Xuân Hạo

*Tham luận trong cuộc tọa đàm
do Trung tâm Nghiên cứu Tâm lý Dân tộc
tổ chức tại Hà Nội ngày 20 tháng 12 năm 2000*

(1) Khi nghe tôi kể lại chuyện này, các bạn tôi đều nói như nhau : các ông lớn đã gửi con cái đi học ở Mỹ cả rồi, thì việc gì họ lại phải quan tâm đến các trường trong nước, đến hệ thống giáo dục “ giả vờ ” mà đối tượng toàn là con em của dân đen ?

TOÁN HỌC, PHÁT TRIỂN VÀ XÃ HỘI CÔNG DÂN

Mohamed Jaoua

DD : Để góp vào Hồ sơ “ Kinh tế tri thức ”, kỳ này chúng tôi xin đăng lại bài nói chuyện của ông Mohamed Jaoua, giáo sư trường kỹ sư quốc gia Tunis, chủ tịch Trung tâm Quốc tế về Toán học thuần túy và ứng dụng (CIMPA - Centre International de Mathématiques Pures et Appliquées), tại hội thảo “ Khoa học và nhân quyền ” do UNESCO tổ chức tại Paris, tháng 5 năm 2001.

Với các nước đang phát triển, hoạt động toán học có là thiết yếu, có nên đặt nó ở vị trí ưu tiên nhất ? Nếu xem các cương lĩnh của những người “ có kiến thức ”, và càng có kiến thức hơn khi họ nắm trong tay các phương tiện quảng bá quan điểm của mình, thì câu trả lời là hiển nhiên : Không có chỗ cho toán học. Theo họ, những ai nghiên cứu toán trong các nước này đáng nhẽ phải được lèo lái vào các “ khoa học có ích ” như nông nghiệp, y tế, hay thủy văn. Toán học, nếu có, nên quy về những công cụ cơ bản, và như thế không cần gì đến các nhà nghiên cứu toán – và thế là họ đã đi trước cả quan điểm của một ngài nguyên bộ trưởng giáo dục Pháp.

Hãy thử thay thế chữ “ toán học ” bằng chữ “ dân chủ ”, chúng ta thấy lại ngay cuộc tranh luận đã làm xáo động cả thế giới trong giai đoạn các nước mới giành được độc lập, và các quốc gia ấy cần xây dựng thể chế cho mình. Ngày nay không ai phủ nhận tính cách toàn thể của công cuộc phát triển, và nhu cầu khẩn thiết về dân chủ và nhân quyền ngày càng tăng theo mức sản phẩm quốc nội (PIB). Vậy mà hình như vấn đề đã được lịch sử phán quyết đó không ngăn cản người ta lại đặt ra, bằng những ngôn từ mới. Thế nhưng – may mắn thay – người ta có thể nhận thấy là câu hỏi không đặt ra khi nói về âm nhạc, văn học, hay nói chung, với những gì được coi là thành tố văn hoá của một dân tộc. Vậy là, đau đớn thay, nhận định này vô hình trung cho thấy toán học được coi như nằm ngoài phạm vi của văn hoá. Toán học phải chăng là không cần thiết bằng triết học hay văn học chẳng hạn, trong công cuộc xây dựng trí tuệ con người.

Ở thế kỷ 15, Ibn Khaldoun trong tác phẩm Muquaddima đã viết rất vững chắc : “ Chính là nên bắt đầu việc học qua nghệ thuật tính toán... Nói chung điều đó tạo ra những bộ óc hoàn thiện, biết lý luận đúng. Người ta còn cho rằng nên tin tưởng vào những người đã học toán từ nhỏ, vì người đó đã hấp thụ những cơ sở bền chắc của tinh thần phản kháng, biến nó thành như bản chất tự nhiên... ”. Nói cho cùng, phải chăng câu ấy mô tả được hành xử của người công dân, trong tất cả ý nghĩa hiện đại ? Hành xử đó chỉ có thể xuất phát từ một tinh thần tự do, biết phân định và suy luận, của những con người mà tinh thần phê phán được đào tạo và củng cố, tức là có khả năng có những phán đoán của riêng mình. Quá nhiều khi toán học tự giam mình vào trong một tháp ngà không có gì sáng

giá, và đúng là các nhà toán học đôi lúc cũng có trách nhiệm không nhỏ trong tình trạng này, định đề hoá một cách quá lớn và bỏ rơi ngoài con đường đó tất cả những ai không làm nghề toán. Tuy nhiên, hiện tượng ấy không thể xoá nhoà tính hữu ích xã hội của toán học, hữu ích cho mọi người, và trước hết là cho người không làm toán, hay không làm khoa học.

Một đặc điểm ai cũng biết của các nước đang phát triển là sự phình to quá khổ của xã hội chính trị, so với xã hội công dân. Muốn thành công trong xã hội nhất thiết phải xuyên qua bộ phận trên, vì nó không bỏ qua một hành vi tự khẳng định nào của con người. Hoạt động sản xuất ra sự giàu có, nhất là các sản phẩm tinh thần, bị đẩy xuống hàng thứ yếu. Chính vì thế mà xã hội công dân, mới xuất hiện, được coi như có thể đem lại cơ may mới cho phát triển, không thể giới hạn hoạt động của mình trong phạm vi chính trị – dù hiểu từ ngữ này trong nghĩa rộng thế nào chăng nữa – nếu không muốn bị rơi vào cái vòng luẩn quẩn thay diễn viên mà không thay kịch bản. Ngược lại, cứu cánh chủ yếu, và trong một chừng mực nào cũng là biểu hiện có ý nghĩa nhất của phát triển, chính là sự xuất hiện bên cạnh xã hội chính trị những thực thể chính đáng khác, trong những không gian mà thực ra xã hội chính trị đã chiếm chỗ chỉ vì không có ai ở đó. Sự xuất hiện này được thông qua việc các tác nhân xã hội chiếm hữu những lĩnh vực có liên quan đến mình. Chỉ khi được xã hội xác tín thì những tác nhân này mới có đủ uy tín đạo lý và tinh thần để hành xử trong những lĩnh vực tự trị của họ ; nhưng thường là những xã hội này không có điều kiện để thiết lập điều xác tín đó. Thực vậy, người làm khoa học trong thế giới thứ ba bị kẹp trong một cái bẫy mà một bên là vai trò phi-công-dân của người chuyên gia có thẩm quyền nhưng thâm lặng, vai trò mà người cầm quyền mơ ước, nhưng thực ra không biểu hiện một thực tế nào đứng vững lâu dài ; và một bên, vai trò đối xứng - và cũng không kém huyền thoại - của một số tổ chức quốc tế gán cho họ, vai trò của người công dân lý tưởng bị tước cái quyền làm chuyên gia. Thật thế, cả hai vai trò này đều thoát thai từ cùng một logic, phản ứng trước mâu thuẫn chủ yếu của tình trạng kém phát triển, không phải theo hướng vượt qua nó, mà theo hướng thuì chốt đi để luẩn hời vô tận giữa hai bộ mặt ấy.

Hoạt động khoa học, chính vì chủ yếu dựa trên sự xác tín của quốc tế, tự nhiên là có khả năng phát triển những lĩnh vực tự trị mà nếu không có chúng thì cũng không có xã hội công dân. Xây dựng trên một nền tảng những quy phạm và giá trị được chấp nhận phổ cập, hoạt động khoa học mang theo trong bản thân nó mầm mống thiết yếu của dân chủ, đó là việc nhà khoa học thường trực cần thiết phải chinh phục uy tín và sự chính đáng của mình trong cộng đồng khoa học. Hãy cứ để cho những hoạt động ấy thực sự bén rễ, và chúng ta sẽ thấy những giá trị mà chúng chuyên chở dần dần thoát ra khỏi không gian giấy mực của các lời tuyên bố ít hay nhiều phổ cập, để trở nên một thực tế cụ thể trong các xã hội đang biến chuyển – dù cho bước đầu hiện tượng đó có nằm ngoài lề xã hội cũng không sao cả.

Xin nói như vậy để bắt qua chuyện khác, toán học không chỉ làm cái việc trui rèn những tinh thần tự do và những nhóm người tự do, cho dù chỉ như thế cũng đáng rồi. Toán học tham gia một cách thiết yếu vào việc đào tạo các kỹ sư và kỹ thuật gia, vẫn rất thiếu trong các nước đang phát triển. Nó cũng thiết lập những công cụ, ngày càng nhiều và càng hiệu

(xem tiếp trang 23)

VỀ hai chữ SINH THÌ

Nguyễn Tài Cẩn

1 Năm nay đúng là 350 năm đã trôi qua, kể từ ngày cuốn Từ điển Việt Bồ La của Alexandre de Rhodes được công bố (1651-2001). Đây là một kho tư liệu rất quý, xét về nhiều mặt, nhất là về mặt lịch sử tiếng Việt và lịch sử chữ Quốc ngữ. Nhiều nhà nghiên cứu đã viện dẫn đến nó ; nhưng tiếc thay, mãi đến nay nó vẫn chưa được khảo sát một cách thật toàn diện, thật tỉ mỉ, và hiện nó vẫn đang lưu lại khá nhiều điểm nghi vấn, cần tìm hiểu. Sau đây là ví dụ về một điểm cần tìm hiểu như vậy.

2 Như mọi người đều biết, trong tiếng Việt, hai chữ *sinh thì* thường được dùng để chỉ ý nghĩa là “ lúc sống ” (theo *Việt nam tự điển*, Khai trí tiến đức, viết tắt là KTTĐ) hay – nếu muốn chính xác hơn – là “ thời còn sống của người nào đó đã qua đời ”, ví dụ “ *Sinh thời Cụ không hề làm việc gì hại ai* ” (theo *Từ điển tiếng Việt*, Hoàng Phê chủ biên, viết tắt là HP). Thế nhưng, trong một số từ điển người bên Công giáo biên soạn trước đây, ta lại gặp *sinh thì* với một sự định nghĩa hoàn toàn ngược lại :

- Ở từ điển Huỳnh Tịnh Của và Génibrel cuối thế kỉ 19, *sinh thì* đều được giải thích là “ *chết* ” (mourir) ;

- Ở từ điển Việt Latinh của Pigneau de Béhaine cuối thế kỉ 18, *sinh thì* được giải thích là “ qua đời ”.

Và với ý nghĩa đó, *sinh thì* đã được dùng ở khá nhiều văn bản Công giáo, ví dụ :

a) Ở *Thánh giáo yếu lý quốc ngữ* của Mgr d’ Adran (1782) ta có đoạn “ ...còn mắc tội trọng mà *sinh thì* ” ;

b) Ở tập hồ sơ V-1100 hiện còn bảo quản ở kho lưu trữ của Missions étrangères de Paris, 128 Rue du Bac, Paris, chúng ta lại thấy nói đến những bản kinh như : *Kinh cầu (cầu) bảo đàng (đường) cho kẻ rình sinh thì, Kinh nguyện khi đã sinh thì rồi*.

c) Ở thư từ của giáo dân, *sinh thì* cũng thường gặp, như trong bức thư của Văn Tín gặp 2 lần ; trong bức thư của Bento Thiện gặp 5 lần, ví dụ : “...mời *Thầy rửa tội cho*,... *đoạn liền sinh thì* ” (Văn Tín), “ Ông Minh, ông Trà Kẻ Vó cũng đã *sinh thì* ” (Bento Thiện), “ Từ Kẻ Chợ đến nơi *Thầy sinh thì* đi 8 ngày mới đến nơi ” (Bento Thiện) [dẫn theo *Lịch sử chữ Quốc ngữ* của Đỗ Quang Chính].

d) Trong *Phép giảng tám ngày*, A. de Rhodes cũng hay dùng *sinh thì*, ví dụ ở trang 96 : “ ...*năm ấy có lụt cả thì ông Mathusala mới sinh thì* ”. Và ở *Từ điển Việt Bồ La*, A. de Rhodes đã giải thích như sau :

sinh = lên (*ascendo, is*)

sinh thì = giờ lên (*ascensus hora*)

đã sinh thì = đã chết (* *iam mortuus est*)

A. de Rhodes còn chú thích thêm rằng : “ *Chúng tôi mượn cách nói đó của người bên Lương để chỉ ý nghĩa sự chết của người Kitô hữu, như đi lên với Thiên Chúa* ”.

3 Một sự giải thích như thế rõ ràng là còn chứa đựng nhiều điểm đáng ngờ ! Trước hết chúng ta ai cũng có thể thắc mắc vì sao *sinh* lại giảng là “ lên ” ; *sinh thì* lại giảng là “ giờ lên ” ? Cố nhiên, đối với một người dịch thơ văn chữ Hán thì *triều sinh* (như trong thơ Lư Luân đời Đường) hay *nguyệt hạ sinh* (như trong thơ Hải Thượng Lãn Ông) hoàn toàn có thể dịch là “ *triều lên* ” hoặc “ *trăng lại lên* ”, nhưng trong ngôn ngữ bình thường hàng ngày, khi nói đến chuyện lên trời hoặc lên tiên... để chỉ cái ý là “ rời bỏ cuộc đời ”, “ từ già hạ giới ” thì người Việt xưa nay có bao giờ nói là *sinh* đâu ! Không phải ngẫu nhiên mà trong bản in lại *Phép giảng tám ngày* năm 1961, ở chú thích 49t, khi dẫn lại sự giải thích của *Từ điển Việt Bồ La*, ban biên tập cũng rất kinh ngạc và phải đặt thêm dấu chấm than ở cuối :

“ *Trong từ điển của tác giả có giải thích hai chữ SINH THÌ một cách đáng chú ý : SINH nghĩa là “ lên ”, THÌ là “ giờ ”. Người ngoại giáo, tác giả nói, quen dùng thành ngữ SINH THÌ để chỉ “ giờ lên ” (!)* ”

Trong những trường hợp mà A. de Rhodes nói là đã mượn của bên Lương, người Việt đều phải nói là *thăng*, ví dụ “ *Thánh phán mấy câu rồi thăng* ” (HP). *Thăng* cũng có thể dùng trong từ ghép, ví dụ : *Siêu thăng tịnh độ* (HP), *Vua thăng hà* (KTTĐ).

Và khi nói đến ý ngược lại – ý “ xuống cõi trần ”, ý “ thác sinh ” – thì người ta cũng phải dùng *giáng* là từ trái nghĩa, đối lập lại với *thăng*, ví dụ : “ *Một tiên nữ giáng xuống cõi trần* ” (HP). *Giáng* cũng có thể đi vào những từ ghép gần như đồng nghĩa : *giáng thế, giáng trần, giáng sinh*... Ví dụ : *Đẹp như tiên giáng thế* (HP), *Phật tổ giáng sinh* (KTTĐ).

4 Đến cuối thế kỉ 19, đầu thế kỉ 20, *thăng* cũng như *giáng* đều đã thấy dùng một cách phổ biến trong ngôn ngữ Công giáo :

- Đi từ tiếng Việt, từ điển Génibrel giải thích :

Chúa giáng sanh = Le Dieu incarné

Lễ Đức Mẹ mừng triệu thăng thiên = Fête de l’ Assomption de Notre Dame

Lễ thăng thiên = Fête de l’ Ascension de N. S.

- Đi từ tiếng Pháp, tự điển Pháp Việt của Đào Văn Tập cũng dịch :

Incarnation de Dieu = *Thiên chúa giáng sinh*

Assomption = *Thánh mẫu thăng thiên*

Ascension = *Gia tô thăng thiên*

Đứng trước tình hình đó có thể có người nảy sinh ý nghĩ *sinh thì* vốn cũng là *thăng thì* nhưng đọc theo cách đọc của thế kỉ 17 (như *nhân* đã từng đọc *nhin* ; *nhật* đã từng đọc *nhịt* ; *vua* đã từng đọc *bvua* * ; *giời, trời* đã từng đọc *blời*...).

Chuyện ngữ ngôn diễn biến đúng là chuyện cần phải lưu ý. Nhưng theo ý chúng tôi, rõ ràng *sinh thì* không thể cho là dạng cổ của *thăng thì* được, vì mấy lẽ :

a) Lẽ thứ nhất là ngay trong cuốn từ điển Việt Bồ La, chữ *thăng* cũng đã được thu thập thành một mục riêng, với ý nghĩa đúng là “ lên ” (*ascendo, is*) như trường hợp *sinh*. Hơn nữa, cách nói *thăng thiên* cũng đã được dẫn 2 lần : một lần với ý nghĩa tương đương như *lên blời (lên trời)* và một lần với ý nghĩa là “ *phóng ngòi nổ bay lên cao* ” ;

b) Lẽ thứ hai là trong các cuốn từ điển có phụ chú chữ Nôm, chữ Hán như từ điển của Pigneau de Béhaine, của

Huỳnh Tịnh Của và của Génibrel, *sinh thì* đều không ghi với chữ *thăng* như ở *thăng trâm, thăng giáng* mà đều ghi với chữ *sinh* như ở *sinh tử, sinh đẻ*.

c) Cũng cần nói thêm một điều nữa là trong các cuốn từ điển từ thế kỉ 17 đến thế kỉ 19, hệ ngữ âm biến đổi thì cách ghi Quốc ngữ cũng biến đổi theo, so sánh :

- Ở Việt Bồ La : *nhin, nhit, bvua, blời*
- Ở Huỳnh Tịnh Của : *nhon, nhut, vua, tròi*

Nhưng 2 trường hợp *sinh thì* và *thăng thiên* thì khác : trong suốt 3 thế kỉ chúng đều có cách ghi giữ nguyên, bất biến ! Thế nghĩa là không có cái chuyện *thăng* xưa vốn đọc là *sinh*.

5 Vậy thì, cuối cùng, nên giải thích như thế nào về lai nguyên của cách nói *sinh thì* ? Đầu là cái lí do làm cho bên Công giáo, sau khi mượn cách nói *thăng* của bên Lương, đã đi đến kết quả là đổi nó thành *sinh* ? Trong tình hình nghiên cứu hiện nay, thiết nghĩ có lẽ cũng chưa có thể có một câu trả lời thực sự dứt khoát được. Điều chúng ta có thể nghĩ đến trước tiên là có lẽ xưa đã có một sự vô tình nhầm lẫn nào đấy rồi sau sự nhầm lẫn ấy cứ truyền rộng mãi ra. Bởi vì, như kinh nghiệm cho thấy, hiện tượng nhầm lẫn là một hiện tượng rất thường gặp trong ngôn ngữ. Ở Hán Việt, chữ *ảo* vốn là chữ *huyền (hoãn, hoạn)* đọc nhầm mà thành, vì có tự dạng gần gần như chữ *ấu* ! Và nay thì ai cũng nhất trí rằng đó là *ảo* : *ảo tưởng, ảo mộng, ảo giác, ảo ảnh* v.v. Ở Chữ Nôm cũng vậy : chữ *mắng* với nghĩa là “ nghe ” bị đọc nhầm thành *mãng* và nay thì *tượng mắng, mắng tin, mắng tiếng* được hoàn toàn thừa nhận. Ví dụ : “ *Mãng tin xiết nổi kinh hoàng* ”, “ *Sảnh đường mắng tiếng đòi ngay lên hầu* ”...

Có thể có 2 khả năng nhầm lẫn : nhầm ở khâu ghi chép và nhầm ở khâu đọc.

a) Nếu là do chép nhầm thì chắc sự chép nhầm đã xảy ra vào thời kỳ còn dùng văn bản Nôm. Nhưng khả năng này xác suất không cao : vì tự dạng của chữ *thăng* và chữ *sinh* khá khác nhau, khó xảy ra chuyện nhầm lẫn.

b) Khả năng do đọc nhầm thì phần nào có cơ sở hơn.

1. Như giới Hán học cho biết, vào khoảng đời Đường, *thăng* và *sinh* là 2 chữ phát âm rất khác nhau : *thăng* thuộc thanh mẫu “ thư ”, vận bộ “ chung ” ; *sinh* thuộc thanh mẫu “ sinh ”, vận bộ “ canh ”. Sang Hán Việt, sự khác nhau đó được bảo lưu cho đến tận ngày nay.

2. Nhưng ở Trung Quốc thì khác. Theo Giáo sư Vương Lực cho biết, từ cuối Đường, đầu Tống thanh mẫu “ thư ” nhập một vào thanh mẫu “ sinh ” ; và đến thế kỉ 14 thì *Trung nguyên âm vận* cũng cho thấy 2 vận bộ “ canh ”, “ chung ” đồng quy. Đây chính là lí do vì sao ở Bạch thoại ngày nay *thăng* đọc thành /sheng/ như *sinh*. Hiện tượng đồng âm hoá này, theo B. Karlgren, phổ biến rất rộng.

3. Các giáo sĩ thế kỉ 16, 17 trước khi đến Việt Nam truyền giáo thường phải kinh qua Trung quốc một thời gian. Rất có thể do thói quen đọc *thăng* thành /sheng/ như *sinh* học được ở Trung quốc, khi mới vào Việt Nam họ cũng đọc như vậy và đưa cách đọc đó vào các buổi giảng đạo, các tài liệu giảng đạo.

4. Mà giáo dân thì luôn luôn có tâm lí rất tôn trọng các đấng bề trên, rất tuân thủ theo kinh bốn : mãi đến ngày nay nhiều vùng giáo dân vẫn nói “ *Đức Chúa Lời* ” thay vì “ *Đức Chúa Trời* ” hay “ *Đức Chúa Giời* ”. Trong một tình hình như vậy dễ hiểu vì sao cách nói nhầm *thăng thì* thành *sinh thì* phát sinh mấy thế kỉ về trước vẫn còn bảo lưu được mãi cho đến tận từ điển Génibrel và Huỳnh Tịnh Của.

6 Đến đây kể ra cũng đang còn một vấn đề nữa cần làm sáng tỏ : đó là vấn đề vì sao *sinh thì*, với kết cấu động + danh của một danh ngữ lại thường được dùng ở cương vị như một động từ ? Nhưng thiết nghĩ đó là một vấn đề hơi xa trọng tâm của bài này, vì vậy xin được để dành riêng cho một dịp khác.

Nguyễn Tài Cẩn

(*) bv là kí hiệu tạm dùng để thay chữ “ b có đuôi ” của A. de Rhodes.

Toán học...(tiếp theo trang 21)

quả, để mô hình hoá và giải quyết những vấn đề kỹ thuật mà công cuộc phát triển đem lại. Tại các nước đã kỹ nghệ hoá, trong một thời gian dài toán học là miền cố hữu của con em các tầng lớp không được ưu đãi, vì đó là con đường tương đối dễ dàng cho phép truy đạt vào văn hoá và hội nhập xã hội công dân, do việc nó ít bị phụ thuộc vào những sở hữu có tính chia cách xã hội. Nhờ ở sự bùng nổ tin học và các công cụ mô hình hoá, ngày nay toán học nổi lại được vai trò đó với các nước chưa kỹ nghệ hoá. Nó đem lại như một cơ may thứ hai để phát triển, sự phát triển từ nay dựa trên tri thức nhiều hơn là tích lũy vốn và hạ tầng cơ sở. Nhưng những nước này tuy thế còn phải có khả năng làm chủ các động lực mới đó. Bởi vì, nếu dĩ nhiên là trong quá trình tiến đến chiếm hữu một nền khoa học người ta có thể chấp nhận một giai đoạn tiếp thu thụ động, sự chiếm hữu này ngược lại không thể bền vững trong các dân tộc tự mình tách ra khỏi tiến trình tự xây dựng của khoa học. Như vậy sự hiện hữu của nghiên cứu toán học – ngay cả trong các nước mà *tiên thiên* có vẻ như ít khả năng xúc tiến việc này – là một hệ luận khẩn thiết của nhu cầu mệnh mông về toán học đi đôi với việc đó là một cấu thành thiết yếu của sự nghiệp phát triển. Điều đó hoàn toàn rất xa với quan niệm đây là một

sự xa xỉ, hay chỉ là một lựa chọn trong những lựa chọn khác.

Chính vì thế mà hoạt động của CIMPA, từ gần một phần tư thế kỷ nay, nhằm vào việc nâng đỡ sự xuất hiện hay/và củng cố những tập thể toán học có cơ cấu và có hiệu quả trong các nước đang phát triển. Những phương cách được sử dụng cũng đa dạng như thực trạng và nhu cầu của các nước phương Nam : tổ chức các lớp chuyên đề, với nhịp độ 4 đến 6 lớp mỗi năm, trong các nước đặt yêu cầu, với sự hợp tác chặt chẽ cùng tập thể khoa học bản địa ; dễ dàng hoá việc truy nhập tài liệu ; trợ giúp việc thành lập các cơ cấu đào tạo cấp tiến sĩ ; làm môi giới để cùng hướng dẫn luận án, v.v. Thao tác ngay tại thực địa, CIMPA cố gắng sáng tạo và thực hiện những cơ chế hữu hiệu để cho phép các tập thể toán học nằm rời rạc và phân tán hội nhập được với cộng đồng lớn của toán học quốc tế. Thực thế, chỉ một hình thái hội nhập như vậy mới có thể thực sự vượt qua những trở ngại nằm trong những tập thể khiêm tốn về người và phương tiện, cũng như vượt qua được sự cô lập của những nhà toán học với bên ngoài và ngay cả với xã hội của họ. Những cơ chế này cũng nằm trong một viễn cảnh phát triển, ngược lại với việc xuất ngoại – dưới chiêu bài trợ giúp đào tạo – của giới trí thức ưu tú từ các nước phương Nam sang các nước phương Bắc.

Hàn Thuỷ dịch từ bản tiếng Pháp

Xôi nóng

Lê Minh Hà

Nhận được cái phong bì to lông phồng thơm mùi nước mắm, vợ chồng cười âm ỉ khiến thằng con gần ba tuổi cũng nháy chồm chồm reo hò góp giọng. Không thể hiểu được vì sao cái phong bì nặng thức ăn vật chất như thế lại có thể từ Mỹ tới được nơi này. Lại còn thêm nỗi ngạc nhiên và cảm động : Lá thư gửi kèm theo là lời dặn hãy nắm cơm để cho thằng cu ăn với rước. ‘Rước’. Chứ không là ‘thịt chà bông’. Dù người viết thư gửi rước chưa một lần được đặt chân lên quê nhà đất bấc.

Trong khi chờ chồng khoẻ tay và giời chịu nóng nắm cơm cho thì nấu trước nồi xôi trắng cho thằng cu ăn vậy. Nhìn nha ăn miếng xôi đầy chỗ cùng vài ba sợi rước, lại nhớ bà, nhớ mẹ, nhớ hàng xôi đầu ngõ ngày xưa mẹ thường dặn ra ăn cho chắc dạ mà ngồi nghe giảng sau khi đã dúm cho ba hào. Nhớ đĩa xôi lần đầu tiên tập nấu để cúng mẹ. Nhớ hàng xôi nóng ăn với thịt kho trứng, hay giò kho trên Cấm Chỉ. Nhớ gói xôi hoa cau bà bọc lá chuối gửi cho cùng với đĩa chè kho. Ôi nhớ...

*

Bây giờ ở nhà mọi người cũng nói ‘ba hào’, nhưng là để chỉ ‘ba trăm’ trong thời buổi đồng tiền mất giá. Đồng hào thật thì giờ chỉ còn có thể tìm mua ở một vài hàng lưu niệm trên quảng Hàng Gai. Ngày trước, lo được cho con mỗi sáng ba hào xôi nóng, thế là mẹ mát lòng mát dạ.

Xôi sáng thì nhiều chủng loại. Người thích đĩa xôi trắng ăn với lạp xường. Hạt gạo nếp bắt đầu trong lại trên chõ thì đã đến lúc đặt lạp xường vào hấp cùng. Chiếc lạp xường khô kín đáo hồng lên, mọng lên, tươm mỡ trên những hạt xôi đang dẻo dần trong chõ. Xôi ấy thì không có giá ba hào, thường dành cho người lớn nhà khá giả. Ăn xong, sà qua hàng nước gọi chén chè nóng thì ‘bổ tương’.

Cũng không có giá ba hào là xôi vò chè đường. Bát chè bột sắn để nguội xếp trong thúng, bát chè đậu xanh đánh, tùy lòng khách, bà hàng nhẹ lấy ra, nhẹ xúc mấy thìa xôi tới từng hạt đổ lên trên, những hạt xôi vàng cái màu nắng nõ chất phác hiền lành của đỗ. Thức quà này ăn mùa đông không hợp. Phải vào cũ này đây, tháng ba, khi ở những đầu làng xa bóng hoa gạo đầu tiên đã gọi về đàn chim sáo.

Rẻ, nên cũng chắc dạ hơn nhiều là xôi lạc, xôi vừng dừa, xôi đỗ, xôi lúa hay xôi xéo. Ngõ nào cũng có hàng xôi. Người bán thường là dân không chuyên, hoặc mới vào nghề khi đã thôi nghề khác hay về hưu sớm, hoặc tranh thủ làm một chỗ xôi kiếm thêm đăm ba ngàn đon góp lại cho con đóng học. Xôi vừng dừa, ngọt dịu, thơm, ăn ngon nhưng chóng ngấy. Xôi lạc, tôi ít ăn vì... có thể ăn ở nhà. Và vì tôi thực chỉ thích vị xôi

lạc gói lá chuối khô bà đùm cho để ăn đường mỗi bận từ quê ra Hà Nội thời sơ tán. Cái mùi lá chuối khô hung húc ấy thân thuộc bao nhiêu với đứa trẻ Hà Nội đã có bao nhiêu năm tháng sống nơi đất lành.

Thích bao nhiêu là gói lá sen đùm nắm xôi lúa hay xôi xéo. Hàng xôi lúa xôi xéo thì ít khi là hàng xôi mới, bao giờ cũng là một người đàn bà ngồi nơi ấy mấy mươi năm ròng, lắm khách quen. Mùi lá sen xanh xộp, mùi lá sen thơm, những hạt ngô tròn, rất mềm, xôi ít thối, lẫn trong ngô, nấu từ loại nếp cũng thường thối, đồ xanh xát sạch vỏ đỏ và giã kỹ nắm thành từng nắm tròn tròn bà hàng sẽ dùng con dao bìa xát vài ba xát mỏng toi lên trên nắm xôi, rồi rưới một thìa mỡ hành phi đến độ. Động tác này bà hàng làm khoan thai lắm, và đồ với mỡ hành thì bà ‘ky’ lắm. Ngay cả lúc ngồi ăn tại hàng tôi vẫn thích mở gói lá sen, nhúm từng nhúm đưa lên miệng hơn là cầm thìa ăn xôi từ bát nhỏ, rồi chực lúc bà hàng vẫn khách thì chia nguyên cả gói lá sen ra xin thêm chút mỡ hành vừa béo vừa thơm mà ở nhà chị tôi khéo tay đến thế cũng không thể nào phi ngon hơn được.

Xôi xéo Hà Nội... ăn vào những sáng thu mây đã bắt đầu cao và nắng đã bắt đầu tư lự vàng rười rượi, một hôm rồi việc đây muện biết chả phải làm gì ngoài đi chợ nấu cơm... Hay vào những lúc cuống quýt chỉ kịp dừng xe tắt máy trao tiền nhận gói xôi, ăn khi có giờ trống tiết, một mình ngồi trong phòng hội đồng nhìn ra sân trường ảm đạm dưới một trời mây xám... Lúc nào cũng ngon như nhau cả, dù cái ngon, trong những thời khắc khác nhau những mùa mưa nắng khác nhau luôn riêng nổi đậm đà. Bao nhiêu người đã nói tới phố Hà Nội, đã nhắc nhớ những anh hàng phố Hà Nội, đã kể về những bà bún chả và bún ốc, mà đường như chưa có lời nào dành cho mùi xôi xéo thơm rất ấm, rất ân cần. Dưới một gốc cây đầu ngõ. Bên bức tường lên rêu của một ngôi nhà trên phố. Từ lúc trời còn chưa tạnh cơn mưa lúc gần sáng đã thơm rồi. Thơm theo vai những người đàn bà đứng tuổi một mình gồng gánh nổi chồng nổi con suốt bao năm. Chỉ đồ chỉ ngô chỉ gạo nếp chỉ hành mỡ, những người đàn bà ấy đã làm nên cơ nghiệp của cả một làng Hà Nội - làng Tương Mai, suốt một thời.

Tôi không ăn được bao nhiêu của nếp, nhưng tôi thích cái mùi xôi xéo. Từ thuở mẹ đưa tiền còn dặn kỹ ăn xôi cho chắc dạ trước khi vào lớp, cho tới những ngày mới mười hai tuổi đầu sau khi mất mẹ, thương bố mà bày trò không thích ăn sáng giữ eo. Ngồi truy bài sớm, dưới tán bàng xuân lá đã chuyển từ màu đỏ sơ sinh sang màu bánh tẻ, thơm bên này, thơm bên nọ cái mùi xôi xéo của bạn bè, khôn người nhớ mẹ, và những ngày chưa cũ đã phút chốc thành xa xôi.

Xôi nhà thổi lấy thì tùy ngày có việc mà mua gạo mua đỗ và các linh kiện kèm theo. Xôi trắng thì phải là nếp thật ngon, gạo phải trắng, phải đều, hạt xôi đồ lên phải mọng và thật dẻo. Lên chõ lên đình người ta hay thổi xôi này. Xôi ấy, ông bà họ nào gửi cho một nắm gói trong lá chuối tươi hơn lửa cùng vài ba miếng thịt gà luộc thì thật là... Mà xôi ấy, nếu đem đóng oản lại còn ngon lên mấy bậc.

Xôi gấc cho ngày cưới xin thì phải thực đỏ, thực ngọt, và óng mỡ. Thứ xôi này nhà tôi cũng hay nấu vào hôm ba mươi tết. Gấc nếp bỏ đôi vét sạch ruột vào bát lớn, thêm lung lung chén rượu trắng đánh thật nhuyễn cho dậy màu, rồi trộn đều với nếp cái hoa vàng đã ngâm nở như con ong non, đồ lên vừa được thì trộn đường với mỡ gà. Tới công đoạn này là lộ tài của người ngồi bếp, vì quá tay thì xôi nát, mà kiềm mỡ đường quá

thì không đủ béo đủ ngọt, không ra xôi gấc. Đẹp nhất có lẽ là thứ xôi này. Nhìn đĩa xôi đỏ óng loáng thoáng những hạt gấc màu nâu sẫm đầy vẻ tạo hình, chưa muốn lấy chông cũng tự dưng mong thâm cổ cười của mình cũng phải ẩn tượng như thế. Mà tôi có cảm giác thứ xôi này chỉ hợp với thung thỏ và khí hậu đồng bằng Bắc bộ, khi mà ngoài kia mưa lay phây hay nắng hanh hao gió bắc về, ai cũng cảm như cần thêm chút ấm. Tôi tin là dưới nắng trưa kỳ diệu của đất Sài Gòn, xôi gấc sẽ... kém duyên.

Lành hiền thì có xôi hoa cau ngày giỗ tết. Là thứ không thể không có nhưng lại không nhất thiết phải ăn ngay trong bữa, mà thường khi lại để xẻ nửa đĩa một cho cháu này cháu khác trong nhà vì bận đột xuất không đến được đúng bữa giỗ cụ giỗ kỵ. Bà tôi hồi còn sống mong một tết bao giờ cũng thổi xôi hoa cau bày đủ năm ngày trên bàn thờ cùng với đĩa chè kho. Mong năm hạ lễ, đĩa xôi phân trên cúng đành lại, tàn hương phủ đầy. Xôi hoa cau đỏ lại mà ăn với chè kho bà nấu từ độ tết, đủ vị mật mía, thảo quả, quế, đồ ho... tôi, dù vốn ghét từ đường tới nếp cũng vẫn tiếc rẻ xán vào chờ bà đem cho một đĩa. Ngoài kia giêng hai rồi đấy, mái bếp bà mới nhờ người lợp lại cuối vụ mùa năm trước ải màu xuống sau cả tháng mưa phùn ướt át, cây xoan đầu ngõ cành đã phơi phơi hơi xuân, chẳng mấy nữa lại đến kỳ hoa bưởi rụng...

Xôi ngô, xôi lạc, xôi vừng dừa, xôi đỗ hay xôi xéo bao giờ cũng được ăn vào cỡ sáng, và dành cho mọi giới, từ người có của cho tới người thiếu ăn chạy bữa quanh năm. Xôi vò chè đường thì 'vô tư', ăn lúc nào trong ngày cũng được. Nhưng xôi trắng ăn cùng giò kho, trứng kho, thịt kho, ba tề kho... thì cơ chừng ngon nhất lại là vào lúc thành phố lên đèn. Mà phải ở đầu Cẩm Chỉ, chỗ xeo xéo Cửa Nam. Từ một cái nhà vừa tối vừa thấp, chỉ sau mấy năm đặt bàn đặt ghế ra vỉa hè bán thứ xôi này, nhà hàng đã xây nhà ba bốn tầng và hình như còn mua thêm cả mấy gian lân cận. May quá, hàng không vì thế mà kém phẩm, như thói thường trong lối hàng họ của dân mình. Tôi thích ghé hàng xôi này vào những hôm có giờ dạy thêm buổi tối. Nhà hàng rộng ra, nhưng cái bàn cái ghế đặt nơi vỉa hè thì vẫn bé vẫn chênh vênh vậy. Từng thúng xôi trắng bốc hơi nghi ngút được khuân sang từ cái gian đối diện bên đường. Chưa thấy hàng xôi nào đồ xôi khéo đến thế. Hạt nếp cứ no tròn, dẻo hết mình. Rõ là dồi. Cô bán hàng còn trẻ, gương mặt xinh xinh và đánh đá tay năm tay mười đem xôi và lấy giò lấy thịt lấy trứng kho tùy theo khách gọi. Bao nhiêu đổi trao chỉ còn dừng lại ở những 'vâng' 'dạ' 'thêm ạ' 'tiền thừa đây ạ' và những tiếng gọi người nhà vóng lên chói lói của cô hàng 'hết xôi rồi'. Ăn xôi ở hàng này nhiều khi phải chờ chờ xôi mới chín, thật chẳng khác ăn phở tổ phục vụ vừa ngon vừa rẻ đầu Lý Quốc Sư cái thời còn tem phiếu. Xôi trắng ăn với trứng, thịt, giò chả, rưới dấm nước kho giò kho thịt mà không nát, lại còn kèm kiệu muối. Thật là phi truyền thống. Ngon lạ lùng. Cứ thử gọi xôi với ba tề kho mà ăn. Khéo lại là ngon nhất. Hai ngàn một bát voi voi, đủ làm lũng dạ những người như tôi bận bịu không về kịp bữa cơm chiều. Còn cái anh chàng đi Dream ngồi cạnh tôi thì chơi liền ba bát ba (1). Mưa mùa đông nhỏ giọt từ tấm bạt giăng trên hè phố, ngồi bên cái lò hồng rực trên đặt nổi thịt kho trứng sôi âm ỷ, nhẩn nha ăn từng hạt xôi nóng, nghe loáng thoáng mấy người chắc quen nhau vừa ghé ngồi bên cạnh chuyện tào lao, nghĩ lan man về những gì sẽ phải nói vào giờ dạy thêm sắp tới, thỉnh thoảng đá mắt ra chỗ dựng cái

xe máy, cái thú này ngoài Hà Nội còn có ở nơi nào nữa không?

Mà có nơi nào nữa còn cái thú ăn xôi đêm ? Xôi bánh khúc. Cuối tuần được quyền ngủ muộn, đọc sách hay chuyện văn khuya, bất chợt nghe tiếng rao đầu ngõ : '*Khúc đây, khúc nóng đây!*' Đêm mùa đông, bà bán hàng ghé thúng vào thêm, lật cái vỉ buồm, xôi xôi và nhận tiền, rồi tiếng rao lại xa dần theo cơn gió bắc thổi dạt dào trên phố. Ăn miếng bánh khúc bùi và béo, dính những hạt xôi rất mềm, vừa khen thành tiếng vừa nghĩ phục quá những người đã bằng tiếng rao của mình mang lại cho thành phố một gương mặt âm thầm không thể nào quên nổi. Mấy năm sau này, bà bán khúc dạo nào không thấy tới, đêm đêm lại nghe tiếng rao rất to của một thằng bé chừng hơn mười tuổi. Thằng bé không đội thúng bánh trên đầu mà đeo bằng một cái xe đạp. Có một đêm mưa, to lắm, tôi nghe thấy tiếng rao của nó dội trong mưa, và tiếng bánh xe đạp xé nước gập lại. Mất ngủ. Nghĩ tới tiếng rao chưa biết giữ sức của thằng bé bán bánh còn nhỏ hơn học trò mình, nghĩ tới những ngõ phố nước ngập, nghĩ tới những đoạn đường vừa sửa xong lại bị phá để... sửa và những cái cống mất nắp đang chìm dưới nước, nghĩ tới những hàng cây cao đang vụng mình ngoài phố và những cột đèn đường ngã nghiêng chực đổ, nhớ dáng thằng bé nhoài người đạp với cái xe dành cho người lớn, từng lúc lại nhảy thẳng vào dòng nước đen như đêm đang dềnh lên trong cơn mưa, nghiêng áo toi che cái thúng khi có người gọi bánh... Đêm ấy, tôi đã thám thía tận cùng nỗi bất lực của con người, nỗi bất lực của 'lòng thương nhỏ' (2).

*

Qua thời bao cấp, Hà Nội chuyển mình, lại giống như ngày xưa, như cái thời tôi chưa được sinh ra vẫn trở về trong câu chuyện của người lớn ở nhà. Hà Nội lại là thành phố của ăn 'chơi' và công việc. Miếng ăn chưa phải là thừa nhưng đã không còn là mối bận lòng của nhiều gia đình. Tiện lắm! Rằm mông một có thể ra hàng gọi lấy đĩa xôi như ý đặt lên bàn thờ cúng cụ, chả phải lo đãi đồ và ngâm gạo. Mà đến những thức xưa vốn chỉ có trong những dịp cưới xin tết nhất như xôi gấc thì nay cũng đã thành hàng hóa để bán mua. Tiện thật! Nhưng thế sẽ không còn cảnh mẹ lụi cụi ngồi già rước và nghĩ tới ngày phát lương mua cân nếp về đồ xôi cho con ăn sáng. Sẽ không còn cái háo hức được bà nắm cho nắm xôi chim chim sau khi đã đem đủ đĩa đặt bàn thờ ngày giỗ chạp. Sẽ không dễ cảm hết cái ngon từ vò từ xéo của những hạt xôi cơ nghiệp biết bao nhà. Mà cũng sẽ không còn có dịp nhắc với mình niềm thương cha mẹ, ngùi ngùi, không thể nào tả được khi nhớ lúc mẹ gọi lại phát cho tiền ăn sáng trước khi đi học...

Kể cũng là dớ dẩn, khi ngời tiếc. Nhưng mà khi nhớ thế, thì lại thấy kể cũng là đáng tiếc, phải không ?

Lê Minh Hà
21.3. 2001

Chú thích:

1. Bát ba : bát giá ba ngàn (thời điểm đầu những năm 90)
2. Chữ dùng của Nguyễn Huy Thiệp (*Vàng lửa*)

Trịnh Công Sơn,
Khánh Ly &
**những khúc tình ca
một thời**
Văn Ngọc

Hơn 35 năm đã trôi qua, giờ đây nghe lại một số bài tình ca phản chiến của Trịnh Công Sơn, qua giọng hát Khánh Ly, tôi vẫn cảm thấy bồi hồi, xúc động.

Những bài hát đưa tôi trở về một thời quá khứ chưa xa lắm, về giữa lòng đô thị miền Nam những năm 60-70, với tiếng đại bác đêm đêm vọng về, với những hoang mang, tuyệt vọng, những khát khao, hy vọng, của cả một thế hệ trẻ.

Giờ đây, nghe lại những bài hát thời Quán Văn, Sài Gòn (1966-67), thời Trịnh Công Sơn mới 27-28 tuổi, và Khánh Ly mới 21-22, thời mà cả người hát lẫn người nghe cùng hãy còn trẻ, tôi chợt cảm nhận được cái giá trị đích thực của chúng.

Hiện tượng Trịnh Công Sơn, hay đúng hơn, những ca khúc của Trịnh Công Sơn, chỉ có thể giải thích được bởi những nguyên nhân lịch sử và xã hội : không có cái thực tế đau xót của chiến tranh và hận thù, không có cái không khí hoang mang bao trùm lên cả một giới trẻ thành thị, không có một sự đồng tình, đồng cảm nào đó giữa người hát và người nghe, thì không thể nào có được những bài hát ấy. Những tiếng hát đã cất lên giữa một trời khói lửa, tuy không “ át được tiếng bom ”, song cũng đã nói lên được những suy tư của con người về chiến tranh, về quê hương, về ý nghĩa của sự sống, sự chết, và về tình yêu như một giá trị cần được bảo vệ, nếu không là một cứu cánh. Đó là một phản ứng tự nhiên của bản năng tồn tại, và chính cái sức phản kháng mãnh liệt đó đã truyền cái hơi của nó cho nghệ thuật.

Tôi cũng chợt hiểu rằng, một bài hát chỉ có thể làm cho người nghe, cũng như người hát, say mê, xúc động thực sự ở vào cái thời điểm lịch sử, khi nó chuyên chở một nguyện vọng, một niềm tin, hoặc một thông điệp nào đó. Cái *thời* của một bài hát cũng là cái thời điểm thăng hoa của nó, khi nó được đồng đảo quần chúng đương thời yêu thích và hát lên với tất cả niềm say sưa, tin tưởng. Đó gần như là một quy luật trong nghệ thuật, và cũng là cái số phận chung của những bài hát, trong bất cứ nền văn hoá nào, dù cho đó là những bài hát nổi tiếng nhất một thời.

Tuy nhiên, khi vai trò lịch sử của chúng đã chấm dứt, có những bài hát vẫn còn được người ta yêu thích trong một thời gian dài, vì nhiều lý do khác nhau : hoặc vì vẻ hình thức, chúng vẫn còn giá trị nghệ thuật, hoặc vì về nội dung, chúng chưa bị lỗi thời, hoặc vì chúng gợi nhắc đến một cái không khí nào đó, một thời kỳ nào đó, mà người ta chưa muốn quên đi.

Đó là trường hợp của một số bài hát của Trịnh Công Sơn.

Hơn 35 năm sau, nếu những người trẻ tuổi thời đó bây giờ vẫn còn có thể nghe lại, hát lại, và cảm nhận được cái hay, cái đẹp của một số bài hát trữ tình, lãng mạn, của Trịnh Công Sơn, như : *Ướt Mi, Diễm Xưa, Tuổi Đá Buồn, hay Nhìn Những Mùa Thu Đi*, v.v., thì đối với nhiều bài ca phản chiến trong *Ca Khúc Da Vàng*, họ thấy như đã có cả một khoảng cách.

Tuy nhiên, có những bài ca phản chiến đã thoát được ra khỏi thông lệ này, như bài *Tình Ca Của Người Mất Trí*, hay bài *Xin Cho Tôi*, và ở một mức độ khác, *Ca Dao Mẹ, Đại Bác Ru đêm*, v.v.

Bài *Tình Ca Của Người Mất Trí* là một trong những bài tình

ca phản chiến của Trịnh Công Sơn mà tôi cho là hay nhất, cả về cảm hứng, bố cục, giai điệu, lời ca và đặc biệt là nó có một khí thế, một sức truyền cảm ghê gớm, qua tiếng hát Khánh Ly. Cả bài hát toàn là những lời của một người “ mất trí ”, có người yêu chết trận ở khắp mọi chiến trường, trên khắp mọi miền đất nước Việt Nam. Những hình ảnh chết chóc rùng rợn, khủng khiếp, được gọi lên một cách lạnh lùng, câu chữ được tiết kiệm đến mức tối đa. Hình ảnh “ người yêu chết trận ” nói lên ba ý chính trong dòng nhạc phản chiến của tác giả, là : lên án *chiến tranh*, khơi dậy *lòng nhân đạo*, ca ngợi và bảo vệ *tình yêu*. Tình yêu chính là một vẻ quan trọng trong dòng nhạc phản chiến của Trịnh Công Sơn, vì đối tượng của nó chủ yếu là giới trẻ, và giới trẻ thời ấy, hay một thời nào khác, ở nơi ấy, hay một nơi nào khác, dù trong tình huống nào, cũng vẫn nhạy cảm với chuyện yêu đương, vì chuyện yêu đương mới thật sự là *chuyện của họ*.

Những ý tưởng về quê hương, về chiến tranh, về thân phận con người, về tình yêu, đôi khi được thể hiện tách riêng nhau trong từng bài hát, có những bài chỉ thuần túy là những bản tình ca lãng mạn (*Ướt Mi, Diễm Xưa, Tuổi Đá Buồn, Tình Xa, Nhìn Những Mùa Thu Đi*, v.v.) ; có những bài lại chỉ nặng về ý tưởng đấu tranh (phần lớn các bài trong tập *Ca Khúc Da Vàng*). Đôi khi, hiếm hoi hơn, nhiều ý tưởng hoà quyện với nhau trong cùng một bài hát, như trong các bài *Tình Ca Của Người Mất Trí, Xin Cho Tôi*, v.v.

Về mặt kỹ thuật, bài *Tình Ca Của Người Mất Trí* cũng là bài hát khó hát nhất mà Khánh Ly đã hát rất đạt ở nhiều thời điểm, nhưng có lẽ lần hát ở Quán Văn năm 1967 là lần đạt nhất, mặc dầu thời đó điều kiện kỹ thuật truyền thanh và thu thanh còn rất thô sơ. Bài hát này, cũng như bài *Xin Cho Tôi*, phải nghe Khánh Ly hát ở đó, vào cái thời điểm đó, mới thấy thật là thấm thía :

*Tôi có người yêu / chết trận Plei-me
Tôi có người yêu / ở chiến khu Đ
Chết trận Đông Xoài / chết ngoài Hà Nội
Chết vội vàng / dọc theo biên giới
Tôi có người yêu / chết trận Chu Prong
Tôi có người yêu / bỏ xác trôi sông
Chết ngoài ruộng đồng / chết rừng mịt mù
Chết lạnh lùng / mình cháy như than (...)*

(TCS, *Tình Ca Của Người Mất Trí*)

Một số bài tình ca hay nhất của Trịnh Công Sơn đã được Khánh Ly trình diễn ở buổi ca nhạc này : *Diễm Xưa, Mưa Hồng, Ru Em Từng Ngón Xuân Nồng, Gọi Tên Bốn Mùa, Nhìn Những Mùa Thu Đi, Còn Tuổi Nào Cho Em, Tuổi Đá Buồn*, v.v. Tuy nhiên, đáng chú ý nhất vẫn là hai bài tình ca phản chiến : *Tình Ca Của Người Mất Trí* và *Xin Cho Tôi*, qua đó Khánh Ly bộc lộ rõ khả năng giọng hát của mình, một giọng hát có thể xuống rất thấp, rất trầm, mà cũng có thể lên rất cao, một giọng hát khoẻ, dài hơi, giàu nhạc tính. Khánh Ly bao giờ cũng hát đúng giọng, đúng nhịp, ngân, láy, đúng lúc, cách phát âm tiếng Việt chuẩn xác - càng về sau càng già giặn thêm - một giọng hát, ngay từ thời ấy, tuy vẫn còn nguyên cái chất tươi mát, hồn nhiên của tuổi đôi mươi, nhưng dường như đã mang nặng sâu đau ; một giọng hát vừa có thể lắng lơ một cách đáng yêu trong các bản tình ca lãng mạn, lại vừa có thể phẫn nộ, bi ai, trong các bài ca phản chiến :

*(...) Xin cho tôi / đến tận nụ cười
Cho tôi quên / một năm mờ mịt
(...) Xin cho đêm / không có đạn bay
(...) Xin cho tôi / ra khỏi cuộc đời*

(TCS, *Xin Cho Tôi*)

Bài *Nhìn Những Mùa Thu Đi* do Khánh Ly và Trịnh Công Sơn cùng hát, cũng là một sáng tạo tuyệt vời khác ! Ít khi nào tôi được nghe một bài hát hai giọng, một nam một nữ, hay như thế :

*Nhìn những mùa thu đi / Em nghe sầu lên trong nắng
Và lá rụng ngoài song / Nghe tên mình vào quên lãng
Nghe tháng ngày chết trong thu vàng (...)*

(TCS, *Nhìn những mùa thu đi*)

Qua bài hát đôi này, người ta càng thấy rõ hơn vai trò quan trọng của tiếng hát Khánh Ly trong sự diễn đạt những bản tình ca của Trịnh Công Sơn. Không phải tình cờ mà Trịnh Công Sơn thường hay để Khánh Ly hát những bài hát trữ tình này. Tiếng hát, giọng hát và cách hát của Khánh Ly hoàn toàn ăn khớp với những bài tình ca đó : vừa đủ gợi cảm, vừa đủ buồn, mà vẫn không suốt mướt. Khi hát đôi, nhạc sĩ cũng thường để Khánh Ly hát giọng chính và hát gần vào micro, giọng nam chỉ là giọng phụ, lui hẳn về phía sau. Đặc biệt trong bài *Nhìn Những Mùa Thu Đi*, người ta có thể ghi nhận được cái tài luyện láy rất tự nhiên, đôi khi rất “ điệu ”, nhưng bao giờ cũng rất kín đáo của Khánh Ly. Một vài nét điểm xuyết nhẹ nhàng, đầy đó, đủ đem lại cho bài hát cái chất lãng mạn, thậm chí lãng lơ cần thiết.

Nhiều người nghĩ rằng, vào thời kỳ ấy, Trịnh Công Sơn đã chỉ sáng tác chủ yếu để cho Khánh Ly hát (chính nhạc sĩ cũng đã công nhận điều này, trong một cuộc phỏng vấn). Có thể nói rằng, Khánh Ly đã đóng góp một phần không nhỏ vào sự nghiệp sáng tạo của Trịnh Công Sơn. Nhiều tác phẩm của nhạc sĩ đã nhờ tiếng hát Khánh Ly mà chinh phục được quần chúng. Bài *Ướt Mi* (1959), tác phẩm đầu tay (hay đầu tiên) nổi tiếng của Trịnh Công Sơn, do Khánh Ly hát và thu băng lần đầu tiên năm 1964, là một thí dụ. Vào thời đó, nhắc đến *Ướt Mi*, là người ta chỉ nghĩ đến tiếng hát Khánh Ly, và ngược lại. Điều đó thường vẫn xảy ra trong lãnh vực ca nhạc. Trong truyền thống ca nhạc Âu Mỹ, chẳng hạn, khi người ta nhắc đến một bài hát nổi tiếng nào, là người ta thường chỉ nghĩ đến tên người ca sĩ đã làm cho nó nổi tiếng mà thôi, còn tác giả bài hát có khi không được biết đến !

Cái gì đã tạo nên cái chất giọng và cái tài năng của một ca sĩ như Khánh Ly, đúng vào thời điểm nhạc Trịnh Công Sơn ra đời ? Điều mà người ta có thể biết chắc được, là trước khi lên Sài Gòn hát với Trịnh Công Sơn, Khánh Ly đã từng đi hát phòng trà ở Đà Lạt, và chắc hẳn cô bé Lê Mai (Khánh Ly) đã được học hát từ rất sớm. Bằng chứng là năm 14 tuổi (1959), cô đã được giải nhì trong một cuộc thi tuyển lựa “ Thiếu nhi tài sắc ” do Đài phát thanh Sài Gòn tổ chức. Năm 17 tuổi Khánh Ly bắt đầu đi hát ở các phòng trà. Đến năm 19 tuổi (1964), cô được Trịnh Công Sơn mời về Sài Gòn trình diễn và thu băng cho các hãng đĩa (bài *Ướt Mi* và băng nhạc *Sơn Ca*). Năm 22 tuổi (1967), Khánh Ly hát ở Quán Văn. Trước đó, cô cũng đã từng đi hát với Trịnh Công Sơn ở các trường đại học. Trước khi gặp Trịnh Công Sơn chắc hẳn Khánh Ly đã có một cá tính khá nổi trội rồi. Đương nhiên, với Trịnh Công Sơn, với cái vốn hát đã có sẵn, Khánh Ly đã học hỏi được rất nhiều điều mới mẻ. Cái chất giọng đặc biệt của cô ca sĩ hồi hai mươi tuổi ngày càng già dặn thêm, và Khánh Ly ngày càng hát hay hơn, nhất là vào những năm 70. Cả cái phong cách hát rất đặc biệt của Khánh Ly, càng về sau càng được khẳng định rõ ràng hơn. Chỉ cần so sánh bài *Tuổi Đá Buồn* trong băng nhạc thu ở Quán Văn năm 1967 và các băng thu vào những năm 70 là đủ thấy một sự đổi khác rất lớn. Phong cách hát của Khánh Ly đã dần dần trùng hợp hoàn

toàn với cái quan niệm mà Trịnh Công Sơn chủ trương trong nhạc của mình : đó là *sự liên tục* trong tiếng hát. Các câu chữ cuốn theo nhau, không ngừng nghỉ, cuộn cuộn như một dòng chảy (Từ *Ướt Mi*, *Tuổi Đá Buồn*, cho đến *Tình Xa*, v.v.).

Chính điểm này là một trong những điểm khác biệt quan trọng giữa nhạc Trịnh Công Sơn và nhạc của các bậc đàn anh thế hệ trước, như Văn Cao, Phạm Duy, v.v. Tôi chỉ xin nêu lên ở đây một vài thí dụ. Khi hát những bài như : *Buồn Tàn Thu* của Văn Cao (1940), hay *Chinh Phụ Ca* (1945) của Phạm Duy, người ta không thể không ngậm nga, nhâm nhi, từng câu, từng chữ một, như hát ca trù. Văng vẳng bên tai, tưởng như còn nghe thấy cả tiếng đàn kìm, đàn đáy, hay tiếng trống, tiếng phách nữa ! Trong những bước đầu tìm tòi của nền tân nhạc, dựa vào các điệu ca nhạc dân gian, tôi cho rằng đó là một điểm son rất đáng trân trọng. Sau này, trong các tác phẩm nổi tiếng của Văn Cao như : *Thiên Thai* (1941), *Trương Chi* (1941), *Suối Mơ* (194..?), mặc dầu giai điệu và lời ca rất phong phú, song cách ngắt câu hát, cách ngừng nghỉ, vẫn như gợi nhắc đến một truyền thống ngâm vịnh nào đó :

Tiếng ai hát chiều nay vang lừng trên sóng /

Nhớ Lưu Nguyễn ngày xưa lạc tới Đào Nguyên (...)

(Văn Cao, *Thiên Thai*, 1941)

Một chiều xưa trắng nước chưa thành thơ /

Trăm trăm không gian mới rung thành thơ (...)

(Văn Cao, *Trương Chi*, 1941)

Trong những bài tình ca của Phạm Duy, người ta cũng nhận xét thấy những đặc điểm này : *Khối tình Trương Chi* (1945), *Quê Nghèo* (1948), *Tình Ca* (1953), v.v. Mãi về sau, Phạm Duy mới thay đổi phong cách trong một vài tác phẩm đơn lẻ : *Nha Trang Ngày Về* (1969), *Trở Lại Em Yêu* (1971). Nhìn chung, những ca khúc trữ tình của Văn Cao, và Phạm Duy, vào thời kỳ những năm 40, nói lên một tâm trạng buồn và lãng mạn, đó cũng là cái tâm trạng chung của thanh niên thành thị vào những thập niên ấy ; mặt khác, chúng cũng nói lên một sự hạn chế nào đó trong việc tìm hiểu và khai thác vốn dân ca, đưa dân ca vào tân nhạc. Tuy nhiên, sau này có nhiều thử nghiệm khác, đã đem lại những kết quả ngày càng rõ nét hơn : *Đêm Tàn Bến Ngự* của Dương Thiệu Tước, *Có Lái Đò* của Nguyễn Đình Phúc (thơ Nguyễn Bính), *Những Cô Gái Quan Họ*, của Phó Đức Phương, v.v.

Nhưng ta hãy trở lại với những ca khúc của Trịnh Công Sơn. Trịnh Công Sơn mới là người đã đem đến một sự đổi mới thực sự cho nhạc tình ca vào những năm 60. Ngay từ tác phẩm đầu tiên *Ướt Mi* (1959), một *hơi nhạc*, một *lời ca*, một *phong cách trữ tình* (lyrisme) hoàn toàn mới mẻ đã ra đời. Sự mới mẻ này không nằm ở trong *giai điệu*. Nó cũng không nằm ở trong *nhịp điệu*. Giai điệu trong các bài hát của Trịnh Công Sơn thường khá đơn giản và phần lớn là theo *cung thứ* (mode mineur), buồn như cái tâm trạng và những lời ca của nhạc sĩ, và tự nó chỉ có một giá trị thẩm mỹ nhất định. Chức năng chính của nó là chuyên chở lời ca, làm tăng thêm nhạc tính của những lời thơ vốn đã giàu chất nhạc rồi.

Cái mới mẻ trong những ca khúc của Trịnh Công Sơn trước hết là cái quan niệm về *lời ca*, về chức năng và vai trò của lời ca. Lời ca không còn dùng để kể một câu chuyện có đầu có cuối nữa, *câu chữ* không còn bị gò bó trong chức năng này nữa. Chúng có một đời sống hoàn toàn độc lập, tự do. Chúng có thể gọi lên những hình ảnh đẹp, những ấn tượng đẹp, những ý ngán, đôi khi đạt tới mức siêu thực, và giữa chúng đôi khi không có một mối quan hệ lô gích nào cả.

Thứ hai, là cái *hơi nhạc*. Nhạc Trịnh Công Sơn tuy không có những nét đặc thù của nhạc dân gian hay nhạc truyền thống Việt Nam, nhưng cái *hơi nhạc* buồn mênh mang, khi phiêu diêu như mây khói, khi cuộn cuộn như nước nguồn ấy, dường như đầu đó vẫn thích hợp với tâm hồn người Việt, vốn vẫn quen với những điệu ru, điệu hò, và một số bài ca tiền chiến. Nó ăn khớp với một tâm trạng buồn và lãng mạn, và lời cuốn được những thính giả vốn đã có sẵn cái *điệu tâm hồn* đó ở trong người :

*Trời còn làm mưa mưa rơi mênh mang từng ngón tay
buồn em mang em mang đi về giáo đường ngày Chủ nhật
buồn còn ai còn ai đoá hoa hồng cài lên tóc mây ôi đường
phố dài lời du miệt mài ngàn năm ngàn năm ru em nồng nàn
ru em nồng nàn (...)* (TCS, *Tuổi Đá Buồn*)

Cả hai yếu tố nêu trên : *lời ca* và *hơi nhạc*, với những đặc điểm của chúng, tạo nên một *phong cách trữ tình* phù hợp với cái tâm thức và cái khiếu thẩm mỹ của giới trẻ thời ấy. Phong cách này có cái *cơ cấu* (mécanisme) của nó. Đó chính là cái cấu trúc của bài hát, cho phép lặp lại các câu nhạc, các đoạn nhạc (couplets), với cùng một giai điệu, nhưng với lời khác, trước khi chuyển sang điệp khúc, rồi lại quay trở lại giai điệu lúc ban đầu. Điều này thực ra không có gì mới lạ, người ta vẫn thường gặp cấu trúc này trong nền tân nhạc Âu Mỹ. Tuy nhiên, Trịnh Công Sơn đã sử dụng nó một cách phổ biến : từ *Điểm Xưa*, đến *Em Còn Nhớ Hay Em Đã Quên*. Chính cái sự lặp lại, tưởng như đơn điệu ấy, lại làm tăng thêm cái chất trữ tình, lãng mạn, của ca khúc.

Không phải tình cờ mà Trịnh Công Sơn đã chọn giọng hát và phong cách hát của Khánh Ly để diễn đạt những ý tưởng này của mình !

Một câu hỏi vẫn thường được nêu lên là, do đâu mà Trịnh Công Sơn đã tìm ra được cái *hơi nhạc* đó, cái *phong cách trữ tình* đó ? Người ta còn nhớ rằng, vào những năm 50, nhiều trào lưu ca nhạc trên thế giới đã như, không hẹn mà gặp, cùng có một cảm hứng, một phản ứng chống lại những lời hát, điệu hát, cách hát cũ : Georges Brassens, Jacques Brel, v.v. (Pháp), Bob Dylan, Joan Baez, v.v. (Mỹ), và họ đã có những ý tưởng trùng hợp với nhau, mặc dầu mỗi ca sĩ, mỗi trào lưu, đều xuất phát từ những truyền thống ca nhạc khác nhau và từ những bối cảnh xã hội khác nhau. Trịnh Công Sơn chắc hẳn cũng đã có một phản ứng tương tự, và chắc hẳn cũng đã từng nghe Brassens, Brel, Bob Dylan, Joan Baez, v.v. Cứ cho rằng đó là một sự tình cờ của lịch sử. Cũng như, một sự tình cờ khác, là vào những năm 60, tiếng hát Khánh Ly, qua những bài tình ca phản chiến của Trịnh Công Sơn, đã cất lên cùng một lúc với tiếng ca phản chiến của Joan Baez ở một chân trời khác !

Trong toàn bộ sáng tác của Trịnh Công Sơn, mảng tình ca chiếm một khối lượng và một cương vị quan trọng. Điều này cũng có nhiều lý do. Trước hết, như đã trình bày ở trên, đề tài về thân phận con người, và về tình yêu không thể nào thiếu được trong dòng nhạc phản chiến của Trịnh Công Sơn thời ấy, mà đối tượng chủ yếu là giới trẻ đang thiếu niềm tin và khao khát yêu đương. Ta hãy nghe Trịnh Công Sơn nói rõ thêm về điểm này : “ *Sống giữa đời này chỉ có thân phận và tình yêu. Thân phận thì hữu hạn. Tình yêu thì vô cùng. Chúng ta làm cách nào nuôi dưỡng tình yêu để tình yêu có thể cứu chuộc thân phận trên cây thập giá Đời.*” (Trịnh Công Sơn, *Những Bài Ca Không Năm Tháng*, NXB Âm Nhạc, 1998).

Đó là cái quan niệm của Trịnh Công Sơn về cuộc đời, về thân phận, và về tình yêu. Song, ngoài cái lý do triết lý đó ra, còn một lý do khác : lý do nghệ thuật. Chủ đề vốn có những

khía cạnh đặc biệt hấp dẫn và hợp với sở thích của anh. Thế giới của tình yêu, cũng như thế giới tâm linh, chính là cái môi trường tự nhiên của những tâm hồn nhạy cảm. Những ca khúc nói lên thân phận con người, nói lên tình yêu, đối với anh, là một nguồn cảm hứng vô tận về mặt nghệ thuật. Nó cho phép anh đi sâu vào những ngõ ngách thâm kín nhất của tâm hồn. Có lẽ không lãnh vực nào đã cho phép anh diễn đạt một cách thoải mái, *tự do*, như lãnh vực này. Những cảm xúc mong manh, mơ hồ, tế nhị nhất, trong cái thế giới kỳ ảo của tình yêu, của tâm hồn, tưởng như khó có thể nói lên được bằng lời nói, đã được diễn đạt bằng những hình ảnh, những câu chữ riêng, mà Trịnh Công Sơn đã không ngần ngại vượt qua những khái niệm thông thường, vượt qua hiện thực, để sáng tạo ra :

Màu nắng hay là màu mắt em (...)

Chiều đã đi vào vườn mắt em (...)

(TCS, *Nắng Thuỷ Tinh*)

Trời thơm nắng cho mây hồng

Mây qua mau em nghiêng sầu (...)

(TCS, *Mưa Hồng*)

(...) *Cho mây hôn ngủ quên trên vai*

Vai em gầy guộc nhỏ như cánh vạc về chốn xa xôi (...)

(TCS, *Như Cánh Vạc Bay*)

Ru mãi ngàn năm từng ngón xuân nồng (...)

Mùa xanh lá vội ru em miệt mài (...)

(TCS, *Ru Em Từng Ngón Xuân Nồng*)

Dài tay em mấy thuở mắt xanh xao (...)

Chợt hôn xanh buốt cho mình xót xa (...)

(TCS, *Điểm Xưa*)

Trời xanh trong mắt em sâu

Mây xuống vây quanh giọt sầu (...)

(TCS, *Còn Tuổi Nào Cho Em*)

Đôi khi, câu chữ của Trịnh Công Sơn lại thật là bình thường, giản dị :

(...) *Chiều nay còn mưa sao em không lại ?*

Nhớ mãi trong cơn đau vùi

Làm sao có nhau ? Hằn lên nỗi đau

Bước chân em xin về mau (...)

(TCS, *Điểm Xưa*)

Những hình ảnh, câu chữ của đời thường, thoát ần thoát hiện trong cùng một bài hát, luôn luôn đưa người ta, từ một trạng thái mộng du, thoát tục nào đó, trở về với cái thực tại gần gũi nhất, thân quen nhất.

Bàn về những ca khúc của Trịnh Công Sơn, Bửu Ý, một nhà văn, bạn của nhạc sĩ, đã phải nhìn nhận : “ *để tài tác không cạn*”. Mà quả thế, chỉ bàn riêng về ca khúc thôi, cũng phải bàn từ nội dung đến hình thức, từ lời ca, đến giai điệu, từ nhạc đến thơ, rồi lại còn phải so sánh với các xu hướng khác trong nền tân nhạc Việt Nam, nói chung. Đây là chưa kể, gắn liền với những ca khúc ấy, còn một tiếng hát, một giọng hát, mà ít ai quên được, và không thể nào không nói đến, khi đánh giá nhạc Trịnh Công Sơn. Đó là tiếng hát Khánh Ly.

Nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường khi nói về những tình khúc của Trịnh Công Sơn đã có một câu nhận xét rất đẹp, mà người ta có thể hiểu là một lời khen đối với cả Trịnh Công Sơn và Khánh Ly : “ *Qua tiếng hát Khánh Ly sương khói trần gian cứ bay đi, và một chút thiên thu còn mãi...*” (Hoàng Phủ Ngọc Tường, *Lời bạt Những Bài Ca Không Năm Tháng*, sđd).

Vân Ngọc

Về những ca khúc phản chiến của Trịnh Công Sơn

BỬU CHỈ



Lúc 12 giờ 45, ngày 01 tháng 4 năm 2001, Trịnh Công Sơn đã ra đi. Trái tim nhân ái và nhạy cảm ấy đã ngừng đập ; bộ óc đầy mỹ cảm và sáng tạo ấy đã thôi vận động. Anh đã để lại cho bạn bè và những người hâm mộ anh một nỗi tiếc thương vô hạn. Một sự mất mát lớn, một khoảng trống không gì bù đắp nổi cho nền âm nhạc hiện đại Việt Nam. Một nhạc sĩ nổi tiếng cùng thời đã nhìn nhận một cách vô tư rằng Trịnh Công Sơn là người viết tình ca hay nhất thế kỷ của Việt Nam. Nói về sự ra đi của anh, những người mến mộ còn ở lại cái cõi trần ai này đã bày tỏ bằng nhiều cách với nhiều ý nghĩa khác nhau. Nhưng nói bằng cách gì và với ý nghĩa nào thì cũng không thể làm vui đi được nỗi đau thương và mất mát ấy. Rõ ràng là có một sự biến mất về hình hài vật chất mà cha mẹ anh đã tạo nên anh. Quy luật tự nhiên của vũ trụ vô tình vốn hữu sinh thì hữu diệt, hữu hình thì hữu hoại. Nhưng mà thật ra anh vẫn ở lại, ở lại mãi mãi với nền âm nhạc, với nền văn minh và văn hóa nước nhà. Cả một đời lao động sáng tạo cật lực anh đã góp được vào trong sự nghiệp nghệ thuật chung của cả nước hơn 600 ca khúc. Một sự nghiệp đồ sộ. Và đây chính là cái phương tiện, cái quyền năng đã giúp anh chống lại định mệnh. Cái định mệnh của đời người vốn khắc nghiệt và độc ác đã chưa từng bao giờ cho phép ai sống đến tận cùng niềm vui và nỗi khát vọng sống như chính mình mong muốn.

Đối với cộng đồng xã hội, một khi anh nằm xuống, anh đã thanh thản hết mọi “trái khoán” một cách sòng phẳng với trần gian. Một đời mình anh đã làm hết mọi điều mà anh mong muốn, và đã ra đi đúng lúc. Còn tất cả những gì mà anh đã để lại cuộc đời nó sẽ cứ tồn tại một cách hiển nhiên và minh bạch. Không có gì đáng trách và cũng không có gì phải hổ nghi cả.

Thiên tài ư ? Anh đâu cần cái hư danh ấy. Anh là anh, chính điều này mới lớn lao. Và lại, chính hậu thế vốn rộng lòng và trong sáng hơn đương thời sẽ quyết định điều này. Nhưng dù gì thì gì, đây vẫn là hư danh. Cái hư danh khiến cho những con người đầy tham vọng sẽ vật lộn, tranh giành nhau một cách đau khổ. Mà thật ra chưa khi nào, dù một lần anh đã thâm ước mơ đến cái tên gọi đầy sân hận đó.

Nhân cách của anh ? Tôi sẽ trả lời rằng Trịnh Công Sơn là một nhạc sĩ đầy nhân cách. Còn lớn hay nhỏ ư ? So với ai ? - Người đời vốn hay chấp về hình tướng, mà hình tướng thì thường làm cho con người mê.

Tôi nói nhân cách của Trịnh Công Sơn nó đầy đủ ở trong thái độ nghệ thuật của anh. Thái độ nghệ thuật này luôn nhất quán ở trong sáng tạo nghệ thuật của mình mà chưa hề khi nào vong thân hay thoái hóa biến chất cho đến phút cuối cùng. Khẳng định về một điều như thế đối với một người đang còn sống thật khó. Nhưng đối với một người đã nằm xuống ta sẽ không còn phải lo sợ rằng họ còn có thể tốt hay có thể xấu, còn có thể đúng hay có thể sai, xứng đáng hoặc không xứng đáng nữa.

*

Một con đường dẫn nhập vòng quanh như vậy đối với tôi là cần thiết, để dọn đường vào vấn đề mà tôi đã tự đặt ra cho mình : Trịnh Công Sơn và nhạc phản chiến của anh. Trong quá trình trình bày vấn đề này, tôi sẽ cố gắng làm toát ra cái tài năng và nhân cách hiếm có đó nổi bật lên trên cái bối cảnh Việt Nam máu và nước mắt, khói lửa và nỗi kinh hoàng trong cuộc chiến dai dẳng và khốc liệt thời bấy giờ. Một cuộc chiến tranh mang tính tất yếu lịch sử của một dân tộc bị áp bức ; nhưng sự chọn lựa và quyết tâm ấy đã không ít đau thương. Và Trịnh Công Sơn đã xuất hiện trong bối cảnh đó như lương tâm của một con người mang trái tim nhân ái nhạy cảm, chỉ biết nói lên những cảm xúc nồng nhiệt của mình đối với quê hương dân tộc, dù thiếu vắng một thái độ chính trị, nhưng trung thực. Nghĩa là tự đáy lòng mình thì mình nói.

Tôi sẽ không nói đến những ca khúc phản chiến của Trịnh Công Sơn với tư cách một nhà phê bình văn học về lời nhạc, cũng như không phải trong tư cách của một nhà nghiên cứu âm nhạc đối với nghệ thuật âm thanh của anh. Mà với tư cách của một người chứng, sống cùng thời và từng sinh hoạt với anh, tôi sẽ nói về thái độ dẫn thân bằng âm nhạc của Trịnh Công Sơn trong công cuộc vận động hòa bình cho đất nước đây tuyệt vọng ; nhưng cũng đây ý nghĩa và giá trị nhân bản đó. Nghĩa là nói về một Trịnh Công Sơn nghệ sĩ đích thực, một con dân nước Việt mang tình yêu chân thực đối với quê hương vào cuộc. Khẳng định anh trong ý nghĩa này là khẳng định chính sự đóng góp của anh vào trong những giá trị văn hóa, văn minh của cả nước. Một Việt Nam luôn xây dựng trên nền tảng con người và hòa bình.

Thế nào là nhạc phản chiến, và phản chiến như thế nào ?

Đính chính :

Trong số 109, bài : *Trịnh Công Sơn, một sản phẩm...?* có một sai sót đã xảy ra khi lên khuôn : trang 20, cột 1, dòng 8 từ dưới lên (trước dấu ngắt đoạn), xin đọc là :

Đừng cho tôi thấy hết tim người

Xin thành thật xin lỗi bạn đọc và tác giả.

Phản chiến ở đây là bày tỏ thái độ của mình không tán thành chiến tranh, và sự không tán thành này có nghĩa là một sự đồng cảm, chia sẻ với những con người đang phải gánh chịu những nỗi mất mát, đau thương trong chiến tranh. Đồng cảm mà không đứng ở ngoài, đứng ở một bên ; mà đứng ở cái thế chung cùng một số phận, một định mệnh. Sơn không nhân danh một “ Isme ” nào cả; cũng như không chủ trương chống lại một “ Isme ” nào cả. Hoặc có chăng là anh nhân danh cái gọi là “ humanisme ”, xu hướng nhân bản. Mà thật ra cũng chỉ là một cách gọi đầy thôi. Nói cho cùng, đó là tất cả những gì mình cảm xúc, tất cả những gì vang vọng trong tâm khảm của mình từ một thực tại máu xương như thế của đồng bào thì mình nói ngay ra. Nói không do dự, nói như một lời khẩn báo. Đỗ Phủ ngày xưa ở bên Tàu làm thơ bày tỏ sự xót thương đối với hàng vạn con người đang bị chìm trong máu lửa chiến tranh mà người đời sau cho rằng ông có tinh thần chống chiến tranh là vậy. Thật ra ông chỉ muốn nói lên niềm xúc động sâu xa của mình đối với thời thế, mà ở bên sau cái nỗi niềm này không tiềm chứa một ý thức, một tinh thần cơ hội nào.

Tất một câu, trong dòng nhạc phản chiến của mình, Trịnh Công Sơn đã chẳng có một toan tính chính trị nào cả. Mà tất cả là làm theo mệnh lệnh của con tim mình, một con tim thương đời, thương người, để nói lên tiếng nói của con tim đó đối với quê hương, dân tộc một cách trung thực và chân thành. Và một khi anh đã vĩnh viễn nằm xuống yên nghỉ thì câu khẳng định này đã trở nên hùng hồn hơn.

Ta sẽ thấy mệnh lệnh của trái tim này đi xuyên suốt trong tất cả các sáng tác thuộc dòng nhạc phản chiến này của anh. Trước hết ta có thể tạm sơ lược về con đường sáng tác các ca khúc phản chiến của Trịnh Công Sơn như sau :

- Ý thức phản chiến trong ca khúc của Trịnh Công Sơn đã manh nha vào những năm 1965, 1966. Trong giai đoạn này anh đã cho ra đời tập ca khúc *Ca khúc Trịnh Công Sơn* (Thân thoại quê hương, tình yêu và thân phận) do An Tiêm xuất bản 1966. Sau đó phát triển dần trong tập Ca khúc da vàng vào cuối 1966 và đầu 1967, tập *Kinh Việt Nam* năm 1968, tất cả đều do anh tự ấn hành lấy. Cùng với những cuộc xuống đường rầm rộ của thanh niên, sinh viên, học sinh ở đô thị miền nam Việt Nam chống Mỹ và chế độ cũ đòi hòa bình, độc lập, thống nhất đất nước, anh đã cho xuất bản tập ca khúc *Ta phải thấy mặt trời* vào năm 1970 (Tự ấn hành dưới cái tên Nhà xuất bản Nhân Bản). Năm 1972, khi tình hình chiến sự ở miền nam Việt Nam ngày càng leo thang đến độ khốc liệt nhất, anh đã cho ra đời tiếp tập *Phụ khúc da vàng* (tự ấn hành dưới cái tên Nhà xuất bản Nhân Bản). Đây là tập cuối cùng của dòng nhạc phản chiến của anh. Tổng kết tất cả gồm 5 tập, với 58 ca khúc, chưa kể những bài rời được sáng tác ngay trong những cuộc xuống đường cùng thanh niên, sinh viên, học sinh Huế.

*

So với những tình khúc mà Trịnh Công Sơn đã sáng tác được trong suốt cuộc đời mình cho đến lúc qua đời, số lượng của những ca khúc phản chiến tương đối ít. Nhưng chính những ca khúc này đã làm cho danh tiếng của anh sáng lên một cách chói lọi. Phải nói là độc sáng. Và chính trong cái vầng hào quang làm nền này, tình khúc của Trịnh Công Sơn tiếp tục sáng giá cho đến hôm nay và mai sau. Chính những ca khúc phản chiến thời bấy giờ đã chắn chắn cho danh tiếng của

anh bay ra khỏi biên giới Việt Nam để đến với thế giới, đặc biệt là Nhật Bản. Nơi xứ sở này anh đã từng có những “ Đĩa Vàng ”. Và lưu danh trong bộ tự điển Bách Khoa Pháp *Encyclopédie de tous les pays du monde*.

Thật vậy, vào những năm 58, 59, 61, 62, những tình khúc như *Ướt mi*, *Thương một người*, *Nhìn những mùa thu đi*, *Biển nhớ* v.v... đã bắt đầu nổi tiếng trong những phòng trà ca nhạc ở miền Nam. Nhưng phải chờ đến những năm 65, 66, 67 khi tiếng hát của Trịnh Công Sơn cất lên trong các giảng đường Đại Học Sài Gòn và Huế, trước hàng ngàn sinh viên học sinh cuồng nhiệt, với những ca khúc trong các tập *Ca khúc Trịnh Công Sơn* và *Ca khúc Da vàng*, cái tên Trịnh Công Sơn đã trở thành một hiện tượng. Hiện tượng Trịnh Công Sơn.

Những ca khúc phản chiến của Trịnh Công Sơn được chép để chuyên tay, được in ra băng cassette, hoặc băng từ loại lớn, còn gọi là băng Akai... Nghĩa là mọi hình thức phổ biến, phương tiện phổ biến đều được tận dụng. Người ta nghe nhạc phản chiến Trịnh Công Sơn trong quán cà phê, người ta nghe trong những cuộc sinh hoạt tập thể của thanh niên, thậm chí người ta nghe trong khuê phòng và nghe ở cả những tiền đồn heo hút...

Dàn trải trên nền một điệu Blue buồn đau và uất nghẹn, với nhịp hát kể Recitativo, ca khúc phản chiến của Trịnh Công Sơn vút lên :

“... Ôi chính chiến đã mang đi bạn bè
ngựa hồng đã moi vó chết trên đời quê hương
còn có ai không còn người, ôi nhân loại mặt trời
và em tôi này đôi môi xin thương người
ôi nhân loại mặt trời trong tôi...”

(Xin mặt trời ngủ yên - ca khúc Trịnh Công Sơn)

Và,

“... Giọt nước mắt thương con, con ngủ mẹ mừng
Giọt nước mắt thương sông ấp ủ rêu rong
Giọt nước mắt thương đất, đất cần cỗi bao năm
Giọt nước mắt thương dân, dân mình phận long đong”

(Nước mắt cho quê hương - Ca khúc Trịnh Công Sơn)

Rồi,

“Mẹ ngồi ru con đong đưa vông buồn năm qua tuổi
mòn. Mẹ nhìn quê hương nghe con mình buồn giọt lệ
ăn năn. Giọt lệ ăn năn đưa con về trần tử nhục
chung thân...”

(Ca dao mẹ - Ca khúc Trịnh Công Sơn)

Hay từ một hiện thực vừa mới xảy ra trong thành phố :

“ Ghế đá công viên dờ ra đường phố.
Người già co ro chiều thiu thiu ngủ.
Người già co ro buồn nghe tiếng nổ.
Em bé lỏa lồ khóc tuổi thơ đi...”

(Người già em bé - Ca khúc Trịnh Công Sơn)

Và với *Phúc âm buồn*, *Tuổi đá buồn* v.v... Tiếng hát Trịnh Công Sơn như một sợi dây vô hình đã nhanh chóng nối kết những tâm trạng riêng, những số phận riêng của người dân đô thị miền Nam vào trong một tâm trạng chung, một số phận chung. Tâm trạng và số phận này là gì ? Đó là tâm trạng và số phận của những con người Việt Nam đã từng bị lừa, họ là nạn nhân của bạo lực vô minh, mà niềm tin và hy vọng của họ đã trải qua bao lần bể dâu. Đối với họ, mọi khát vọng, mọi dự

phóng đều là hư vô. Họ đang vẫy vùng trong một cảnh sống đầy máu xương, mất mát tang tóc của một cuộc chiến tranh phi lí mà lối thoát chưa một lần thấy lóe sáng ở cuối con đường hầm cuộc đời tăm tối đó.

Tôi cho rằng, bằng một khả năng cảm nhận sắc bén bẩm sinh anh đã dễ dàng biến những cảm nhận riêng của mình thành của chung. Bằng một phương cách biểu hiện rất khéo do ở chỗ sử dụng những ẩn dụ, những hình tượng rất mới, anh đã gây được những ấn tượng mạnh cho người nghe, và đặc biệt khi cần phải đối kháng với một thực tại mà anh không thể nào vấn hồi được, anh dựng một thân thoại. Nhờ thế mà tiếng nói của anh dễ dàng lọt vào lòng người, và dễ dàng được đồng cảm.

*“ Người nằm co như loài thú khi mùa đông về
Người nằm yên không kêu than buốt xương da mình
Từng tiếng người nhiều tiếng người gọi hoài giữa đêm
...
Người còn đó nhưng lời nói rơi về chân đồi
Người ngồi đó nhưng trong tim máu tuôn ra ngoài
Nhuộm đất này nhuộm cho hồng hạt mầm trót vay.”*

(Phúc âm buồn - Ca khúc Trịnh Công Sơn)

Bằng một định hướng, cũng như một phương pháp sáng tác như đã được trình bày ở trên, Trịnh Công Sơn đi vào giai đoạn “Ca khúc da vàng”. Ở đây, những cảm nhận về quê hương và thân phận đã trở nên mãnh liệt hơn, quặn thắt hơn và đôi khi dẫn đến sự phẫn nộ. Từ *Ngày dài trên quê hương*, *Người con gái Việt Nam*, *Đại bác ru đêm* cho đến *Tôi sẽ đi thăm*, *Tình ca người mất trí*, *Hãy nói giùm tôi*, *Gia tài của mẹ...* đã nói lên điều đó.

Ta hãy nghe :

*“ Người nô lệ da vàng ngủ quên ngủ quên trong căn
nhà nhỏ đèn thấp thì mờ ngủ quên quên đã bao năm
ngủ quên không thấy quê hương. Bao giờ đập tan
gông cùm xiềng xích vô hình trói buộc ta bao giờ đập
tan gông cùm xiềng xích vô hình trói buộc tự do...”*

(Đi tìm quê hương- Ca khúc Da vàng)

*“Hãy sống giùm tôi hãy nói giùm tôi hãy thở giùm tôi
thịt da này dành cho thù hận cho bạo cường cho tham
vọng của một lũ diên...”*

(Hãy nói giùm tôi - Ca khúc Da vàng)

Tiếng hát đã tạo nên những hiệu quả trong đời sống xã hội thật sự. Nó đã làm cho một số không ít thanh niên nhìn ra cái bản chất phi nhân và tàn bạo của cuộc chiến khiến họ đi đến hành động trốn lính hay đào ngũ. Dưới con mắt của những người cảm quyền thuộc chế độ cũ Sơn là một kẻ phá hoại tinh thần chiến đấu của anh em binh sĩ.

Ở miền Nam lúc bấy giờ cường độ của cuộc chiến càng lúc càng gia tăng. Người Mỹ ra sức củng cố chế độ cũ và đẩy mạnh cuộc chiến. Chiến tranh càng lan tràn khắp nơi một cách khốc liệt. Năm 1968, với cuộc tổng công kích xuân Mậu Thân, nhiều thành phố ở trên khắp miền Nam đã trở thành bãi chiến trường. “ Con người trong tôi ” của Trịnh Công Sơn lại tiếp tục lên tiếng mỗi lúc một khẩn thiết hơn :

*“ Xác người nằm trôi sông phơi trên ruộng đồng
Trên nóc nhà thành phố trên những đường quanh co
Xác người nằm bơ vơ dưới mái hiên chùa*

Trên giáo đường thành phố trên thêm nhà hoang vu...”

(Bài ca dành cho những xác người - Ca khúc da vàng 2)

Và trong cái cảnh tượng trần gian là một lò sát sinh đó, đã có những người mẹ, những người chị đã lâm vào trong một trạng thái tâm thần bệnh lý :

*“...Mẹ võ tay reo mừng chiến tranh chị võ tay hoan hô
hòa bình người võ tay cho thêm thù hận người võ tay
xa dần ăn năn.”*

(Hát trên những xác người - Ca khúc da vàng 2)

Và sau đó nhiều năm, người dân ở trong các thành phố miền Nam vẫn tiếp tục chịu đựng những cuộc nổ mìn, những trận pháo kích gây thương vong không ít cho đám dân lành vô tội. Ngày ngày không dứt tiếng súng tiếng bom. Và hằng đêm trong ánh hỏa châu vàng vọt ghê rợn, người dân thành phố nín thở, nơm nớp đợi chờ những điều không may có thể xảy đến cho mình. Mỗi ngày, từ chiến tuyến những chiếc quan tài phủ cờ được đưa về thành phố, trên đầu những trẻ mồ côi, những góa phụ, khăn tang cứ bay như phướn.

Từ 1968 cho đến những năm 1969, 1970, 1971, thỉnh thoảng người ta lại nghe phong thanh đâu đó về một giải pháp hòa bình cho Việt Nam. Rồi tất cả lại tất ngấm. Người dân Việt khát khao hòa bình như kẻ đi trong sa mạc khát đến cháy bỏng cổ họng mà ốc đảo xanh tươi hiện ra trước mặt mình chỉ là những ảo ảnh. Cuộc chiến khốc liệt cứ tiếp diễn. Phong trào đấu tranh hòa bình Việt Nam ở các đô thị lại bùng lên mãnh liệt. Đặc biệt là phong trào thanh niên sinh viên học sinh, bây giờ lập trường đã kiên định : Mỹ cút, ngụy nhào, hòa bình đến. Tôi, kẻ viết bài này đã quyết định, đã chọn lựa đứng vào phong trào đó. Nhưng chọn lựa nào cũng có những đau đớn. Tôi phải đứng về phía dân tộc theo cách của tôi. Để có hòa bình thì dân tộc phải có quyền tự quyết, mà quyền tự quyết thì phải đấu tranh mà dành lấy chứ chẳng ai cho. Nhưng càng đấu tranh thì càng chông chất đau thương. Những kẻ dễ quên thì dễ sống, còn tôi thì không thể quên điều này. Và phải nói một cách thành thật rằng chính những ca khúc phản chiến của Trịnh Công Sơn trong những năm đầu tiên đã đánh thức trong tôi tình tự dân tộc, sau đó thì tôi chọn một thế đứng quyết liệt hơn, âu cũng là do tánh khí riêng của mình. Nhưng về sau tôi vẫn thường tiếp tục hát những ca khúc phản chiến của anh. Vì tôi thấy nó mang lại cho đầu óc mình sự “ mát mẻ ”, khi mà mình không thể thường xuyên chịu đựng mãi một sự căng thẳng sát máu. Và đôi khi nó cũng khiến cho mình mơ mộng về một nền hòa bình có thể thế này mà không phải thế kia... Đó là con đường tự do đi đến hòa bình mà không phải đổ máu. Tôi sợ máu!

Trịnh Công Sơn trong giai đoạn cực đoan này thì sao ? - Vẫn trung thành với con đường mà tự anh đã vạch ra từ trước, anh tiếp tục đi, đi theo tiếng gọi của dân tộc mà anh đã nghe thấy theo cách của mình. Có khi anh đi một cách mạnh dạn hơn, và anh kêu gọi, anh hô hào. Và tinh thần của anh, tùy mỗi hoàn cảnh khác nhau mà hy vọng, hào hứng hay tuyệt vọng... hoặc ngược lại. Kết quả là hai tập ca khúc kế tiếp nhau ra đời *Kinh Việt Nam* (1968), *Ta phải thấy mặt trời* (1970) (anh tự ấn hành dưới tên NXB Nhân Bản). Ở giai đoạn này anh cùng xuống đường với thanh niên, sinh viên, học sinh. Anh hát :

*“Nơi đây tôi chờ.
Nơi kia anh chờ.”*

*Trong căn nhà nhỏ mẹ cũng ngồi chờ.
Anh lính ngồi chờ trên đồi hoang vu.
Người tù ngồi chờ bóng tối mặt mù...
... Chờ tin mừng sông chờ núi cũng chờ mong
Chờ trên vầng trăng mẹ thấp lên bình minh
Chờ khô nước mắt chờ đá reo ca
Chờ áo cơm nuôi cho những trẻ con không nhà
Chờ ngày Việt Nam thống nhất cho những tình
thường vỡ bờ.*

(Chờ nhìn quê hương sáng chói - Kinh Việt Nam)

Hay :

*“ Rừng núi dang tay nối lại biển xa
Ta đi vòng tay lớn mãi để nối sơn hà...”*

(Nối vòng tay lớn - Kinh Việt Nam)

Hoặc :

*“ Ta bước bước đi, bước bước hoài, trên quê hương
dấu yêu này.
Còn bao nhiêu người nhìn nhau hôm nay.
Đôi mắt bóng tối trái tim nghi ngại còn ai quanh đây
chưa góp tiếng nói chưa nối lại nắm tay...”*

(Chưa mòn giấc mơ - Ta phải thấy mặt trời)

Và:

*“ Huế - Sài Gòn - Hà Nội quê hương ơi sao vẫn còn xa.
Huế - Sài Gòn - Hà Nội bao nhiêu năm sao vẫn thờ ơ.
Việt Nam ơi còn bao lâu những con người ngồi nhớ thương nhau...”*

(Huế - Sài Gòn - Hà Nội - Ta phải thấy mặt trời)

Sang đến năm 1972, cục diện chiến tranh trên toàn miền nam vô cùng ác liệt, một cuộc “ Việt Nam hóa chiến tranh ” dưới mắt người Mỹ. Bằng con đường phản chiến lấy trái tim nhân ái mà giải quyết mọi điều, trên cơ sở tình tự dân tộc, Trịnh Công Sơn đến đây thì đã mệt mỏi, và tuyệt vọng. Anh cho ra đời tập ca khúc *Phụ khúc da vàng*, mà anh đã cho rằng đáng lẽ không nên viết. Đây là tập ca khúc cuối cùng của dòng nhạc phản chiến Trịnh Công Sơn.

Anh hát để kết thúc cho một nỗ lực vô vọng của chính mình :

*“...Đường anh em sao đi hoài không tới
Đường văn minh xương cao cùng với núi
Đường lương tâm mệnh mộng hoài bóng tối
Trái đầu thương cho con mới ra đời...”*

(Hãy nhìn lại - Phụ khúc da vàng)

*

Sau 1975, có một sự im lặng đè nặng lên những ca khúc phản chiến từng một thời nổi tiếng lấy lòng của anh. Và chính anh cũng giữ sự im lặng cho đến ngày qua đời.

Nếu hôm nay ta nhìn nhận và đánh giá cao những tình khúc của anh, chúng ta không thể nào bỏ qua được những ca khúc phản chiến của Trịnh Công Sơn. Vì chính những ca khúc này đã tạo cho anh có được một tầm cỡ như ngày nay, cho dù những tình khúc của anh vốn đã rất tài hoa.

Có người sẽ cho rằng không phải nói đến những ca khúc phản chiến của Trịnh Công Sơn nữa, vì chữ thời đã qua rồi. Nghĩa là không còn thời tính nữa. Cũng có người sẽ góp ý

thêm rằng các ca khúc phản chiến của anh vốn lòng khùng, để dài, nếu không muốn nói là ngây thơ, hoặc thiếu logique lịch sử, chính trị hay là cái gì đó...

Tôi thì cho rằng, đến ngày nay, qua những trò đầu bể của cuộc thế, thời tính của những ca khúc phản chiến của Trịnh Công Sơn vẫn còn. Nó còn trong ý nghĩa của tiếng nói lương tâm và nhân ái. Qua tác phẩm của mình chưa từng ai nói đến lương tâm và lòng nhân ái đậm đà như anh. Tiếng nói này còn phải luôn luôn được tôn trọng trước khi ta bắt tay vào một công việc, mà công việc đó sẽ có ảnh hưởng trên hàng vạn, hàng triệu sinh linh.

Con đường anh đã chọn và anh đã đi suốt cuộc đời mình là một con đường không dễ chọn. Nếu từ thời điểm hôm nay để nhìn lại thời bấy giờ thì rõ ràng là anh đã đi giữa hai làn đạn. Mà bất kỳ khi nào một viên đạn từ một hướng nào đó có thể kết liễu cuộc đời anh. Anh có lý của riêng anh. Là một nghệ sĩ chân chính, anh đã chọn cái logique của quả tim, và bằng trực giác nghệ thuật anh đã dựng nên sự nghiệp của mình. Đừng bắt anh phải làm chính trị, cũng đừng bắt anh, làm một “ con buôn thời thế ”. Anh sẽ không đại gì đâu cơ, cũng như đầu tư tài năng và tâm huyết của mình cho một cuộc chơi ngắn hạn như vậy, mà kết cục thua lỗ là một điều tất nhiên. Anh chỉ biết sống và rung cảm bằng một quả tim trung thực, và dùng tài năng của mình để nói lên điều mà con tim muốn nói. Vì anh là Trịnh Công Sơn, một nghệ sĩ lớn, một nghệ sĩ của mọi người, và sống giữa mọi người. Chính sự ngưỡng mộ của mọi người đối với anh lúc anh còn sống, và đoàn người đông đảo tiễn đưa anh lúc anh qua đời đã nói lên rằng trong sứ mệnh nghệ thuật đối với dân tộc anh đã thành công.

Trong những ca khúc phản chiến anh còn để lại, phản chiến chẳng qua là một cách gọi, đừng chấp, vẫn có nhiều ca khúc có thể hát đơn hay đồng ca vào thời bấy giờ.

Hãy tiếp tục hát lên những khúc hát về lương tâm và lòng nhân ái của anh. Vì hơn bao giờ hết, hôm nay chúng ta vẫn đang cần đến lương tâm, lòng nhân ái cho những việc lớn lẫn việc nhỏ. Và chúng ta đừng bao giờ nhìn về bi kịch con người bằng một cái nhìn đơn giản.

Vỹ Dạ, 25-4-2001

Bửu Chi

Diễn Đàn forum

Directeur de publication : Nguyễn Quang Đỗ * Imprimé par nos soins
Dépôt Légal : 178/ 91 * Commission Paritaire : AS 73 324 * Prix : 4 Eu.

Địa chỉ bưu điện :

BP 50, 92340 Bourg-La- Reine (Pháp)

Fax: từ Pháp : 01 45 86 65 93 ; quốc tế : 33 1 45 86 65 93

Địa chỉ điện tử (E-Mail):

diendan@wanadoo.fr.

<http://perso.wanadoo.fr/diendan>

Đại diện ở các nước :

Đức : Tran, Am Stadtpark 6, 92237 Sulzbach-Rosenberg

Thể lệ mua báo : xin coi trang 3.

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa Mac (font PDT) hay PC (font VNI, TCVN, VPS, PDT..) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)